



The Ego and the Id

Sigmund Freud

EGO VA ID - SIGMUND FREUD

Table of Contents

[Chương I Hữu thức và những gì là Vô thức](#)

[Chương II Cái Ta và cái Đó \(the Ego and the Id\)](#)

[Chương III Cái Ta và cái Ta Lý tưởng](#)

[Chương IV Hai Lớp Bản năng](#)

[Chương V Những liên hệ tùy thuộc của Ego](#)

Về quyển sách này

Năm 1920, trong *Beyond the Pleasure Principle* (Vượt ngoài nguyên tắc Lạc thú), Freud đi đến phát triển những gì thành ra được gọi là “lý thuyết cơ cấu” về não thức. Lý thuyết này nhận diện hai xung lực cơ bản, libido hay xung lực Sống, đây là bản năng sinh tồn, và xung lực Chết, bản năng hủy hoại; hai xung lực này vật lộn với nhau để dành phần thắng trong mỗi chúng ta.

Lý thuyết này cũng cho thấy ba cơ cấu trung tâm của não thức: Id, ego và superego, cả ba ít nhất cũng có phần nằm trong vô thức. Ba năm sau, trong tập sách này, Freud giải quyết những nội dung quan trọng của những khái niệm này. *The Ego and the Id* phải được xem là công trình đáng kể nhất của Freud những năm về sau trong đời ông. Mặc dù hoàn toàn lý thuyết, nhưng Freud, qua lời nói đầu của chính ông, bảo nó là “gần với khoa phân tâm học”, nghĩa là gần với những kinh nghiệm trị liệu, hơn là những gì viết trước nó vào những năm 1920.

Cũng đáng ghi nhận là ông đã có thể lấy nhan đề của tập sách là *The Ego, the Id, and the Superego*, vì ông cũng cho nhiều chi tiết về Superego. Nhưng trung tâm bàn luận của ông thực ra là Ego, ông xem nó vật vã với ba sức mạnh: Id và Superego bên trong, và thế giới bên ngoài. Freud không hoàn toàn đi đến kết luận về những câu hỏi về sức mạnh của những cơ cấu này - phần lớn công việc đó và những nội dung liên hệ với chúng được những nhà lý thuyết đi sau ông như Heinz Hartmann, Ernst Kris, và Rudolph Loewenstein giải quyết – nhưng trong tập sách này, Freud xem ego như một người kỵ mã, người ấy đi đến những chỗ nào con ngựa ông cỡi (Id) muốn đi đến.

Dịch giả bản tiếng Anh, Cái Ta và cái Đó Lời nói đầu: Những thảo luận này là một phát triển xa thêm nữa từ một vài dòng suy nghĩ mà tôi đã mở ra trong *Beyond the Pleasure Principle* (1920g), và như tôi đã lưu ý ở đó, thái độ của tôi đã là một loại tò mò hướng thiện. Trong những trang tiếp sau đây những suy nghĩ này được liên kết với nhiều sự kiện của sự quan sát phân tích (tâm lý) và một cố gắng được thực hiện để đi đến những kết luận mới từ sự kết hợp này; tuy nhiên trong công trình này, không có những vay mượn mới từ sinh học, và trên lý do đó, nó đứng gần tâm lý phân tích hơn là *Beyond the Pleasure Principle* (1920g). Trong bản chất, nó là một tổng hợp hơn là một suy đoán, và xem dường đã có một mục đích tham vọng. Tuy nhiên, tôi ý thức rằng nó không đi xa hơn những phác thảo thô sơ nhất, và tôi hoàn toàn hài lòng trong vòng giới hạn đó.

Trong những trang này, những sự việc được đưa đến vốn đã chưa từng là chủ đề của sự khảo cứu trong phân tích tâm lý (phân tâm học), và đã không thể nào có thể tránh khỏi phải đào xới trên một số lý thuyết, vốn chúng đã được những nhà không trong giới phân tâm đưa ra, hoặc những nhà phân tâm trước đây trên đường rút lui của họ từ phân tâm đưa ra. Tôi đã luôn luôn, ở những nơi khác, sẵn sàng để xác nhận những gì tôi mang nợ với những người khảo cứu khác, nhưng trong trường hợp này, tôi cảm thấy mang gánh nặng do không có khoản nợ như thế của lòng biết ơn.

Nếu khoa phân tích tâm lý cho đến nay đã không cho thấy sự cảm kích của nó về một số điều nào đó, điều này đã không từng bao giờ như thế vì nó bỏ qua thành tích của chúng, hoặc tìm cách phủ nhận sự quan trọng của chúng, nhưng vì nó đã đi theo một lối đi đặc biệt, vốn đến nay đã chưa dẫn cho xa mấy. Và cuối cùng, khi nó đã đến được với chúng, với nó những sự việc có một cái nhìn khác biệt với những gì chúng có với những người khác.

Sigmund Freud (1856-1939) Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất (Feb/2012) Nguyên bản tiếng Đức: Freud, Sigmund (1923), *Das Ich und das Es*, Internationaler Psycho-analytischer Verlag, Leipzig, Vienna, and Zurich.

Bản tiếng Anh: *The Ego and the Id*, Joan Riviere (trans.), Hogarth Press and Institute of Psychoanalysis, London, UK, 1927. Revised for *The Standard Edition of the Complete Psychological Works of Sigmund Freud*, James Strachey (ed.), W.W. Norton and Company, New York, NY, 1961.

Bản tiếng Pháp: *Le moi et le ça*, Traduction de l'Allemand par le Dr. S. Jankélévitch en 1920, revue par l'auteur. Réimpression : Paris : Éditions Payot, 1968.

Dịch theo bản tiếng Anh của bà Joan Hodgson Riviere (1883 - 1962), *The Standard Edition*, có đối chiếu với bản tiếng Pháp.

Chương I Hữu thức và những gì là Vô thức

Trong chương giới thiệu này không có gì mới để nói, và sẽ không thể nào tránh lặp lại những gì đã thường được nói trước đây.

Việc phân chia tâm thần vào thành những gì là hữu thức và những gì là vô thức [1] là tiền đề nền tảng của phân tích tâm lý [2]; và nó một mình làm khả hữu cho phân tích tâm lý để hiểu những tiến trình bệnh lý trong đời sống tinh thần, vốn chúng cũng phổ biến như chúng là quan trọng, và để tìm một chỗ cho chúng trong cấu trúc cơ bản của khoa học. Nói về nó một lần nữa trong một lối khác: phân tích tâm lý không thể đặt định bản thể của tâm thần trong hữu thức, nhưng bị buộc phải xem tính hữu thức như là một phẩm tính của tâm thần, vốn có thể hiện diện cộng thêm với những phẩm tính khác, hoặc có thể vắng mặt.

Nếu tôi có thể giả sử rằng mọi người quan tâm đến tâm lý học sẽ đọc cuốn sách này, tôi cũng nên sửa soạn để tìm thấy rằng tại điểm này, một vài người đọc của tôi đã sớm bỏ cuộc dừng lại rồi, và sẽ không đi xa hơn nữa; vì ở đây chúng ta có khẩu hiệu đặc thù đầu tiên của khoa phân tích tâm lý. Đối với hầu hết mọi người, những người đã được giáo dục trong triết học, ý tưởng về bất cứ điều gì thuộc tâm thần mà lại cũng không có ý thức, thì hết sức không thể tưởng tượng được khiến với họ nó có vẻ phi lý, và có thể phản bác chỉ đơn thuần bằng lôgích. Tôi tin điều này là chỉ vì họ chưa bao giờ nghiên cứu những hiện tượng liên quan đến sự thôi miên và những giấc mơ – hoàn toàn ngoài những biểu hiện bệnh lý – vốn tất yếu đi đến quan điểm này. Tâm lý học về hữu thức của họ không có khả năng giải quyết những vấn đề của những giấc mơ và của thôi miên.

“Là có ý thức” [3], đầu tiên là một thuật ngữ thuần túy mô tả, khi dựa trên nhận thức của một nhân vật nào đó và tức thời nhất. Kinh nghiệm tiếp tục cho thấy rằng một yếu tố tâm thần (lấy trường hợp cụ thể, một ý tưởng) không phải như là một quy luật, phải có ý thức trong một thời gian được kéo dài. Ngược lại, một trạng thái của sự có ý thức thì có tính cách đặc trưng rất tạm thời; một ý tưởng vốn nó là ý thức bây giờ thì không còn là như thế một lúc sau đó, mặc dù nó có thể lại trở thành như vậy một lần nữa trong những điều kiện nhất định vốn có thể dễ dàng gây ra. Trong khoảng đứt quãng thời gian, ý tưởng đã là - chúng ta không biết là gì. Chúng ta có thể nói rằng nó đã tiềm ẩn, và như thế, chúng ta hàm nghĩa là nó có khả năng trở thành hữu thức bất cứ lúc nào. Hoặc, nếu chúng ta nói đó đã là vô thức, chúng ta

cũng sẽ đưa ra một mô tả chính xác về nó. Ở đây, “vô thức” trùng hợp với “tiềm ẩn và có khả năng trở thành hữu thức”. Những triết gia, không nghi ngờ gì, sẽ phản đối: “Không, thuật ngữ ‘vô thức’ thì không áp dụng được ở đây; miễn là cho đến chừng nào ý tưởng đã trong một trạng thái tiềm ẩn, nó đã không là bất cứ điều gì thuộc về tâm thần hết cả”. Để nói ngược lại với họ ở điểm này sẽ chỉ dẫn đến một cái vớ vẩn qua tiếng lại, không ích lợi gì hơn.

Nhưng chúng ta đã đi đến thuật ngữ, hoặc khái niệm về vô thức dọc theo lối khác, bằng xem xét những kinh nghiệm nhất định, trong đó những động lực tinh thần đóng một vai trò. Chúng ta đã tìm thấy - đó là, chúng ta đã bị buộc phải giả định - rằng có hiện hữu những tiến trình tâm thần rất mạnh mẽ hoặc những ý tưởng (và ở đây là một yếu tố định lượng hoặc kinh tế lần đầu tiên đi vào câu hỏi thảo luận), vốn chúng có thể sản xuất tất cả những hiệu quả trong đời sống tinh thần mà những ý tưởng thông thường có thể sản xuất (bao gồm cả những hiệu quả vốn chúng có thể cso khi đến phiên chúng trở thành hữu thức như những ý tưởng), mặc dù chính bản thân chúng không trở thành hữu thức. Nó là không cần thiết phải lập lại chi tiết ở đây những gì đã được giải thích quá thường xuyên trước đây [4]. Là đủ để nói rằng ở điểm này, lý thuyết Phân tích tâm lý bước vào, và xác định rằng lý do tại sao những ý tưởng như vậy không thể trở thành hữu thức là vì có một sức mạnh nào đó chống đối chúng, rằng nếu không thế, chúng đã có thể trở thành hữu thức, và rằng sau đó sẽ thành rõ ràng rằng chúng ít khác biệt đến chừng nào với những yếu tố khác vốn được thừa nhận là thuộc tâm thần.

Sự kiện rằng trong kỹ thuật của khoa phân tích tâm lý, một phương tiện đã được tìm thấy, qua đó sức mạnh chống đối có thể được gỡ bỏ đi, và ý tưởng trong vấn đề nghiên cứu thành nên hữu thức, đã khiến lý thuyết này không thể bị bác bỏ được. Trạng thái trong đó những ý tưởng đã hiện hữu trước khi được làm thành có ý thức được chúng ta gọi là sự dồn nén [5], và chúng ta khẳng định rằng sức mạnh vốn thiết lập sự dồn nén và duy trì nó thì được nhận thức như sự đề kháng lại trong công tác của phân tích tâm lý.

Thế nên, chúng ta thu nhận được khái niệm của chúng ta về vô thức từ lý thuyết của sự dồn nén. Cái bị dồn nén đàn áp là dạng thức ban đầu của vô thức với chúng ta. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng chúng ta có hai loại vô thức – một loại là tiềm ẩn nhưng có khả năng trở thành có ý thức, và một loại vốn nó bị đàn áp, dồn nén, và trong tự thân nó và không thêm nhiều rắc rối, nó không có khả năng trở thành có ý thức. Mạnh thị kiến này nhìn vào trong những động lực tâm thần không thể không tác động đến thuật ngữ và sự mô tả. Cái tiềm ẩn, vốn là vô thức chỉ trong ý nghĩa mô tả, không phải trong ý nghĩa năng

động, chúng ta gọi là tiền-ý-thức [6]; chúng ta hạn chế thuật ngữ vô thức chỉ dùng để chỉ vô thức năng động bị dồn nén; như thế bây giờ chúng ta có ba thuật ngữ, Ý thức (Cs.), Tiền-ý thức (Pcs.), và Vô thức (Ucs.) [7], có ý nghĩa của chúng thôi không còn thuần túy là mô tả. Pcs. được giả định là rất nhiều gần gũi với Cs. hơn là với Ucs., và vì chúng ta đã gọi Ucs. là thuộc tâm thần, chúng ta sẽ thậm chí còn ít do dự hơn khi gọi Pcs. tiềm ẩn là thuộc tâm thần. Nhưng thay vì điều này, tại sao chúng ta lại không cứ giữ thỏa thuận với những triết gia, và trong một cách nhất quán, phân biệt Pcs. cũng như Ucs. với hữu thức của tâm thần? Những triết gia sau đó sẽ đề nghị rằng Pcs. và Ucs. nên được mô tả như là hai loại, hoặc hai giai đoạn của “psychoid” [8], và sự hòa hợp sẽ được thiết lập. Nhưng những khó khăn bất tận trong triển khai sẽ đến theo; và một sự kiện quan trọng, rằng hai loại này của psychoid trùng hợp trong hầu hết mọi khía cạnh khác với những gì là được thừa nhận thuộc tâm thần, chúng sẽ bị đẩy vào nền phía sau, vì những lợi ích của một thành kiến có niên đại từ một giai đoạn mà trong đó những psychoids này, hoặc phần quan trọng nhất của chúng, đã vẫn còn chưa biết.

Bây giờ chúng ta có thể thoải mái dùng ba thuật ngữ của chúng ta, Cs., Pcs., và Ucs., miễn là chừng nào chúng ta đừng quên rằng trong ý hướng mô tả có hai loại vô thức, nhưng chỉ có một trong ý hướng năng động. Đối với những mục đích trình bày, sự phân biệt này trong một số trường hợp có thể được bỏ qua, nhưng trong những trường hợp khác, nó là tất nhiên không thể thiếu. Đồng thời, chúng ta đã ít hay nhiều hơn trở thành quen thuộc với sự mơ hồ này của vô thức, và xoay sở được khá tốt với nó. Theo như tôi có thể nhìn thấy, nó là không thể nào tránh được sự nhập nhằng này, sự phân biệt giữa ý thức và vô thức là phương sách cuối cùng một câu hỏi về nhận thức, nó phải được trả lời “có” hoặc “không”, và hành động của nhận thức tự thân nó không nói gì với chúng ta về lý do tại sao một sự việc là có, hoặc không được nhận thức. Không ai có quyền than phiền vì những hiện tượng của thực tại diễn tả yếu tố động lực một cách hàm hồ, không trắng đen rõ ràng [9].

Tuy nhiên, trong tiến trình tiếp tục xa hơn của công việc phân tích tâm lý, ngay cả những phân biệt này đã chứng tỏ là không thỏa đáng, và cho những mục đích thực tế, không đầy đủ. Điều này đã trở nên rõ ràng trong nhiều cách, hơn là chỉ một cách; nhưng trường hợp quyết định là như sau. Chúng ta đã hình thành ý tưởng rằng trong mỗi cá nhân có một tổ chức mạch lạc của những tiến trình não thức; và chúng ta gọi đây là Ego [10] của người ấy. Đó là với Ego này mà tính có thức được gắn buộc vào; Ego kiểm soát những tiếp cận với tính vận động – đó là, với sự thái hồi những kích động vào trong thế giới bên ngoài, nó là cơ quan não thức giám sát tất cả những tiến

trình tạo lập riêng của nó, và ban đêm nó đi ngủ, mặc dù ngay cả sau đó nó vẫn hành xử sự kiểm duyệt trên những giấc mơ.

Từ Ego này cũng tiến hành sự đàn áp dồn nén nữa, bằng những phương tiện qua đó nó tìm để loại trừ những khuynh hướng nhất định nào đó trong não thức, không chỉ đơn thuần là từ hữu thức, nhưng cũng còn cả từ những hình thức khác thuộc về tính có hiệu quả và tính hoạt động. Trong phân tích tâm lý, những khuynh hướng này vốn đã bị chặn đóng, đứng đối lập với Ego, và phân tích tâm lý thì đối mặt với nhiệm vụ loại bỏ những đề kháng vốn Ego trưng bày chống lại trong liên quan chính nó với cái-bị-đàn áp. Bây giờ, chúng ta tìm thấy trong tiến trình phân tích rằng, khi chúng ta đặt những nhiệm vụ nhất định nào đó trước người bệnh, ông ta vướng vào những khó khăn, những liên kết [11] của ông bị thất bại khi chúng đáng lẽ nên đi đến gần với cái bị dồn nén. Sau đó chúng ta bảo với ông rằng ông bị một sức đề kháng chi phối, nhưng ông là hoàn toàn không biết gì về sự kiện, và ngay cả khi ông có dự đoán từ những cảm xúc khó chịu, không thoải mái, rằng có một đề kháng hiện làm việc trong ông ta, ông ta không biết nó là gì, hoặc mô tả nó thế nào. Tuy nhiên, vì có thể là không có câu hỏi ngoại trừ rằng sự đề kháng này xuất phát từ Ego của ông ta và thuộc về nó, chúng ta tìm thấy chính chúng ta trong một tình huống không lường trước.

Chúng ta đã đi đến một gì đó trong tự thân Ego vốn cũng là vô thức, vốn nó cư xử giống y như cái-bị-đàn áp - nghĩa là, nó sản xuất những hiệu quả mạnh mẽ mà tự nó là không có ý thức, và nó đòi hỏi việc làm đặc biệt trước khi nó có thể được làm thành là có ý thức. Từ điểm nhìn này của thực hành phân tích tâm lý, hậu quả của khám phá này là chúng ta bước lên bờ trong những mờ tối bất tận và những khó khăn bất tận, nếu chúng ta giữ lấy những hình thức quen thuộc trong diễn tả của chúng ta, và cố gắng, lấy thí dụ, để diễn dịch được chứng loạn thần kinh từ một xung đột giữa hữu thức và vô thức. Chúng ta sẽ phải đề thay thế cho phản đề này bằng một phản đề khác, lấy từ thị kiến sâu sắc của chúng ta vào trong những điều kiện cấu trúc của não thức – phản đề giữa Ego chặt chẽ và cái bị đàn áp vốn được tách rời từ nó [12].

Đối với khái niệm của chúng ta về vô thức, tuy nhiên, những hậu quả của khám phá của chúng ta thậm chí lại còn quan trọng hơn.

Những xem xét động lực là nguyên nhân khiến chúng ta thực hiện sự điều chỉnh đầu tiên của chúng ta; thị kiến sâu sắc của chúng ta vào trong cấu trúc của não thức dẫn đến điều chỉnh thứ hai. Chúng ta nhìn nhận ra rằng Ucs. không trùng hợp với những gì bị dồn nén, đàn áp; điều vẫn là đúng rằng tất cả những gì bị dồn nén, đàn áp là Ucs.,

nhưng không phải tất cả những gì là Ucs. là bị đàn áp.

(Nhưng có), một phần của Ego nữa, và Trời biết một phần quan trọng đến như thế nào - có thể là Ucs, chắc chắn là Ucs. Và Ucs.

này thuộc về Ego không phải là tiềm ẩn như Pcs., vì nếu như nó đã là thế, nó không thể được kích động mà không trở thành Cs., và tiến trình làm cho nó có ý thức sẽ không gặp phải những khó khăn lớn như vậy. Khi chúng ta tìm thấy chính mình do đó phải đối mặt với sự cần thiết của giả định một Ucs. thứ ba, vốn nó không bị đàn áp.

Chúng ta phải thừa nhận rằng những đặc tính của vô thức bắt đầu mất đi ý nghĩa đối với chúng ta. Nó trở thành một phẩm chất mà có thể có nhiều ý nghĩa, một phẩm chất mà chúng ta không thể, như chúng ta nên hy vọng để làm thế, làm cơ sở cho những kết luận sâu rộng và không thể tránh được. Tuy nhiên chúng ta phải đề phòng cẩn thận khi bỏ qua đặc điểm này, vì thuộc tính của tính cách là hữu thức hay không hữu thức, thì trong phương sách cuối cùng của một ngọn đèn hiệu dẫn đường giữa đen tối của tâm lý học chiều sâu.

Lê Dọn Bàn tạm dịch [1] Conscious: ý thức, hữu thức (hữu ý thức - 有意識); unconscious: vô thức (vô ý thức: 無意識). Khi chúng ta nói một ai ý thức về một điều gì đó – có nghĩa là một ai có ý thức về một điều gì đó. Cũng đồng nghĩa với hữu thức, vậy hữu thức và đối lập của nó là vô thức là hai trạng thái tâm lý, hay não thức – tạm hiểu như danh từ, và ý thức, có ý thức và không có ý thức, vô ý thức, vô thức có thể dùng như thuật từ chỉ tình trạng có những trạng thái tương ứng đó.

Những chú thích trong ngoặc vuông [...] là từ bản Anh ngữ, những chú thích khác – như trên là của tôi - LDB.

[2] Psychoanalysis, hay psychoanalysis: phân tích tâm lý – thường dịch tắt là phân tâm, và môn học tương ứng là Phân tâm học, hoặc theo đúng cú pháp Tàu, là Tâm phân học. Tôi dịch theo nguyên văn là Phân tích tâm lý.

Nhưng người Tàu dùng “Tinh thần phân tích học” (精神分析學) để chỉ môn học này.

[3] [“Bewusst sein” (trong hai từ) trong nguyên văn. Tương tự như thế trong Chương II của Lay Analysis (1926e), Standard Ed., 20, 197. “Bewusstsein” là từ Đức ngữ thông thường cho “ý thức”, và in nó trong dạng hai từ, nhấn mạnh sự kiện “Bewusst” ở thể thụ động quá khứ - “là có ý thức”. Trong Anh ngữ “conscious” có khả năng dùng trong cả hai cách thụ động hay chủ động. Nhưng trong thảo luận này, nó luôn luôn là thụ động.] Nên có chỗ, tôi dịch dài dòng là “có ý thức” hay

“được ý thức” - thay vì chỉ - “ý thức”.

[4] [Xem, thí dụ, “A Note on the Unconscious” (1912g), Standard Ed., 12, 262 và 264.] [5] Repression.

[6] tiền ý thức [7] Cs., Pcs., và Ucs. = viết tắt cho gọn những từ trong bản Anh ngữ - conscious, pre conscious, và unconscious.

Conscious: (Cs., das Bewusste): Ý thức: Nội dung thực sự của sự nhận biết; đó là những gì một người có ý thức về chúng tại một thời điểm nhất định nào đó. Hiểu theo cách của Freud khi ông nói về “hữu thức” hay “có ý thức” thì tương tự như những nhà tâm lý học về nhận thức gọi là có chú ý (attention).

Preconscious: (Pcs., das Vorbewusste): Tiền-ý thức: Toàn thể tập hợp gồm nội dung của não thức vốn hữu thức có thể tiếp cận được, nhưng không nằm trong vùng có ý thức trực tiếp trong một thời điểm nhất định nào đó. Nó có thể được mô tả là vô thức, nhưng không bị những rào cản tâm lý ngăn chặn, hay không bị đàn áp dồn ép. Đôi khi Freud so sánh sự chú ý có ý thức với một tiến trình giác quan, và tiền-ý thức như đa số lớn rộng gồm những chất liệu vốn giác quan của hữu thức không hướng về chúng. Tiền-ý thức, trước đây vẫn dịch là tiềm thức, như thế có lẽ không đúng với Freud, vì tiềm thức được hiểu như phần nằm giữa hữu thức và vô thức, phần này cũng được xem như gần với hữu thức, đó là phần chìm dưới nước - sát gần với phần nổi trên mặt nước, hữu thức. cái nhìn đó có tính cách định vị trí, không phải như Freud muốn chúng ta hiểu – chúng là những gì vốn đã là ý thức, nhưng nay không còn chú ý đến, nên không nằm trong vòng ý thức nữa, nhưng chúng có thể trở nên có ý thức bất cứ lúc nào chúng ta muốn. Như vậy Freud nói về tiến trình thời gian hơn là phân bố vị trí cấu trúc.

Unconscious: (Ucs., das Unbewusste): Vô thức là những tiến trình não thức mà ý thức không tiếp cận được bằng những phương tiện trực tiếp. Nghĩa là quay chú ý về chúng. Sự hiện hữu của chúng phải được diễn dịch từ những khoảng cách trong hữu thức, triệu chứng, giấc mơ,.. v.v. Nhưng vô thức – tuy chúng ta không “biết” nhưng được xem là năng động, không phải chỉ là mô tả tĩnh. Động vì nội dung của nó bị cản trở, che dấu không hiện ra với ý thức vì sự dồn nén, đàn áp.

[8] Psychoid: Nguyên lý sống: chỉ nguyên lý về sự sống, nguyên lý này được giả định là đứng sau, điều khiển tất cả những sinh hoạt ứng xử của một sinh vật sống.

[9] [Điều này cho đến nay có thể được so sánh với bài “Ghi chú về vô

thức trong Phân tích tâm lý” (1912g) của tôi. (Cũng xem những phần I và II của bản văn nghiên cứu tâm sinh lý của tôi về “Vô thức” (1915e)). Một chuyển hướng mới được những nhà phê bình về vô thức thực hiện xứng đáng xem xét tại điểm này. Một số những nhà điều tra, những người không từ chối nhìn nhận những sự kiện của khoa phân tích tâm lý, nhưng là những người không sẵn sàng chấp nhận vô thức, tìm một cách thoát khỏi khó khăn trong sự kiện, vốn không có ai phản đối, rằng trong sự có ý thức (coi như một hiện tượng) có thể phân biệt được một loạt những tỷ lệ lớn rộng về cường độ hoặc sự rõ ràng. Cũng đúng như có những tiến trình rất sinh động, chiếu sáng, và hữu hình ý thức, vì vậy chúng ta cũng có kinh nghiệm về những tiến trình khác mà chúng chỉ mờ nhạt, hầu như ngay cả khó lòng cho ý thức chú ý đến; đối với những gì mờ nhạt nhất với ý thức, được lập luận, là những gì những người phân tích tâm lý muốn áp dụng tên gọi không phù hợp là “vô thức”. Tuy nhiên, những điều này (theo lý luận tiếp tục), là có-ý thức hoặc là “trong hữu thức”, và có thể được làm thành có-ý thức đầy đủ và mạnh mẽ, nếu đem trả cho chúng sự chú ý đầy đủ.

Cho đến nay điều có thể làm được để ảnh hưởng bằng những lý luận đến quyết định của một câu hỏi thuộc loại này, vốn tùy thuộc hoặc là trên qui ước, hoặc trên những yếu tố cảm xúc, chúng ta có thể đưa ra những ý kiến sau đây. Tham chiếu về sự mức độ tỷ lệ thăng giáng dần dần của sự rõ ràng trong ý thức là không có cách nào đi đến kết luận ngã ngũ, và không có giá trị chứng cứ nhiều hơn so với những phát biểu tương tự như: “Cổ như vậy rất nhiều những tỷ lệ thăng giáng trong sự chiếu sáng - từ ánh sáng rõ ràng và sáng chói đến tia sáng mờ nhạt nhất - do đó không có điều gì giống như là đêm tối tất cả”; hay “Có nhiều những mức độ khác nhau của sự sống, do đó không có điều gì như cái chết”. Những phát biểu loại giống như vậy, trong một số cách thức, có thể có một ý nghĩa, nhưng cho những mục đích thực tiễn, chúng là vô giá trị. Điều này sẽ được nhìn thấy nếu người ta cố gắng rút ra những kết luận cụ thể từ chúng, chẳng hạn như, “do đó không cần bất diễm thấp lên một tia sáng”, hoặc, “do đó tất cả những sinh vật là bất tử”. Hơn nữa, để bao gồm “những gì là không thể chú ý” dưới khái niệm của “những gì là có ý thức” thì đơn giản chỉ là để đùa nghịch tàn phá với một, và là một mảnh duy nhất của kiến thức trực tiếp và chắc chắn mà chúng ta có về não thức. Và sau cùng tất cả, một ý thức trong đó một người không biết gì xem ra với tôi phi lý nhiều hơn rất nhiều so với một gì đó thuộc tâm thần vốn là vô thức. Cuối cùng, nỗ lực này để đánh đồng những gì là không được chú ý với những gì là vô thức rõ ràng được thực hiện mà không tính toán đến những điều kiện năng động tham gia, vốn đó là yếu tố quyết định trong việc hình thành quan điểm tâm lý phân tích. Vì nó bỏ qua hai sự kiện: thứ nhất, rằng đó là cực kỳ khó khăn và đòi

hỏi nỗ lực rất lớn lao để tập trung đầy đủ sự chú ý vào một cái gì đó không được chú ý thuộc về loại này; và thứ hai, rằng khi điều này đã đạt được, những suy nghĩ mà trước đây vốn đã không được chú ý thì không được ý thức nhìn nhận, nhưng thường có vẻ hoàn toàn xa lạ, và trái ngược với nó, và ngay tức thời bị nó chối bỏ. Vì vậy, tìm kiếm ẩn náu từ vô thức trong những gì hầu như hiếm không được chú ý, hay không chú ý, sau cùng chỉ là một dẫn xuất rút ra từ niềm tin đã có định kiến vốn nó liên quan đến sự nhận diện của tâm thần và hữu thức như giải quyết một lần và cho tất cả.] [10] Ego: (das Ich, nghĩa đen trong Anh ngữ là "I"): cái Ta - Freud giới thiệu từ ngữ này lần đầu tiên năm 1895 trong "Project" để chỉ một tập hợp của những tế bào thần kinh có kết động lâu dài năng lực tinh thần (a set of permanently cathected neurons), nó có chức năng ngăn cấm trực tiếp sự lưu truyền về số lượng của kích thích dọc theo những đường (vận động tâm lý) nguyên thủy. Chúng đạt được điều này bằng cách cung cấp một kênh phụ, thông qua đó năng lượng này được chuyển hướng. Một hệ thống như vậy là khó để hình dung chính xác từ mô tả của Freud, nhưng ông rõ ràng hình thành vai trò của nó, tạm có thể kể một vài để mừng tượng như - làm giảm xác suất của những liên kết đau đớn, cho phép sự cảm đoán về buồn xả trực tiếp qua hành động, và cho phép một sự phân biệt chọn lọc với ký ức.

[11] Association: là sự tiến trình tâm lý liên kết những ý tưởng, khiến từ một ý tưởng này chúng ta tự động nhớ, hay gọi lại được ý tưởng khác; chúng ta từ A nhớ đến B, vì chúng ta liên kết A với B, hay giữa A và B có sự liên kết nào đó - ngược lại là free association là một phương pháp thăm dò vô thức trong Phân tâm học. Nhà phân tâm đưa ra một, từ, một hình ảnh, thí dụ x và bảo chúng ta tránh do dự, suy nghĩ đưa ngay ra một y nào đó, bất kỳ y nào đến ngay trong trí, mặc dầu trước tiên xem ra y không có liên kết nào với x.

[12] [Cf. Beyond the Pleasure Principle (1920g).] Sigmund Freud - Ego và Id (3) Cái Ta và cái Đó Sigmund Freud (1856-1939) The Ego and the Id Das Ich und das Es (1923) (tiếp theo)

Chương II Cái Ta và cái Đó (the Ego and the Id)

Khảo cứu bệnh lý đã hướng chú tâm của chúng ta quá thiên biệt về cái bị-trấn áp. Giờ đây, chúng ta nên học hỏi thêm hơn về Ego, chúng ta biết rằng cả nó nữa, cũng có thể là vô thức trong ý nghĩa đúng đắn của từ ngữ. Cho đến nay, hướng dẫn duy nhất chúng ta đã có trong những điều tra của chúng ta đã là dấu hiệu phân biệt về tự cách có ý thức hoặc vô thức; cuối cùng chúng ta đi đến xem thấy điều này có thể hàm hồ không rõ ràng ra sao.

Bây giờ, tất cả kiến thức của chúng ta lúc nào cũng không đổi, bị buộc với hữu thức. Ngay cả Ucs. chúng ta có thể đi đến nhận biết chỉ bằng cách làm nó là ý thức được. Nhưng hãy dừng lại, điều đó có thể có được ra sao? Khi chúng ta nói “làm một-gì-đó là có ý thức” có nghĩa gì? Điều đó có thể xảy ra thế nào? Chúng ta đã biết rồi điểm nào từ đó chúng ta phải bắt đầu trong sự kết nối này. Chúng ta đã nói rằng hữu thức là bề mặt của bộ máy tâm thần; có nghĩa là, chúng ta đã qui gán cho nó như một chức năng với một hệ thống, vốn về không gian là cái trước nhất chạm biết đến được từ thế giới bên ngoài - và về không gian không chỉ trong ý nghĩa chức năng, nhưng trong trường hợp này, cũng trong ý nghĩa của giải phẫu cơ thể [1]. Những điều tra của chúng ta, cũng vậy, phải lấy bề mặt nhận thức này như là một điểm-bắt-đầu.

Tất cả những nhận thức tiếp nhận được từ bên ngoài (những nhận thức giác quan) và từ bên trong - những gì chúng ta gọi là những cảm giác và những cảm xúc - chúng là Cs. (hữu thức) từ bắt đầu.

Nhưng thế còn những tiến trình nội tâm đó vốn chúng ta có thể - áng chừng đại khái và không chính xác – gói ghém chung dưới tên gọi là những tiến trình-suy nghĩ thì sao? Chúng tiêu biểu cho những chuyển đổi vị trí của năng lực tinh thần vốn gây hiệu quả ở chỗ nào đó trong bên trong của bộ máy, khi năng lực này tiến hành trên đường nó hướng về hành động. Chúng có tiến lên trên bề mặt hay không, vốn là nguyên nhân khiến hữu thức được phát sinh? Hoặc có phải tính hữu thức mớ lõi của nó đến chúng? Đây rõ ràng là một trong những khó khăn nổi lên khi người ta bắt đầu nhận lấy ý tưởng về không gian hoặc về “đồ vẽ địa hình” của đời sống tinh thần một cách nghiêm trọng. Cả hai khả năng này là đều không thể tưởng tượng được như nhau -; nên phải có một chọn lựa khác thứ ba [2].

Ở một chỗ khác, [3] tôi đã gợi ý rằng sự khác biệt thực sự giữa một ý

tưởng (suy nghĩ) là Ucs. và là Psc. gồm trong điều này: cái kể trước (vô thức) thì được thể hiện trên một vài chất liệu vốn vẫn còn chưa được biết, trong khi đó cái kể sau (Pcs. – tiền ý thức) thì có thêm là được đưa vào trong kết nối với những biểu-hiện-ngôn từ.

Đây là cố gắng thứ nhất để chỉ định những dấu hiệu phân biệt hai hệ thống, của Pcs. và của Ucs., khác hơn là sự quan hệ của chúng với hữu thức. Câu hỏi, “Làm thế nào để một điều trở nên được ý thức?”, do đó sẽ được phát biểu thuận lợi hơn là: “Làm thế nào để một điều trở nên được tiền-ý-thức?”. Và trả lời sẽ là: “Qua việc trở nên được kết nối với những biểu-hiện-ngôn từ tương ứng với nó”.

Những những biểu-hiện-ngôn từ này là những tàn dư của ký ức; chúng đã từng một lần là những nhận thức, và giống như tất cả những tàn dư của trí nhớ, chúng có thể lại trở thành ý thức lần nữa [4]. Trước khi chúng ta tự bận tâm thêm nữa với bản chất của chúng, nó rạng sáng với chúng ta giống một khám phá mới rằng chỉ một-gì-đó vốn một lần đã từng là một nhận thức hữu thức có thể trở thành hữu thức, và rằng bất cứ điều gì nổi lên từ bên trong (ngoài những cảm xúc) vốn tìm để trở thành có ý thức phải cố gắng tự chuyển biến nó vào trong những nhận thức đến từ bên ngoài: điều này trở thành có thể được bằng những phương tiện của những dấu-khắc-ký ức [5].

Chúng ta nghĩ về những tàn dư gọi trí nhớ, như được chứa đựng trong hệ thống vốn chúng trực tiếp bên cạnh hệ thống Nhận thức– Ý thức (Pcpt.-Cs.), như thế khiến những kết tập năng lực [6] của những tàn dư này có thể sẵn sàng mở rộng từ bên trong đến những yếu tố của hệ thống sau này [7]. Ở đây, chúng ta lập tức nghĩ đến những ảo giác [8], và đến sự kiện rằng ký ức sống động nhất thì luôn luôn phân biệt được với một ảo giác và với một nhận thức bên ngoài [9]; nhưng nó cũng sẽ xảy ra với chúng ta ngay lập tức rằng khi một ký ức được hồi sinh, năng lực tinh thần vẫn còn lại trong hệ thống trí nhớ, trong khi một ảo giác, vốn nó không phân biệt được với một nhận thức, có thể nổi lên khi năng lực tinh thần không chỉ thuần đơn giản là lan rộng từ dấu-khắc-ký ức vào tới yếu tố nhận thức, nhưng truyền toàn bộ sang qua nó.

Những tàn dư có tính ngôn từ có nguồn gốc chính yếu từ những nhận thức thính giác [10], như thế khiến hệ thống Pcs. như nó đã có, có một nguồn cảm giác đặc biệt. Những thành phần thị giác của những biểu-hiện-ngôn từ là thứ yếu, đã thu tập qua mắt đọc, và có thể bắt đầu với bị bỏ qua một bên; như vậy những hình ảnh động cơ của từ ngữ, trừ trường hợp câm-điếc, có thể đóng vai của những chỉ định phụ thuộc. Trong yếu tính, sau cùng tất cả, một từ ngữ, là tàn dư có tính gọi nhớ của một từ ngữ đã từng được nghe.

Chúng ta phải đừng bị dẫn, có lẽ vì lợi ích của sự đơn giản hóa, đến quên đi sự quan trọng của những tàn dư gợi trí nhớ thị giác, khi chúng là của những sự vật, hoặc đến phủ nhận rằng những tiến trình suy nghĩ thì có thể được trở thành ý thức qua một sự trở ngược về những tàn dư thị giác, và rằng trong nhiều người, điều này có vẻ là phương pháp được ưa thích. Nghiên cứu về những giấc mơ và về những huyền tưởng [11] tiên ý thức như được cho thấy trong những quan sát của Varendonck [12] có thể cho chúng ta một ý tưởng về tính cách đặc biệt của sự suy nghĩ (trên) thị giác này.

Chúng ta học được rằng những gì trở thành có ý thức trong nó, thì như một quỹ tắc - chỉ (có) nội dung-chủ đề (trong suy nghĩ) cụ thể của tư tưởng, và rằng những liên hệ giữa những yếu tố khác nhau của nội dung-chủ đề này, vốn là những gì đặc trưng đặc biệt cho những suy nghĩ, không thể được đem cho biểu hiện thị giác. Suy nghĩ trong những hình ảnh, do đó, chỉ là một hình thức rất không đầy đủ của sự trở thành có ý thức. Trong một vài lối, cũng vậy, nó đứng gần với những tiến trình vô thức hơn là với suy nghĩ bằng những từ ngữ, và không nghi ngờ gì nó thì xưa cũ hơn lối sau này trong cả hai phát triển cá thể và phát triển chủng loại [13].

Quay về với lập luận của chúng ta: do đó, nếu như đây là lối vốn trong đó một-gì-đó tự thân nó là vô thức trở thành tiên ý thức, câu hỏi - chúng ta làm một-gì-đó vốn nó bị dồn ép trở thành (tiên) ý thức như thế nào - sẽ được trả lời như sau đây. Nó được thực hiện bằng cung cấp cho Pcs. những liên kết trung gian qua công việc của sự phân tích (tâm lý) [14]. Hữu thức vẫn còn nguyên tại chỗ nào nó là, nhưng thế nên; về mặt khác, Vô thức (Ucs.) không dâng vào trong hữu thức (Cs.).

Trong khi sự liên hệ của những nhận thức từ bên ngoài với Ego là hoàn toàn rõ ràng dễ hiểu, liên hệ của những nhận thức từ bên trong với Ego đòi hỏi điều tra đặc biệt. Một lần nữa, nó đem cho một nghi ngờ nổi lên - không biết chúng ta có thực sự là đúng hay không trong khi tham chiếu toàn bộ hữu thức về một hệ thống Nhận thức-Y thức (Pcpt.-Cs.) ngoài mặt duy nhất.

Những nhận thức từ bên trong mang lại những cảm xúc của những tiến trình dâng lên trong những tầng lớp đa dạng nhất và chắc chắn cũng sâu thẳm nhất của bộ máy tâm thần. Được biết rất ít về những cảm giác và những cảm xúc này; những gì đó thuộc về những chuỗi thích-thú / không-thích-thú vẫn có thể được coi là những thí dụ tốt nhất về chúng. Chúng là nguyên thủy hơn, sơ khai hơn, hơn những nhận thức phát sinh từ bên ngoài và chúng có thể xảy ra ngay cả khi hữu thức bị che tối. Ở chỗ khác [15] tôi đã bày tỏ quan điểm của tôi về

tầm quan trọng kinh tế lớn lao hơn của chúng, và những lý do về lý thuyết tâm sinh lý cho điều này. Những cảm giác này là cố tính nhiều-ngăn-tầng [16], giống như những nhận thức từ bên ngoài; chúng có thể đến từ nhiều chỗ khác nhau cùng một lúc, và do đó có thể có những phẩm chất hoặc khác nhau, hoặc thậm chí đối nghịch nhau.

Những cảm giác thuộc một bản chất thích thú không có bất cứ gì có tính di truyền bắt buộc về chúng, trong khi những cảm giác thuộc bản chất không thích thú có nó ở mức độ cao nhất. Những cảm giác sau bắt buộc hướng tới thay đổi, hướng tới phóng thải, và đó là lý do tại sao chúng ta giải thích không-thích thú như hàm ngụ một sự căng thẳng dâng cao, và thích thú như một sự giảm thấp của sự kết tập năng lực. Chúng ta hãy cùng gọi những gì trở thành ý thức khi thích thú và không thích thú như một “một-gì-đó” định tính và định lượng trong tiến trình của những biến cố tinh thần; sau đó câu hỏi là – không biết liệu “một-gì-đó” có thể trở thành ý thức tại chỗ nó là hay không, hoặc không biết liệu nó trước tiên phải được chuyển đến hệ thống nhận thức (Pcpt.) hay không.

Kinh nghiệm từ thực tế bệnh viện [17] quyết định cho điều kể sau.

Nó cho chúng ta thấy rằng “một-gì-đó” này cư xử như một xung lực bị dồn nén kèm chế. Nó có thể hành xử sức mạnh thúc đẩy mà không có Ego nhận biết sự thúc bách. Không cho đến khi có sự đề kháng với sự thúc bách, một ngăn chặn làm nghẽn trong phản ứng- phóng thải, làm “một-gì-đó”, liền lập tức trở thành có ý thức như sự không thích thú, khó chịu. Trong cùng một lối (như thế), khiến những căng thẳng phát sinh từ nhu cầu thể chất có thể vẫn còn vô thức, đau đớn cũng có thể như thế - một điều-gì trung gian giữa nhận thức bên ngoài và bên trong, vốn nó cư xử giống như một nhận thức bên trong, ngay cả khi nguồn của nó là trong thế giới bên ngoài. Thế nên, cũng vẫn còn đúng, rằng những cảm giác và những cảm xúc, cũng vậy, chỉ trở thành ý thức qua sự đạt đến hệ thống nhận thức (Pcpt.); nếu lối đi tới trước bị ngăn cản, chúng không đi vào với tư cách là những cảm giác, mặc dù “một-gì-đó” trong tiến trình kích thích, vốn tương ứng với chúng, thì cũng là cùng như thế, nếu như chúng đã làm. Sau đó chúng ta đi đến, trong một cách thức cô đọng và không hoàn toàn chính xác, nói về “những cảm xúc vô thức”, khi giữ một tượng tự với những ý tưởng vô thức, vốn không phải là hoàn toàn có thể biện minh được. Trên thực tế sự khác biệt là, trong khi với những ý tưởng vô thức, những kết nối liên kết phải được tạo ra trước khi chúng có thể được đưa vào trong hữu thức, còn với những cảm xúc, vốn tự chúng được truyền đi trực tiếp, điều này không xảy ra. Nói một cách khác: sự phân biệt giữa ý thức và tiền ý thức, không có ý nghĩa ở chỗ có liên quan đến những cảm xúc, tiền ý thức ở đây bị biến mất, và những

cảm xúc là hoặc có ý thức, hoặc vô thức. Ngay cả khi chúng được gắn với những biểu- hiện-ngôn từ, sự trở thành có ý thức của chúng không do từ hoàn cảnh đó, nhưng chúng trở thành như thế một cách trực tiếp [18].

Phần đóng vai của những biểu- hiện-ngôn từ bây giờ đã trở nên hoàn toàn rõ ràng. Do vị trí-trung gian của chúng, những tiến trình suy tưởng bên trong được thực hiện vào trong những nhận thức. Nó giống như một chứng minh của định lý rằng tất cả những kiến thức có nguồn gốc của nó trong nhận thức đến từ bên ngoài. Khi một sự tập trung quá độ năng lực [19] của tiến trình suy nghĩ diễn ra, những suy nghĩ thực sự được cảm nhận - như thể chúng đã đến từ bên ngoài, - và do đó được cho là đúng thực.

Sau sự làm sáng rõ này về những liên hệ giữa nhận thức bên ngoài và bên trong với hệ thống Pcpt.-Cs. ngoài bề mặt, chúng ta có thể tiếp tục khai mở ý tưởng của chúng ta về Ego. Nó bắt đầu, như chúng ta thấy, từ hệ thống Pcpt; vốn đó là hạt nhân của nó, và bắt đầu bằng ôm lầy Pcs., vốn nổi cạnh với những tàn dư gợi trí nhớ.

Nhưng, như chúng ta đã học được, Ego thì cũng là vô thức.

Bây giờ tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ thu được rất nhiều bằng đi theo gợi ý của một nhà văn, là người với những động cơ cá nhân, tự phụ khẳng định rằng ông không có dính dáng gì với sự chặt chẽ của khoa học thuần túy. Tôi đang nói về Georg Groddeck [20], người không bao giờ mệt mỏi nhấn mạnh rằng những gì chúng ta gọi là Ego của chúng ta, chủ yếu là cư xử một cách thụ động trong đời sống, và như ông đã diễn tả, rằng chúng ta thì “bị sống” bởi những sức mạnh không biết được, và không thể kiểm soát được [21]. Chúng ta đã tất cả đều có những ấn tượng thuộc cùng loại, mặc dù chúng có thể đã không tràn ngập chúng ta đến mức loại trừ tất cả những gì khác, và chúng ta phải cảm thấy không dọ dự trong việc tìm một chỗ cho khám phá của Groddeck trong cấu trúc của khoa học. Tôi đề nghị, lưu tâm coi trọng khám phá ấy, bằng cách gọi thực thể vốn nó khởi đầu từ hệ thống Pcpt. và bắt đầu bằng tư cách là Pcs. là “Ego”, và bằng đi theo Groddeck khi gọi phần khác của não thức - vào trong phần đó toàn bộ thực thể này mở rộng, và nó cư xử như thể nó đã là Ucs. - là “Id” [22].

Chúng ta sẽ sớm xem liệu chúng ta có thể lấy được bất cứ lợi điểm nào từ quan điểm này cho những mục đích, hoặc là thuộc về mô tả hoặc là thuộc về hiểu biết. Bây giờ, chúng ta sẽ nhìn một cá nhân như là một Id tâm lý, không biết rõ và vô thức, có Ego nằm trên bề mặt của nó, có hệ thống Pcpt. phát triển từ nhân của nó. Nếu chúng ta thực hiện một cố gắng để trình bày điều này bằng hình ảnh, chúng

ta có thể thêm rằng Ego không hoàn toàn bao bọc lấy Id, nhưng chỉ làm như vậy tới mức độ mà trong đó hệ thống Pcpt.

hình thành bề mặt của nó (của ego), nhiều hoặc ít hơn như đĩa mềm nằm dựa trên trứng. Ego thì không tách biệt sắc rõ với Id, phần dưới của nó (ego) hòa lẫn vào trong Id.

Hình 1 - Ý thức, Tiền-Ý-thức, Ego, Id Nhưng, cái-bị-dồn nén cũng hòa lẫn vào Id, và đơn thuần chỉ là một phần của nó. Cái-bị-dồn nén chỉ bị cắt tách khỏi Ego bởi những đề kháng của sự đè nén đàn áp, nó có thể thông tin với Ego qua Id.

Chúng ta tức thì nhận ra rằng hầu như tất cả những đường phân giới cắm mốc, chúng ta đã rút từ những xúi dục của bệnh lý học liên hệ chỉ với tầng lớp bề mặt của bộ máy tâm thần – cái duy nhất chúng ta biết đến được. Tình trạng của những sự vật mà chúng ta đã đương mô tả có thể được miêu tả bằng giản đồ (Hình 1), mặc dù phải được ghi nhận rằng hình thức đã chọn không có những dự tính nào với bất kỳ một khả năng ứng dụng đặc biệt nào, nhưng chỉ đơn thuần để nhằm phục vụ cho những mục đích của sự trình bày.

Chúng ta có thể thêm, có lẽ, Ego đeo một “cái mũ để nghe” [23]- chỉ ở một bên thôi, như chúng ta đã học được từ giải phẫu não bộ.

Cũng có thể nói là nó đội mũ này nghiêng lệch.

Dễ dàng để thấy rằng Ego là phần đó của Id vốn đã được sửa đổi bởi ảnh hưởng trực tiếp của thế giới bên ngoài qua những phương tiện môi giới của Pcpt.-Cs., trong một ý hướng nó là một kéo dài của sự phân biệt-bề mặt. Hơn nữa, Ego xem dường mang những ảnh hưởng của thế giới bên ngoài đến gây tác động trên Id và những khuynh hướng của nó, và cố gắng để thay thế nguyên tắc thực tế với nguyên tắc lạc thú, vốn nguyên tắc lạc thú ngự trị không bị câu thúc trong Id. Đối với Ego, nhận thức đóng vai trò của phần vốn trong Id rơi vào bản năng [24]. Ego đại diện cho những gì có thể được gọi là lý trí và ý thức thông thường nói chung, đối nghịch với Id, vốn chứa những đam mê. Tất cả điều này rơi vào phù hợp với những phân biệt phổ biến vốn chúng ta đều quen thuộc tất cả với chúng; tuy nhiên, đồng thời nó chỉ được xem như chủ trì cái tốt trên mức trung bình, hoặc “một cách lý tưởng”.

Sự quan trọng chức năng của Ego được thể hiện trong sự kiện vốn bình thường kiểm soát những tiếp cận với tính chất di động được trao cho nó. Thế nên, trong quan hệ của nó với Id là giống như một người trên lưng ngựa, người ấy phải nắm lấy kiểm soát sức mạnh vượt trội của con ngựa; nhưng với sự khác biệt này, rằng người cỡi cố gắng

làm thế với sức mạnh của mình, trong khi Ego dùng những sức mạnh vay mượn. Sự tương tự có thể được kéo xa thêm một chút nữa. Thường thường một người cỡi ngựa, nếu ông không rời bỏ con ngựa của mình, thì buộc có bốn phần phải hướng dẫn nó, đến nơi nó muốn đi [25]; trong cùng một cách như thế, Ego là trong thói quen của biến đổi ý chí của của Id vào trong hành động như thể nó là của riêng Ego.

Bên cạnh ảnh hưởng của hệ thống Pcpt., một yếu tố khác dường như đã đóng vai một phần trong gây ra sự hình thành của Ego và sự khác biệt của nó với Id. Cơ thể riêng của một người, và trên tất cả bề mặt ngoài của nó, là một chôn mà từ đó cả hai, những nhận thức bên ngoài và bên trong, có thể bùng dậy. Nó được nhìn thấy giống như bất kỳ đối tượng nào khác, nhưng với sự sờ chạm, nó mang lại hai loại cảm giác, một trong chúng có thể là tương đương với một nhận thức bên trong. Tâm-Sinh lý học đã thảo luận đầy đủ về cách thức trong đó cơ thể riêng của một người đạt được vị trí đặc biệt của nó giữa những đối tượng khác trong thế giới của nhận thức. Đau đớn, cũng vậy, dường như đóng vai một phần trong tiến trình, và cách trong đó chúng ta đạt được kiến thức mới về những cơ quan thân thể của chúng ta trong bệnh tật đau đớn có lẽ là một mô hình về cách vốn qua nó nói chung, chúng ta đạt đến ý tưởng về cơ thể của chúng ta.

Ego đầu tiên và trước hết - là một Ego thân xác [26], nó không phải chỉ đơn thuần là một thực thể bề mặt, nhưng chính tự nó là sự phóng chiếu của một bề mặt [27]. Nếu chúng ta muốn tìm một tương tự theo cơ thể giải phẫu cho nó, chúng ta có thể đồng hóa nó hay nhất với hình dáng con người méo mó như nhận trên lớp vỏ não [28] của những nhà cơ thể học, trên vỏ não nó đứng ngược đầu, dương gót chân chìa ra, mặt quay về phía sau và, như chúng ta biết, có khu vực-tiếng nói của nó ở phía bên phía tay trái.

Thủ bút của Freud Liên hệ của Ego với hữu thức đã được đưa vào bàn luận lập lại nhiều lần, thế nhưng có một số sự kiện quan trọng trong liên hệ này vẫn còn lại để được mô tả ở đây. Đã thành thói quen khi chúng ta đem những bậc thang giá trị đạo đức hay xã hội của chúng ta theo với chúng ta đến bất cứ chỗ nào chúng ta đi đến, chúng ta không cảm thấy ngạc nhiên khi nghe rằng chỗ xảy ra những hoạt động của những đam mê thấp hơn là ở trong vô thức; hơn nữa, chúng ta trông đợi rằng bất kỳ chức năng tinh thần nào xếp hạng càng cao hơn trên mức thang giá trị của chúng ta, nó sẽ càng dễ dàng tìm thấy tiếp cận vào hữu thức được bảo đảm cho nó. Tuy nhiên, ở chỗ này, kinh nghiệm phân tích tâm lý làm chúng ta thất vọng. Một mặt, chúng ta có bằng chứng rằng ngay cả những hoạt động trí tuệ tinh tế và khó khăn vốn bình thường đòi hỏi phản ánh vật và có thể cùng một cách được thực hiện một cách tiên ý thức, và không đi vào trong hữu

thức. Những trường hợp thuộc về số này là hầu như không thể chối cãi được, lấy thí dụ, chúng có thể xảy ra trong tình trạng giấc ngủ, như được cho thấy khi một ai đó tìm thấy, ngay lập tức sau khi thức dậy, rằng ông ta biết giải pháp cho một vấn đề toán học, hoặc khó khăn nào khác mà ông đã vật lộn vô vọng (với nó) ngày hôm trước. [29] Có một hiện tượng khác, tuy nhiên, nó lại còn xa lạ hơn nhiều.

Trong những phân tích của chúng ta, chúng ta khám phá ra rằng có những người vốn ở trong họ, những khả năng của tự phê bình và lương tâm - những hoạt động tinh thần, đó là, vốn xếp hạng là những sự việc trên tốt cao hết sức - là vô thức; và tạo ra một cách vô thức những hiệu quả thuộc về tầm quan trọng lớn lao nhất, thí dụ về sức đề kháng còn nằm lại trong vô thức trong phân tích tâm lý là do đó không có cách nào là đơn độc duy nhất. Nhưng khám phá mới này, chúng buộc chúng ta, bất kể phán xét phê bình tốt hơn của chúng ta, để nói về một “cảm xúc vô thức của tội lỗi” [30], làm chúng ta hoang mang rất nhiều hơn so với điều khác, và đặt ra trước chúng ta những vấn đề mới tinh, đặc biệt khi chúng ta dần dần đi đến thấy rằng trong một số lớn những chứng nhiều loạn thần kinh, một cảm xúc vô thức về tội lỗi thuộc loại này đóng một vai trò kinh tế quyết định, và đặt những chướng ngại mạnh mẽ nhất trên đường hồi phục [31]. Nếu chúng ta một lần nữa quay trở lại với bậc thang những giá trị của chúng ta, chúng ta sẽ phải nói rằng không chỉ những gì là thấp nhất, nhưng cũng là những gì là cao nhất trong Ego có thể là vô thức. Thế nên, nó là như thể chúng ta đã cung cấp một bằng chứng cho những gì chúng ta đã vừa khẳng định về Ego hữu thức, rằng nó là đầu tiên và trước hết là một Ego thân xác.

Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất (Feb/2012) (Còn tiếp...)
<http://chuyendaudau.blogspot.com/>
<http://chuyendaudau.wordpress.com> [1] [Beyond the Pleasure Principle. Standard Ed., 18, 26; I.P.L., 4, 20] [2] [Điều này đã được bàn luận rất dài trong phần thứ hai của “The Unconscious” (19153), Standard Ed., 18, 173-6.] [3] [‘The Unconscious’. Ibid., 201 ff.] [4] Cảm giác (Sensation): phần kết quả của tiến trình cảm nhận từ môi trường quanh ta qua những giác quan: sờ, nếm, nhìn, nghe và ngửi. Dữ kiện giác quan này được chuyển vào não bộ, trong dạng thức nguyên thô – và nhận thức là tiến trình tiếp theo để xếp đặt và phân giải, diễn dịch những dữ kiện giác quan thô sồng này – chúng có ý nghĩa gì với ego - ở đây.

Dĩ nhiên – cảm giác cũng hết sức chủ quan – chúng ta chỉ thu nhập một số những dữ kiện bên ngoài nào đó – hay giác quan chỉ có khả năng hoạt động với một số dữ kiện nào đó; thí dụ chúng ta nhận nhưng không “biết” có tia-x, những luồng sóng điện, hay ngay cả

những vi trùng bò đầy trên da chúng ta. Nghĩa là có một khối rất lớn những dữ kiện giác quan quanh chúng ta, nhưng không bao giờ được phân giải, nhận biết. Chúng ta hầu như “mù tịt” về thế giới quanh ta. Chỉ những gì liên hệ với như với sống còn trước mắt là được tiếp nhận và phân tích tức thời – như nhiệt độ trong phòng, độ sáng, tiếng ai nói, còi tàu nghe từ xa, hay mùi thức ăn thơm hay rác hôi thối.

Khi tưởng tượng một con chó săn, hay một con điều hâu, một con chim bói cá với chúng ta; sẽ thấy ngay sự khác biệt, chủ quan trong cảm giác con người. Trước cùng cảnh vật, đối tượng, chúng ta không nhìn, nghe, ngửi, thấy như chúng, và ngay cả giữa chúng ta, chúng ta cũng rất khác biệt từ người này qua người kia.

Nhận thức (Perception): tạm hiểu là cách thức chúng ta diễn giải những cảm giác này, tìm, nhận, hay gán ý nghĩa với những gì chúng ta có cảm giác quanh ta, cả hành trình là cảm nhận. Cảm từ giác quan, rồi lên não bộ, nhận ý nghĩa của chúng đối với ta, ở đó.

[5] Engram hay memory-traces [6] Cathexis: nói chung – nguyên nghĩa là sự tập trung năng lực, nghị lực, kết tập năng lực (tinh thần) vào một đối tượng hay một ý tưởng (từ Greek - kathexis) do James Strachey dùng để dịch từ “Besetzung” trong tiếng Đức.

Cathexis: Trong Freud, từ cathexis dùng để chỉ một sự đầu tư năng lực tình dục (libido) vào một đối tượng hay một ý tưởng. Cảm xúc gắn bó với lưu niệm, gia truyền của gia đình, hoặc một bức ảnh sẽ là một ví dụ của cathexis. Lòng yêu nước và những đồng hóa nhân cách say mê khác với những nhóm và những hệ thống tín ngưỡng cũng hình thức của cathexis. Từ này có nguồn gốc từ động từ Hy Lạp “chiếm lĩnh” và là từ dịch của Besetzung - tiếng Đức, “chiếm đóng”. Hình ảnh này cho thấy rằng ham muốn tình dục được gửi ra để “nắm bắt” những đối tượng bên ngoài, như là một đội quân vây nắm và chiếm đóng một thành phố.

Freud dùng Besetzung để chỉ sự kết nạp năng lực libido. Freud thường dùng những thuật ngữ cơ khí để mô tả sự vận hành của năng lực sinh lý tâm lý, có lẽ từ ảnh hưởng hình ảnh của động cơ hơi nước thống trị vào cuối thế kỷ XIX. Ông thường mô tả ham muốn tình dục – libido – như là chỗ dồn chứa rồi đẩy ra những năng lực, nếu bị ngăn chặn, sẽ đòi thoát theo những đường khác. Nếu một cá nhân cảm thấy bị thất vọng trong những ước muốn của mình, Freud thường trình bày sự thất vọng đó như là một sự dồn nén, tắc nghẽn năng lực vì nó không mất đi, nhưng ứ đọng, dâng cao dần: giống như một động cơ hơi nước, năng lực ham muốn tình dục luôn đòi thoát xả.

[7] [Cf. Chương VII (B) của The Interpretation of Dreams (1900a),

Standard Ed., 5, 538.] [8] Hallucination.

[9] [Quan điểm này đã được Breuer bày tỏ trong đóng góp lý thuyết của ông với *Studies on Hysteria* (1895d), Standard Ed., 2, 188.] [10] [Freud đã đi đến kết luận này trong tài liệu chuyên khảo của ông về aphasia (1891b) dựa trên những tìm kiếm được về bệnh lý (ibid. 92-4). Vấn đề được trình bày lại trong giản đồ sao từ công trình đó trong Phụ Đính C của bản văn khảo cứu về “The Unconscious”, Standard Ed., 14, 214.] [11] phantasies [12] [Cf. Varendonck (1921), một quyển sách Freud có đóng góp bài giới thiệu.] [13] Theo Freud – chúng ta suy nghĩ bằng hình ảnh có phần vô thức hơn – so với suy nghĩ bằng ngôn từ. và có lẽ suy nghĩ bằng ngôn từ đến sau suy nghĩ bằng hình ảnh trong lịch sử tiến hóa chung của loài người và trong phát triển tâm lý riêng nơi mỗi con người – giai đoạn trẻ thơ suy nghĩ bằng hình ảnh có trước giai đoạn suy nghĩ, lý luận bằng ngôn từ, suy nghĩ khái niệm gắn với từ ngữ đại diện cho những khái niệm.

[14] Một trong những công việc chính yếu của nhà phân tâm học – là đưa những gì vốn đã bị đè nén, hay bị “áp bức”, hay bị dồn ép – chúng đương “chìm” trong vô thức, khuấy động, móc nối đưa chúng lên tiền-ý-thức; sau đó từ tiền-ý thức lên hữu thức. Vô thức không vào hữu thức được, phải qua trung gian tiền-ý-thức.

[15] [Beyond the Pleasure Principle. Standard Ed., 18, 29; I.P.L., 4, 23.] [16] multilocular [17] Clinical – thường dịch là lâm sàng, chỉ có nghĩa đơn giản là - trực tiếp từ thực tế bệnh viện, nghĩa là trong thực tế khi chữa trị, quan sát người bệnh, theo dõi căn bệnh.

[18] [Cf. Phần III của “the Unconscious” (1915e), Standard Ed., 14, 177-8.] [19] Hypercathexis: sự tập trung quá độ năng lực do sự mong muốn quá mức với một đối tượng cụ thể nào đó. Freud dùng từ này để chỉ một sự dồn đổ thêm năng lực tinh thần (có tính bản năng tâm lý) và một yếu tố tâm lý đã được đem cho năng lực rồi. Từ được ứng dụng trong sự mô tả sự thêm nhiều bớt ít, hay tăng giảm (kinh tế) của hữu thức, nhưng cũng dùng khi bàn về sự liên hệ với những qui luật của dòng chảy sinh lực tâm lý và sự tạo thành của lĩnh vực tiền ý thức.

[20] Georg Groddeck (1866 –1934)- ông là một nhà văn, nhưng cũng là một y sĩ, được xem như tiên phong của ngành y khoa chuyên về tâm lý thần kinh căng thẳng (psychosomatic medicine).

[21] [Groddeck (1923).] [22] [Về phần tự Groddeck, chắc chắn ông đã theo thí dụ của Nietzsche, người đã có thói quen dùng thuật ngữ này để chỉ bất cứ gì trong bản chất chúng ta là không có tính cá nhân, nói như thế, và nó là đối tượng của luật tự nhiên.] Id: (das Es, nghĩa đen

trong Anh ngữ là “the it” - “Nó”): có thể gọi là cái Đó, hay cái Nó - , nhưng “Nó” thì không phải là “Ta”, nên tạm dịch là “cái Đó”, vì trong cái Đó, như Freud định nghĩa ở trên, có Cái Ta, hay đúng hơn phần của cái Ta kéo dài và nằm trong cái- Đó và trong trạng thái vô thức, gọi là cái-Đó vì chúng ta không biết về nó ra sao. Cái-Đó có đấy, biết có nó vì những liên hệ của nó với cái-Ta và cái-Ta-Lý tưởng, nhưng nó là phần tối mịt, vô thức, không rõ. Theo dõi Freud, một cách tổng quát, có thể xem cái-Đó (bản năng sơ khai nguyên thủy) chưa biết mình là ai, chưa phân biệt trong ngoài – có trước nhất, sau đó mới thành hình cái-Ta (phân biệt trong/ngoài), và cái-Ta-lý tưởng (thành hình từ những tác động từ bên ngoài).

Ba từ: Das Ich - das Es - das Über-Ich – đã được dịch sang tiếng Anh là: ego, it, và superego. Sang tiếng Pháp là: le Moi - le Ça - Le Surmoi (l'idéal du moi). Hai bản dịch tiếng Anh và Pháp đều được Freud duyệt, nên là những văn bản tin cậy.

Người Tàu đã dịch là – bản ngã, tự ngã và siêu ngã – tôi nghĩ những từ này – trừ trường hợp có thêm giải thích dài dòng – nếu hiểu theo nội dung phổ thông bình thường – chúng sai lạc, không nhiều thì ít, không đúng sát với nội dung của Freud, sau khi chúng ta đọc những định nghĩa của chính ông. Nên tôi đề nghị dịch khác đi.

Trong chương sau – Freud giải thích một đối tượng thứ ba là das Über-Ich - hay “superego”, hay là “ego-ideal” (Ichideal) – vậy chúng ta nếu muốn dịch sang tiếng Việt – nên dịch là: cái Ta, cái-Đó và cái Ta-Lý-tưởng, trong trường hợp không muốn dùng những từ của ông vốn đã phổ quát trong Anh ngữ - ego, id và superego – vốn chúng có một nội dung tâm lý rất “Freud”.

Về phần những từ: ngã, ta hay tôi, nhất là những từ ghép với “ngã”, như tự-ngã, bản-ngã, chân-ngã, thực-ngã, chúng đều không trọn nghĩa, và lúng túng - vì lấy một từ cũ, đằng sau nó có rất nhiều gia tài ý nghĩa, để chỉ một khía niệm mới, và phải thêm thắt, ghép từ để cố chỉ khái niệm mới này; chỉ bằng chúng ta mượn quách từ gốc – chúng đã có những ý nghĩa phổ thông chung từ trước, không hoàn toàn sát với ý nghĩa những khái niệm tâm lý của Freud, mặc dù chúng ta đã nhấn mạnh qua cách gán thêm từ “cái” (cái-Ta). Đặc biệt, từ “ngã” trong ngôn ngữ Việt phổ thông có một nội dung hết sức Phật học, đậm màu Thiên - không thể và không nên lẫn lộn với Freud..

Ngay cả “thức” trong “ý thức, tiền-ý-thức, vô thức” cũng có nguy hiểm nếu lẫn lộn với “thức” trong Phật học (“Thức” trong Ngũ uẩn – sắc, thọ, tưởng, hành, thức – và năm thức cùng ba thức đặc biệt (Y-thức - Mạt-na-thức - A-lại-da-thức) trong Duy thức học).

Thế nên, sau cùng và tránh những nhầm lẫn khái niệm, và cũng gọn ghẽ nhất là – như Jacobson – hãy vay mượn – và hãy vay thẳng từ gốc – khi chúng ta nói “Ego của anh chàng này lớn quá” – chúng ta hiểu ngay là muốn nói về cái-Ta của ai đó hiểu theo nội dung của Freud (bản năng, dục vọng, vô thức, dồn nén,...), khác với nếu như chúng ta nói “bản ngã của anh chàng này lớn quá”, và ngay cả nếu có nói “cái-Ta của anh chàng này lớn quá” – cũng không hẳn đã tương đương với “Ego của anh chàng này lớn quá” - dĩ nhiên, cũng còn tùy ngữ cảnh.

Trở lại với giải thích dẫn trên của Freud, ông đã mượn từ này của Georg Groddeck's (1923). Trong The Book of the It, Groddeck định nghĩa nó như sau: “Tôi giữ quan điểm rằng con người thì bị làm cho sinh hoạt, được sống động bởi cái-Không-biết, rằng có ở trong hân một “Es”, một “It”, ‘cái-Đó’, dăm sức mạnh kỳ diệu, chúng điều khiển cả những gì tự hân làm, và những gì xảy ra với hân. Câu xác định “tôi sống” chỉ đúng với điều kiện nào đó, nó diễn tả chỉ một phần nhỏ và bề mặt nông cạn của nguyên lý nền tảng, “Con người thì sống bởi cái-Đó” – ‘M an is lived by the It’.” (Groddeck, 1923/1961, p. 11).

Khái niệm rằng chúng ta có kinh nghiệm sống như một ai đó khác sống, hơn là chính mình sống, những xung lực sâu xa nhất về tình dục và gây hân hung hân của chúng ta – và liên kết của chúng với những hình ảnh ký ức, với dòng chảy của lời nói và hành động, và với sắc màu nhịp điệu tổng quát của nhân cách chúng ta – lafdungs ở trung tâm của tâm lý học của Freud. Thỏa luận hay nhất của chính ông tìm thấy trong New Introductory lectures on Psychoanalysis (1933) – qua đó ông tóm lược mục đích của phép chữa bệnh tâm lý – và thực sự của tất cả phát triển nhân cách lành mạnh – với cách nói dí dỏm nhưng gợi suy nghĩ – “Chỗ nào đã có id, chỗ đó sẽ có ego”- “Where id was, there shall ego be” (Wo Es war, soll Ich werden, literally “Where it was, I shall come to be”).

Câu nổi tiếng này “Chỗ nào đã có id, chỗ đó sẽ có ego” – đã được nhắc nhở nhiều, và nhiều khi vượt ra ngoài khỏi Freud. Theo hướng đó, nếu chúng ta gắn nó với một nội dung Phật học – và hiểu theo chính Freud – id như chủ yếu là hồ chứa những bản năng vô thức – như libido, bản năng sống – có thể xem là tương đồng với những chấp, vọng của con người, hay đơn giản là dục vọng - câu phát biểu đó có thể diễn dịch là “chỗ nào xuất hiện dục vọng, chỗ đó có sinh linh” – và cũng hiểu là có những tự-ngã luân hồi mãi mãi.

[23] [So sánh với giản đồ hơi khác một chút ở gần cuối Bài giảng 21 của tập New Introductory Lectures (1933a). Một giản đồ hoàn toàn khác trong The Interpretation of Dreams (1900a), Standard Ed., 5, 541,

và tiền thân của nó trong một lá thư gửi cho Fliess – Dec/6/1896 (Freud, 1950a, Letter 52) vốn quan tâm với chức năng cũng như cấu trúc.] [24] Instinct: Như những sinh vật sống, con người có những nhu cầu sinh học (muốn ăn, muốn tái tạo bản thân mình). Những bản năng là những xung lực ở bên trong, phát ra như - cơn đói đòi ăn, như thúc dục sinh lý muốn làm tình, và chúng đưa con người bằng mọi cách đi đến thực hiện thỏa mãn những nhu cầu này. Đối với Freud, những xung lực đầy năng lực sinh học này là những động lực cơ bản của đời sống tâm lý.

Libido được ông đưa ra rất sớm trong những lý thuyết nổi tiếng về tâm sinh lý của ông, bản năng chết chỉ được đưa ra về sau (1920) – thế nên, tên tuổi của ông thường gắn liền và có phần nào bị ngộ nhận với libido.

[25] Hình ảnh tương tự xuất hiện như một kết nối với một trong những giấc mơ của Freud trong The Interpretation of Dreams (1900a), Standard Ed., 4, 231.].

[26] A bodily ego – ego vật chất và xương thịt.

[27] [Có nghĩa là ego – sau rốt là được rút kết từ những cảm giác từ cơ thể; chủ yếu là những gì phát sinh từ mặt ngoài của cơ thể. Thế nên, nó có thể được xem như một phóng chiếu trong não thức của bề mặt của thân thể, bên cạnh đó, như chúng ta đã thấy ở trên, được mô tả như những mặt ngoài của bộ máy não thức – chú thích này đầu tiên xuất hiện trong bản dịch tiếng Anh, năm 1927, trong đó được mô tả là đã được Freud cho duyệt xét cho phép. Nhưng không có trong những bản tiếng Đức.].

[28] Cortinal homunculus: một hình dạng tưởng tượng hết sức nhỏ bé và méo mó của con người – với tay, môi, miệng, bàn chân dị dạng, qua khổ - như nằm trên lớp vỏ não – qua trung tâm cảm nhận giác quan.

[29] [Gần đây, một thể hiện của điều này được nói với tôi, trên thực tế, đưa ra như một phản đối chống lại mô tả của tôi về “sự làm việc của giấc mơ”.]

[30] [Câu này đã xuất hiện rồi trong văn bản nghiên cứu của Freud về “Obsessive Actions and Religious Practices” (1907b)].

[31] [Điều này sẽ được bàn luận thêm ở chương V.] Sigmund Freud - Ego và Id (4) Cái Tôi và cái Đó Sigmund Freud (1856-1939) The Ego and the Id Das Ich und das Es (1923)

Chương III Cái Ta và cái Ta Lý tưởng

(the Ego and the SuperEgo (Ego Ideal))

Nếu Ego đã chỉ đơn thuần là phần của Id bị sửa đổi bởi ảnh hưởng của hệ thống nhận thức, là đại diện của thế giới thực tại bên ngoài trong não thức, chúng ta hẳn đã có một trạng thái đơn giản của sự việc để giải quyết. Nhưng có thêm nữa một phức tạp.

Những cân nhắc đã dẫn chúng ta đến thừa nhận về sự hiện hữu của một cấp độ trong Ego, một sự khác biệt bên trong Ego, nó có thể được gọi là “Ego-lý tưởng” hay “Ego-Trên” [1], đã từng được phát biểu ở chỗ khác [2]. Chúng vẫn còn giữ là đúng [3]. Sự kiện rằng phần này của Ego được kết nối với ý thức kém vững chắc hơn là điều mới lạ đòi giải thích.

Tại điểm này, chúng ta phải mở rộng phạm vi của chúng ta một chút. Chúng ta đã thành công trong sự giải thích chứng nhiễu loạn thần kinh đau đớn của bệnh u uất [4] bằng cách giả định rằng (trong những ai bị đau khổ vì bệnh đó) một đối tượng bị mất đã được dựng lên lại bên trong Ego - đó là nói rằng, một sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng [5] đã được thay thế bằng một sự đồng hóa nhân cách [6] [7]. Tuy nhiên vào thời điểm đó, chúng ta đã không thấu hiểu trọn vẹn sự quan trọng của tiến trình này, và đã không biết nó là phổ biến và điển hình đến như thế nào. Từ sau đó, chúng ta đã đi đến hiểu rằng loại này của sự thay thế có một vai trò rất lớn trong xác định hình thức được Ego tiếp nhận, và nó tạo một đóng góp yếu tính, hướng tới xây dựng những gì được gọi là “nhân cách” của nó.

[8] Ngay ở mức rất khởi đầu, trong giai đoạn (phát triển tâm lý) miệng [9] sơ khai của cá nhân, sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng và sự đồng hóa nhân cách thì chắc chắn là không phân biệt được với nhau [10].

Chúng ta chỉ có thể giả định rằng về sau này trong sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng tiến hành từ Id, vốn nó cảm nhận những khuynh hướng gọi dâm như những nhu cầu. Ego, khi bắt đầu là vẫn còn yếu ớt, trở nên biết rằng có sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng, và hoặc là miễn cưỡng chấp thuận chúng, hoặc là cố gắng rào ngăn chúng bằng tiến trình dồn nén, trấn áp. [11] Khi xảy ra rằng một người phải buông bỏ một đối tượng tình dục, khá thường xuyên tiếp sau đó có sinh ra một sự thay đổi của Ego người ấy, vốn chỉ có thể chỉ được mô tả như một sự dựng lên đối tượng bên trong Ego, như nó xảy ra trong chứng thần kinh bệnh bị u uất; bản chất chính xác của sự thay thế này chúng ta còn chưa biết rõ. Nó có thể là bởi sự tiếp nhận (vô thức) này, vốn nó

là một loại thoái bộ - quay trở về - lại với cơ chế của giai đoạn miệng, ego làm đối tượng được buông bỏ dễ dàng hơn, hoặc khiến cho tiến trình đó thành có thể có được. Nó có thể là sự đồng hóa nhân cách này là điều kiện độc nhất, theo đó Id có thể buông bỏ những đối tượng của nó. Dù ở bất kỳ mức độ tỷ lệ nào, đặc biệt là trong những giai đoạn đầu của phát triển tâm lý cá nhân, nó là một tiến trình rất thường xuyên, và nó làm cho có thể giả định được rằng cá tính của Ego là một kết quả của những sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng đã từ bỏ, và rằng nó có gồm chứa lịch sử của những lựa chọn-đối tượng này. Dĩ nhiên, phải được thừa nhận ngay từ bắt đầu, rằng có những mức độ khác nhau về khả năng của kháng cự, vốn nó quyết định về mặt đến mức độ nào mà cá tính của một cá nhân ngăn rào cản, hoặc chấp nhận những ảnh hưởng của lịch sử của những lựa chọn-đối tượng gọi dâm của người ấy. Trong những phụ nữ, những người đã có nhiều kinh nghiệm trong tình yêu, dường như là không có khó khăn trong việc tìm kiếm dấu tích của những sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng trong những đường nét đặc điểm của cá tính của họ. Chúng ta cũng phải ghi nhận để xem xét những trường hợp của – sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng và sự đồng hóa nhân cách - xảy ra đồng thời, có nghĩa là, trong đó sự sửa đổi về nhân cách xảy ra trước khi đối tượng đã được buông bỏ. Trong những trường hợp như thế, sự thay đổi trong nhân cách đã có khả năng giữ sự gắn bó với đối tượng [12] được sống sót, và trong một ý hướng nào đó, bảo tồn nó.

Nhìn từ một góc độ khác, có thể nói được rằng sự chuyển hóa này - từ một lựa chọn-đối tượng mang tính gọi dâm [13] vào trong một sự sửa đổi của Ego - cũng là một phương pháp qua đó Ego có thể giành lấy được kiểm soát trên Id và làm sâu đậm những quan hệ của nó với Id - với sự phí tổn, đúng vậy, của sự thu nhận đến một mức độ lớn rộng trong những kinh nghiệm của Id. Khi Ego đắm đuối những đặc trưng của đối tượng, đó là nói rằng, nó đang ép đẩy chính nó vào với Id như là một đối tượng-tình yêu, và cố gắng đang làm sự mát mát của id thành tốt, - bằng cách nói: "Nhìn này, người có thể yêu ta, cũng vậy – ta quá giống đối tượng".

Việc chuyển hóa của libido-đối tượng vào trong libido-tự-yêu-mình [14], thế nên xảy ra hàm chứa rõ ràng một sự từ bỏ những mục tiêu tình dục, một sự hủy-tình dục [15]- do đó, là một thứ thuộc về sự thăng hoa [16]. Thực vậy, câu hỏi nêu lên, và xứng đáng được xem xét cẩn thận, cho dù đây không phải là con đường phổ quát đi đến thăng hoa, cho dù tất cả thăng hoa không xảy ra qua sự trung gian của Ego, vốn bắt đầu bằng thay đổi libido-đối tượng tình dục sang thành libido-tự-yêu-mình và sau đó, có lẽ, tiếp tục để đem cho nó một mục tiêu khác [17]. Về sau này, chúng ta sẽ xem xét liệu những thăng trầm thay đổi bản năng khác có thể cũng không là kết quả của sự

chuyển hóa này hay không, lấy thí dụ, liệu nó có thể không gây nên một sự phân giải những bản năng khác loại vốn chúng đã được hỗn hợp với nhau hay không [18].

Mặc dù là một ngoài đề với mục tiêu của chúng ta, chúng ta không thể tránh, không dành một lúc chú ý lâu hơn đến những đồng hóa nhân cách với đối tượng của Ego. Nếu chúng nắm được sự kiểm soát và trở thành quá nhiều, mạnh mẽ quá đáng, và không tương thích với nhau, không lâu sẽ xảy ra một hậu quả về bệnh lý. Nó có thể đi đến một sự gián đoạn của Ego trong hệ quả của những đồng hóa nhân cách khác nhau trở thành bị cắt đứt khỏi lẫn nhau vì những kháng cự, có lẽ bí mật của những trường hợp của những gì được miêu tả là “đa nhân cách” [19] là những đồng hóa nhân cách khác nhau lần lượt tiếp phiên nhau chiếm giữ ý thức. Ngay cả khi sự việc không đi xa đến như thế này, vẫn còn lại câu hỏi về những xung đột giữa những đồng hóa nhân cách khác nhau, trong đó Ego đi đến thành phần mảnh, những xung đột vốn sau cùng tất cả, đã không thể được mô tả như hoàn toàn thuộc về mặt bệnh lý.

Cấu trúc (thêm superego) Nhưng dù cho khả năng về sau của nhân vật cụ lại những ảnh hưởng của sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng bị từ bỏ, có thể thành ra là bất cứ gì đi nữa, những tác dụng của những đồng hóa nhân cách đầu tiên được thực hiện trong thời thơ ấu sớm nhất sẽ là tổng quát và lâu dài. Điều này dẫn chúng ta trở lại nguồn gốc của Ego-lý tưởng; vì đằng sau nó có nằm chôn dấu một đồng hóa nhân cách đầu tiên và quan trọng nhất của một cá nhân, sự đồng hóa nhân cách của người ấy với người cha trong thời tiền sử cá nhân riêng của người ấy [20]. Điều này là rõ ràng không phải trong trường hợp hệ quả hoặc thành quả đầu tiên của sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng, nó là một sự đồng hóa nhân cách trực tiếp và ngay lập tức, và diễn ra sớm hơn bất kỳ sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng nào. Nhưng những lựa chọn-đối tượng thuộc về giai đoạn tính dục đầu tiên và liên hệ đến người cha và người mẹ, xem ra có vẻ bình thường để tìm thành quả của chúng trong một sự đồng hóa nhân cách thuộc loại này, và như thế sẽ củng cố một đồng hóa nhân cách chính yếu.

Tuy nhiên toàn bộ vấn đề thì quá phức tạp đến nỗi sẽ là cần thiết để đi vào nó với nhiều chi tiết hơn. Sự phức tạp của vấn đề là do hai yếu tố: nhân vật trong vị trí tam giác của mặc cảm Oedipus và điều kiện cấu thành về tính dục-lưỡng tính của mỗi cá nhân.

Trong hình thức đơn giản của nó, trường hợp của một đứa trẻ phái nam có thể được mô tả như sau. Ở một tuổi còn rất nhỏ, đứa bé phát triển một sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng với người mẹ của nó, vốn nguồn gốc ban đầu liên hệ đến bầu vú của người mẹ, và là nguyên

mẫu của một lựa chọn-đối tượng trên mô thức nghiêng-dựa- xúc-cảm-trên-người-khác [21]; đứa bé trai đối phó với cha nó bằng đồng hóa nhân cách chính nó với ông. Trong một thời gian, hai quan hệ này tiến hành bên nhau, cho đến khi những mong muốn tình dục của đứa bé về phía người mẹ của mình trở nên sâu mạnh hơn, và người cha của nó được nhận thức như là một trở ngại cho chúng: mặc cảm Oedipus bắt nguồn từ điều này[22]. Sự đồng hóa nhân cách của đứa bé với cha nó sau đó nhuộm một màu thù địch và thay đổi vào trong một mong ước muốn loại bỏ người cha của nó, ngõ hầu chiếm chỗ của ông với người mẹ của nó. Từ đây về sau, mỗi quan hệ của đứa bé với người cha là pha trộn mâu thuẫn, nó có vẻ như sự mâu thuẫn vốn được thừa kế trong sự đồng hóa nhân cách từ khi khởi đầu đã trở thành biểu hiện. Một thái độ nước đôi của đứa trẻ với người cha, và một sự gắn bó với đối tượng thuộc một loại chỉ-thuần-thương yêu với người mẹ của đứa trẻ, làm nên nội dung của mặc cảm Oedipus tích cực đơn giản trong một đứa bé trai.

Theo cùng với sự đánh đổ mặc cảm Oedipus, sự dồn-năng-lực-vào-đối tượng của đứa bé vào người mẹ của mình phải bị buông bỏ. Chỗ của nó có thể được lấp đầy bằng một trong hai điều: hoặc là một đồng hóa nhân cách với mẹ của nó, hoặc một sự tăng cường của sự đồng hóa nhân cách của nó với cha của nó. Chúng ta đã quen với việc coi kết quả kế sau là bình thường hơn; nó cho phép quan hệ thương yêu với người mẹ ở trong chừng mức lưu giữ được. Trong cách này, sự giải thể của mặc cảm Oedipus [23] sẽ củng cố nam tính trong nhân cách của một đứa bé. Trong một cách tương tự cũng hết như vậy [24], kết quả của thái độ Oedipus trong một đứa bé gái có thể là một sự tăng cường sự đồng hóa nhân cách của đứa bé gái với người mẹ (hoặc là lần đầu tiên dựng lập một đồng hóa nhân cách giống như thế) – một kết quả vốn nó sẽ sửa chữa nhân cách nữ tính của đứa bé.

Những đồng hóa nhân cách này không phải là những gì chúng ta đã chờ đợi (từ giải thích trước đó – đầu chương này), vì chúng không đưa những đối tượng bị buông bỏ vào trong Ego; nhưng kết quả thay thế này có thể cũng xảy ra, và quan sát trong những đứa bé gái dễ dàng hơn trong những đứa bé trai. Phân tích (tâm lý) rất thường xuyên cho thấy rằng một đứa bé gái, sau khi nó đã phải từ bỏ cha mình như là một đối tượng-thương yêu, sẽ mang nam tính của mình lên cao trội và đồng hóa chính nó với cha (có nghĩa là, với đối tượng đã bị mất), thay vì với mẹ của em. Điều này rõ ràng sẽ tùy thuộc vào không biết liệu nam tính trong phân bố của đứa bé gái - bất cứ là gì có thể bao gồm trong nó - là có đủ mạnh hay không.

Thế nên, sẽ hiện ra trong cả hai phái tính, sức mạnh tương đối của những phân bố tính dục nam tính và nữ tính là những gì quyết định

xem liệu kết quả của mặc cảm Oedipus sẽ là một đồng hóa nhân cách với người cha hay với người mẹ. Đây là một trong những cách mà trong đó tính dục-lưỡng tính tham dự vào trong những thăng trầm tiếp theo sau của mặc cảm Oedipus. Nhưng cách kia thậm chí còn quan trọng hơn. Đối với một người có một ấn tượng rằng mặc cảm Oedipus (trong dạng) đơn giản là không có cách nào là hình thức phổ biến nhất của nó, nhưng có phần đúng hơn là trình bày một sự đơn giản hóa hoặc lược đồ hóa, là chắc chắn, vốn thường xuyên đủ biến minh cho những mục đích thực tiễn. Nghiên cứu kỹ lưỡng hơn, thường dễ lộ cho thấy mặc cảm Oedipus phức tạp hơn, vốn nó là hai lớp, tích cực và tiêu cực, là do ở tính dục-lưỡng tính nguyên thủy có mặt trong trẻ em: đó là nói rằng, một đứa bé trai không chỉ đơn thuần có một thái độ nước đôi với cha mình và một lựa chọn-đối tượng cảm xúc thương yêu hướng tới mẹ của mình, nhưng đồng thời nó cũng cư xử như một bé gái, và trưng bày một thái độ cảm xúc thương yêu có tính chất nữ tính với người cha của mình, và một sự ghen tuông và thù địch tương ứng về hướng người mẹ của mình. Đó là yếu tố phức tạp này được tính dục-lưỡng tính đem vào làm cho rất khó khăn để có lấy được một cái nhìn rõ ràng về những sự kiện trong kết nối với những lựa chọn-đối tượng sớm nhất và những đồng hóa nhân cách sớm nhất, và lại còn nhiều khó khăn hơn để mô tả chúng cho có thể hiểu được. Nó thậm chí có thể là sự mâu thuẫn được trưng bày trong những quan hệ với cha mẹ nên được hoàn toàn gắn với tính tính-dục-lưỡng-tính, và như tôi đã trình bày ở trên, rằng nó không phải là đã phát triển ra từ sự đồng hóa nhân cách trong hệ quả của sự tranh chấp đối lập [25].

Trong quan điểm của tôi, trong tổng quát, và hầu như đặc biệt ở chỗ nào có liên quan đến những bệnh nơ-rô [26], được khuyến cáo là nên giả định có sự có mặt của mặc cảm Oedipus phức tạp. Kinh nghiệm phân tích tâm lý sau đó cho thấy rằng trong một số những trường hợp, một thành phần này hoặc thành phần khác biến mất, ngoại trừ những dấu vết chỉ vừa đủ để có thể phân biệt, vì vậy mà kết quả là một chuỗi có ở một đầu là mặc cảm Oedipus tích cực bình thường, và một đầu kia là mặc cảm Oedipus tiêu cực đảo ngược [27], trong khi những thành viên - ở khu vực giữa - trưng bày một hình thức hoàn chỉnh nghiêng nặng về đầu này hoặc đầu kia của hai bộ phận của nó. Vào lúc mặc cảm Oedipus giải thể, bốn khuynh hướng mà nó bao gồm, tự chúng sẽ tự thu gộp thành nhóm theo cách giống như để tạo ra một đồng hóa nhân cách với cha và một đồng hóa nhân cách với mẹ. Sự đồng hóa nhân cách với cha sẽ giữ lại sự gắn bó với đối tượng với người mẹ vốn thuộc về mặc cảm tích cực, và sẽ đồng thời thay thế sự gắn bó với đối tượng với người cha vốn thuộc mặc cảm đảo ngược; và cũng đúng giống như thế, *mutatis mutandis*, với sự đồng hóa nhân cách với mẹ. Cường độ tương đối của hai sự đồng

hóa nhân cách trong bất kỳ cá nhân nào sẽ phản ánh ưu thế trong cá nhân ấy với một trong hai khuynh hướng tính dục.

Kết quả tổng quát mở rộng của giai đoạn tính dục bị mắc cảm Oedipus chế ngự; do đó có thể được nhìn nhận là sự hình thành của một kết đọng trong Ego, bao gồm hai đồng hóa nhân cách này hợp nhất với nhau trong một cách nào đó. Sự sửa đổi này của Ego giữ lại vị trí đặc biệt của nó, nó đối mặt với những nội dung kia của Ego, như một Ego-lý tưởng, hay Superego.

Iceberg analogy Tuy nhiên, Superego không chỉ đơn thuần là một dự lượng của những lựa chọn-đối tượng sớm nhất trước đây của Id; nó cũng đại diện cho một sự hình thành-phản ứng sung sức chống lại những lựa chọn đó. Quan hệ của nó với Ego thì không bị kiệt quệ bởi giới răn: “Người phải nên là như thế này (giống như cha người). Nó cũng bao gồm cấm kỵ: “Người không được phép là như thế này (giống như cha người) - có nghĩa là, người không được phép làm tất cả những gì ông ấy làm: có những điều nào đó là đặc quyền của ông ta”, khía cạnh hai mặt này của Ego-lý tưởng xuất phát từ thực tế là Ego-lý tưởng có cộng tác là phải trấn áp mắc cảm Oedipus, đúng vậy, chính là do biến cố mang tính cách mạng đó mà nó có được sự hiện hữu của nó. Rõ ràng là sự trấn áp mắc cảm Oedipus đã không là nhiệm vụ dễ dàng. Cha mẹ của đứa trẻ, và đặc biệt là cha của nó, đã được coi là trở ngại trong sự thực hiện những mong muốn Oedipus của nó; thế nên Ego trẻ thơ của nó tự củng cố để thực hiện sự trấn áp bằng cách dựng đứng chướng ngại này bên trong chính nó. Nó đã vay mượn sức mạnh để làm điều này, nói như thế có nghĩa, từ người cha, và món vay này đã là một hành động quan trọng cực kỳ lớn lao. Superego giữ lại những cá tính của người cha, trong khi mắc cảm Oedipus càng mạnh mẽ và càng nhanh chóng ngã quỵ xuống chân sự trấn áp (dưới ảnh hưởng của uy quyền, nhà trường, giáo dục tôn giáo và sách vở) bao nhiêu, sự thống trị của Superego trên Ego sau này trở đi càng chặt chẽ nghiêm ngặt hơn bấy nhiêu - trong hình thức của lương tâm hoặc có lẽ một cảm xúc vô thức về tội lỗi [28]. Tôi sẽ đưa ra liền ngay (chương V) một gợi ý về nguồn gốc của quyền lực của nó để thống trị theo lối này - nguồn gốc, đó là, của cá tính có tính ép buộc của nó vốn tự thể hiện trong hình thức của một thể loại mệnh lệnh.

Nếu một lần nữa, chúng ta xem xét nguồn gốc của Superego như chúng ta đã mô tả nó, chúng ta sẽ nhận ra rằng nó là kết thành của hai yếu tố hết sức quan trọng, một thuộc về một bản chất sinh học và một thuộc về một bản chất lịch sử: đó là, trong con người có thời gian kéo dài thuộc về thời thơ ấu vốn mình không tự lực được và phải bị phụ thuộc, và biến cố mắc cảm Oedipus của người ấy, sự trấn áp mà

chúng ta đã được cho thấy là được kết nối với sự gián đoạn của sự phát triển libido trong thời kỳ tiềm ẩn và với lúc bắt đầu thời kỳ có hai giai-đoạn [29] của đời sống tình dục của con người. Theo như một giả thuyết của phân tích tâm lý, hiện tượng vừa nhắc cuối cùng, vốn xem ra có vẻ là khác thường với con người, là một di sản của sự phát triển văn hoá tất yếu vào thời đại băng giá. Sau đó, chúng ta thấy, sự khác biệt của Ego và Superego là không phải vấn đề của ngẫu nhiên; nó đại diện cho những đặc tính quan trọng nhất của sự phát triển của cả hai – của cá nhân và của chủng loại; thực vậy, bằng cách đem cho biểu hiện vĩnh viễn với ảnh hưởng của cha mẹ, nó làm cho tồn tại mãi mãi sự hiện hữu của những yếu tố mà với chúng, nó có nợ nguồn gốc của chính nó.

Phân tích tâm lý đã từng bị trách cứ dịp này qua dịp khác, sự làm ngơ về phía cao thượng hơn, đạo đức hơn, phía siêu-nhân của bản chất con người. Khiến trách chắc chắn là bất công, cả về lịch sử lẫn về phương pháp. Trước nhất, vì ngay từ lúc khởi đầu rất sớm, chúng ta đã qui gán chức năng của sự trấn áp thúc dục cho những khuynh hướng đạo đức và thẩm mỹ trong Ego, và thứ hai, đã từng có một sự từ chối tổng quát, để nhìn nhận rằng nghiên cứu của khoa phân tích tâm lý, giống như một hệ thống triết học, không thể sản xuất được một cấu trúc lý thuyết hoàn chỉnh và làm sẵn, nhưng đã phải tìm lối đi của nó từng bước dọc theo theo con đường hướng tới sự hiểu biết những tế nhị phức tạp của não thức bằng một sự mổ xẻ phân tích của cả hai những hiện tượng bình thường và bất thường.

Vì vậy, miễn là chừng nào chúng ta phải tự bận tâm chính mình với việc nghiên cứu về những gì bị dồn nén trong đời sống tinh thần, là không cần thiết để chúng ta chia sẻ trong bất kỳ những lĩnh hội (nhận biết) có tính kích động nào về phần – phía cao hơn của con người là ở những chỗ nào. Nhưng giờ đây, chúng ta đã bắt tay vào sự phân tích của Ego, chúng ta có thể đưa ra một trả lời cho tất cả những người có ý thức đạo đức đã từng bị sốc, và những người đã phản nản rằng chắc chắn là phải có một bản chất cao hơn trong con người: “Rất đúng”, chúng ta có thể nói, “và ở đây chúng ta có bản chất cao hơn đó, trong Ego-lý tưởng [30] này hay Superego, đại diện của mối quan hệ của chúng ta với cha mẹ chúng ta. Khi chúng ta là những trẻ nhỏ, chúng ta đã biết những bản chất cao hơn này, chúng ta đã ngưỡng mộ chúng và đã sợ hãi chúng, và sau đó chúng ta đã đem chúng vào trong chính chúng ta.

Do đó Ego lý tưởng là thừa kế của mặc cảm Oedipus, và thế nên nó cũng là sự biểu hiện của những xung lực mạnh nhất và những dao động thăng trầm khát khao tính dục quan trọng nhất của Id. Bằng cách thiết lập Ego-lý tưởng này, Ego đã làm chủ được mặc cảm

Oedipus, và đồng thời tự đặt chính nó trong đối tượng khuất phục với Id. Trong khi Ego thì yếu tính là đại diện của thế giới bên ngoài, cho thực tại, Superego đứng tương phản với nó, như là đại diện của thế giới bên trong, của Id. Những mâu thuẫn giữa Ego và lý tưởng, như chúng ta giờ đây sẵn sàng để tìm gặp, cuối cùng sẽ phản ánh sự tương phản giữa những gì là thực tại và những gì là tâm thần, giữa thế giới bên ngoài và thế giới bên trong.

Thông qua việc hình thành về lý tưởng, những gì sinh học và những thay đổi thăng trầm của giống người đã tạo ra trong Id và đã bỏ lại đằng sau trong nó thì được Ego tiếp nhận lấy và tái-kinh nghiệm trong quan hệ với chính nó như một cá nhân. Nhờ vào cách trong đó Ego-ly tưởng được thành hình, nó có dự dật nhất những liên kết với sự tiếp thụ thuộc tiến trình hình thành chủng loại của mỗi cá nhân - di sản cổ xưa của nó. Những gì đã thuộc về phần thấp nhất của đời sống tinh thần của mỗi người chúng ta thì thay đổi, thông qua sự hình thành của lý tưởng, vào trong những gì là cao nhất trong não thức con người theo mức thang của chúng ta về những giá trị. Nó sẽ là vô ích, tuy nhiên, để cố gắng để hạn định, địa phương hóa ego lý tưởng vào một nơi, ngay cả trong ý hướng mà chúng ta đã hạn định, địa phương hóa Ego, hoặc để gài nó vào trong bất kỳ sự những tương đồng nào với sự giúp đỡ của chúng vốn ta đã cố gắng để hình dung mối quan hệ giữa Ego và Id.

Là dễ dàng để cho thấy rằng Ego lý tưởng trả lời cho tất cả mọi thứ vốn được mong đợi từ bản chất cao hơn của con người. Như là một thay thế vào chỗ một mong mỏi về người cha, nó chứa cái mầm mà từ đó tất cả những tôn giáo đã tiến hóa [31]. Sự tự phán xét vốn tuyên bố rằng Ego thất bại, không đạt đến đến lý tưởng của nó, tạo ra ý thức tôn giáo về hèn mọn vốn những tín đồ tôn giáo gọi đến nó trong mong cầu của mình [32]. Khi một đứa trẻ lớn lên, vai trò của người cha được những thầy giáo và những người có uy quyền khác tiếp tục thực hiện, những giảng dạy và những cấm đoán của họ vẫn còn giữ lại mạnh mẽ trong Ego-ly tưởng, và tiếp tục, trong hình thức lương tâm, hành xử sự kiểm duyệt đạo đức. Sự căng thẳng giữa những đòi hỏi của lương tâm và những hoàn thành thực sự của Ego được trải nghiệm như là một ý thức về tội lỗi. Những cảm xúc xã hội dựa trên sự đồng hóa nhân cách với những người khác, trên cơ sở của có cùng một ego lý tưởng.

Tôn giáo, luân lý và một ý thức xã hội - những yếu tố chủ yếu ở phía cao hơn của con người [33] - đã gốc khởi đầu là một và cùng là một điều. Theo giả thuyết tôi đưa ra trong Totem and Taboo [34], theo một cách tiến trình hình thành chủng loại, chúng đã được thu tập thoát từ mặc cảm-với-người-cha [35]: kiểm chế tôn giáo và đạo đức qua tự

thân tiến trình của làm chủ mặc cảm Oedipus, và cảm xúc xã hội qua sự cần thiết để khắc phục sự kinh dị mà sau đó vẫn còn lại giữa những thành viên của thế hệ trẻ hơn về sau. Phái tính nam xem dường như đã nhận vai đi đầu trong tất cả những tiếp thụ đạo đức này, và dường như sau đó chúng đã được truyền cho phụ nữ bằng sự thừa kế vắt chéo [36]. Ngay cả ngày nay, những cảm xúc xã hội phát sinh trong cá nhân như một cấu trúc thượng tầng được xây dựng trên những xung lực của sự ghen tị kinh dị với anh chị em của mình. Vì sự thù địch không thể được thỏa mãn, phát triển một sự đồng hóa nhân cách với đối thủ cũ. Nghiên cứu về những trường hợp nhẹ của đồng tính luyến ái xác nhận sự nghi ngờ rằng trong trường hợp này, cũng thế, sự đồng hóa nhân cách là một thay thế cho một lựa chọn-đối tượng cảm xúc vốn đã chiếm chỗ của thái độ hung hăng, thù địch. [37] Tuy nhiên, với sự đề cập đến tiến trình hình thành chủng loại [38], nảy lên những vấn đề tươi mới, vốn từ đó khiến người ta bị cám dỗ lùi lại một cách thận trọng. Tuy nhiên, điều đó không giúp được gì, sự cố gắng phải được làm – bất kể một lo sợ rằng nó sẽ phơi trần toàn bộ cố gắng của chúng ta là không thỏa đáng. Câu hỏi đặt ra là: cái nào đã là, Ego của con người nguyên thủy hoặc Id của hân, vốn đã thu tập tôn giáo và đạo đức trong những ngày đầu đó ra khỏi mặc cảm-với-người cha? Nếu nó đã là Ego của hân, tại sao chúng ta không nói những điều này đã đơn giản được thừa hưởng bởi Ego? Nếu nó đã là Id, làm thế nào điều đó phù hợp với nhân cách của Id? Hay là chúng ta sai lầm trong việc kéo sự khác biệt giữa Ego, Superego, và Id trở về tận thời gian ban đầu sớm như thế? Hoặc không phải là chúng ta nên thành thật thú nhận rằng toàn thể quan niệm của chúng ta về những tiến trình trong Ego thì không giúp đỡ gì trong sự hiểu biết về sự phát sinh giống loài, và không thể áp dụng cho nó được? Trước tiên, chúng ta hãy cùng trả lời những gì dễ dàng trả lời nhất.

Sự phân định giữa Ego và Id phải không chỉ được gán về với con người nguyên thủy, nhưng thậm chí phải về tận những tổ chức sinh vật đơn giản hơn nhiều, vì nó là sự biểu hiện không tránh được của ảnh hưởng của thế giới bên ngoài. Superego, theo giả thuyết của chúng ta, thực sự bắt nguồn từ những kinh nghiệm vốn đã dẫn đến tục thờ vật tổ (totemism). Câu hỏi không biết đó là Ego hoặc Id vốn đã trải nghiệm và thu tập những điều này, nhanh chóng đi đến thành là không. Ngẫm nghĩ tức thời cho chúng ta thấy rằng không có những thăng trầm bên ngoài có thể được Id kinh nghiệm hoặc trải qua, ngoại trừ bằng lối của Ego, vốn nó là đại diện của thế giới bên ngoài với Id. Tuy nhiên, không phải là có thể nói được về sự thừa kế trực tiếp trong Ego. Nó là ở chỗ này mà hố sâu giữa một cá nhân thực sự và khái niệm về một chủng loại trở nên hiển nhiên. Hơn nữa, người ta phải đừng có nhận lấy sự khác biệt giữa Ego và Id trong một ý nghĩa khô

cứng, và cũng đừng quên rằng Ego là một phần được biệt phân một cách đặc biệt của Id (chương II). Những kinh nghiệm của Ego dường như lúc đầu đã bị mất với sự thừa kế; nhưng khi chúng đã được lập đi lập lại thường cho đến thành đủ, và có sức mạnh đầy đủ trong nhiều cá nhân trong những thế hệ kế tục nhau, chúng tự biến đổi, đó là nói, vào trong những kinh nghiệm của Id, những ấn tượng của chúng được sự di truyền bảo tồn. Thế nên, trong Id, vốn nó có khả năng là được di truyền, đã buông neo những dư lượng của hiện hữu của vô vàn không đếm được những Ego, và khi Ego hình thành nên Superego ra từ Id, nó có thể có lẽ chỉ là phục hồi lại những khuôn hình của những Ego cũ, và là mang chúng ra sống lại.

Con đường trong đó Superego đã đi vào thành hiện hữu giải thích như thế nào những xung đột sớm hơn trước đó của Ego với những kết tập năng-lực-vào-đối tượng của Id có thể được tiếp tục với thừa kế của chúng là Superego. Nếu Ego đã không thành công trong việc làm chủ cho đích đáng mặc cảm Oedipus, sự kết tập năng lực đầy sinh lực của cái kế sau, mọc lên từ Id, sẽ đi vào hoạt động một lần nữa trong sự hình thành phản ứng của ego lý tưởng. Những thông tin liên lạc phong phú giữa lý tưởng và những xung động bản năng vô thức này giải đáp câu đố về - như thế nào tự thân lý tưởng có thể đến một mức độ lớn nào đó vẫn còn là vô thức, và không thể tiếp cận được với Ego. Cuộc đấu tranh đó đã một lần cuồn nộ ở những tầng sâu thẳm nhất của não thức, và đã không được đưa đến một chấm dứt bằng sự thắng hoa nhanh chóng và sự đồng hóa nhân cách, bây giờ được tiếp tục trong một khu vực cao hơn, như bức tranh Trận chiến với dân Huns của Kaulbach [39].

Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất (Feb/2012) (Còn tiếp...)
<http://chuyendaudau.blogspot.com/>
<http://chuyendaudau.wordpress.com> [1] Superego: (tiếng Đức: das überich, nghĩa đen dịch sang tiếng Anh – “cái ở trên cái-Ta” - “over-I”): Trong Überich, có ghép hai từ: über + Ich, từ über: chỉ có nghĩa là ở trên, nằm trên, không có nghĩa như thông thường vẫn hiểu “siêu”, hay “siêu việt” – như khi dịch – “siêu ngã” - cả. (Sai lầm này cũng tương tự như khi dịch “Übermensch” của Nietzsche là “siêu nhân”).

Trong nhan đề của chương này, từ Freud gọi superego là: Über-Ich và cho chú thích là Ichideal – vậy khi chúng ta đã dịch ego là cái-Ta, tương ứng dịch superego là cái-Ta-Lý tưởng.

[2] [Cf. ‘On Narcissism: an Introduction’ (1914c), và Group Psychology and the Analysis of the Ego (1921c).] [3] [Ngoại trừ rằng tôi dường như đã bị nhầm lẫn khi gán chức năng của “xoát nghiệm thực tại” này cho superego - một điểm cần sửa chữa (Xem 1921c, S.E., 18, 114 và

n. 2; I.P.L., 6, 46 và n. 2, và ghi chú của người biên tập về bài khảo cứu về lý thuyết tâm lý về những giấc mơ (1917d), 14, 220.). Nó sẽ phù hợp toàn hảo với những quan hệ của Ego với thế giới của nhận thức, nếu xoát nghiệm thực tại vẫn còn giữ là một nhiệm vụ của chính Ego. Một số gợi ý sớm hơn trước đó, về một “hạt nhân của Ego”, đã không bao giờ được thành hình cho rất rõ rệt, cũng đòi hỏi được đặt cho đúng, vì chỉ một mình hệ thống Nhận thức-Y thức có thể được coi như là hạt nhân của Ego. (Trong Beyond the Pleasure Principle (1920g) Freud đã nói về phần vô thức của ego như hạt nhân của nó (S.E., 18, 19; I.P.L., 4, 13); và trong bài khảo cứu sau này về “Humor” (1927d) ông nhắc về superego như là hạt nhân của ego.) [4] M elancholia: xáo trộn tâm lý với những triệu chứng thần kinh bất thường – người bệnh có thể lãnh cảm, không thiết gì (apathy); rút lui khỏi đám đông (withdrawal) và thường nhất với nhiều mức độ nặng nhẹ là u uất, sầu não, trầm cảm, nhìn đâu cũng thấy tuyệt vọng, đen tối, chán nản (depression) [5] “object-cathexis”: dồn-năng-lực-vào-đối-tượng - trong Phân tích Tâm lý là sự tập trung năng lực, đầu tư ý nghĩa của một cá nhân vào một “đối tượng” nào đó trong môi trường xã hội và tự nhiên của người ấy. Đối tượng thường là những gì được người ấy ham muốn, thêm thưởng.

[6] Identification: đồng hóa nhân cách: lấy người làm mình - hay tự nhận và nhập làm một, đồng hóa với một đối tượng bên ngoài – Một người “tưởng” hay “tự nghĩ” mình có những cá tính, phẩm cách hay quan điểm của một người khác, hay nhóm người khác, thường là người mình yêu thích, hay ngưỡng mộ, xem là thần tượng, nên muốn giống như, muốn bắt chước. Bắt đầu bằng cách đi đứng, ăn mặc, ngôn ngữ.

Chúng ta thấy hiện tượng này – giản dị và hiển nhiên bên ngoài – trong giới trẻ con mới lớn, chúng bắt chước cách ăn mặc, chải đầu, đội mũ, đi đứng, cầm thuốc lá, đánh son môi, ... của những nhân vật ngoại quốc xa lạ thấy trên ti-vi hay xi-nê.

[7] [M ourning and M elancholia (1917e). Standard Ed., 14, 249.] [8] [Một vài tham khảo với những đoạn khác trong đó Freud đã bàn luận sự thành lập nhân cách sẽ thấy trong ghi chú của người biên tập ở cuối bài luận văn về “Character and Anal Erotism (1908b), Standard Ed., 9, 175.] [9] Lý thuyết của Freud về năm giai đoạn phát triển tâm lý cá nhân, mỗi giai đoạn đặt trọng tâm thỏa mãn lạc thú vào một bộ phận cơ thể: giai đoạn miệng (0-18 tháng), giai đoạn hậu môn (18 tháng - 3 1/2 tuổi), giai đoạn dương vật (3 1/2 tuổi - 6 tuổi), thời kỳ ngâm nghỉ (6 tuổi – dậy thì), và giai đoạn cơ quan sinh dục (dậy thì – trưởng thành). (Oral stage - Anal stage - Phallic stage - Latency Period - Genital stage).

[10] [Cf. chương VII của Group Psychology (1921c). Standard Ed., 18, 105; I.P.L., 6, 37.] [11] [Một tượng đồng song song thú vị với sự thay thế của đối tượng-chọn lựa bằng sự đồng hóa nhân cách - đã được tìm thấy trong sự tin tưởng của những dân tộc sơ khai, và trong những điều cấm đoán dựa trên sự tin tưởng đó, rằng những thuộc tính của những con vật vốn được kết nạp được như thức ăn, được tồn tại như là phần của nhân cách của những người ăn thịt chúng. Như đã được biết nhiều, tin tưởng này là một trong những gốc rễ của tục ăn thịt đồng loại (cannibalism) và những ảnh hưởng của nó vẫn còn tiếp tục thông qua hàng loạt những tập quán của những bữa ăn thịt con vật tổ (totem), xuống đến tận phép Bí tích thánh thể (trong đạo Kitô). Những hậu quả do niềm tin này gán cho sự làm chủ về mồm miệng (ăn uống) trên đối tượng quả trong thực tế đã theo như trong trường hợp của sự lựa chọn đối tượng tình dục muộn hơn về sau.] Tin tưởng và thành tập tục ăn thịt con vật nào đó thì người ăn sẽ có được những tính chất của con vật đó (thí dụ can đảm, hùng mạnh, mắt sáng, tai thính...) – cũng cùng là tin tưởng kéo dài đến ngày nay, thí dụ còn thấy trong tập tục gọi là “lễ bí tích thánh thể” (Lễ Mình máu thánh Chúa) của những tín đồ Kitô – như khi họ ăn bánh thánh, nếm rượu nho và đồng thời – được nghe – “đây là máu ta, đây là thịt ta” – hay “Thịt Ta thật là của ăn, và máu Ta thật là của uống” - và giải thích rõ rệt là “Ai ăn thịt và uống máu tôi, thì ở lại trong tôi, và tôi ở lại trong người ấy”. Theo Freud, đây là di tích của tập tục ăn thịt đồng loại (cannibalism). Và cầu mong, hay tin tưởng “lấy người làm mình”.

[12] object-relation: sự gắn bó với đối tượng (theo Freud) [13] Erotic object-choice.

[14] Narcissistic libido.

Libido thường được dùng tổng quát và dịch như “ham muốn tình dục”: Đối với Freud, ham muốn tình dục là một năng lực tình dục có thể dao động tăng giảm và có thể được chuyển hướng đến bất kỳ một số lượng những đối tượng nào. Libido thường được mô tả là động lực thúc đẩy tình dục (“sex drive”). Cathexis như đã chú thích ở trước là - sự tập trung năng lực vào đối tượng – trong liên hệ với libido có thể được xem là quá trình mà một đối tượng được đầu tư (dồn đổ vào) với những ham muốn tình dục. Trong trường hợp tự-yêu-mình - Narcissism, ego trở thành đối tượng đầu tư với vốn libido – chúng ta có một Narcissistic libido – trong đó một cá nhân “mê mê yêu và đối tượng là không ai khác, nhưng chỉ chính mình”.

[15] Desexualization – làm cho mất đi tình dục.

[16] Sublimation: sự thăng hoa (tâm lý): hiện tượng tâm lý nổi tiếng và có lẽ rất quen thuộc từ lý thuyết tâm lý của Freud - Trong “On

Narcissism”, Freud cho thấy “thăng hoa” hay hiện tượng thăng hoa trọng tâm lý, xảy ra khi nào thức hướng libdo-có-đối tượng về những đối tượng vốn chúng không có gì liên hệ với sự thỏa mãn tình dục. Một nữ tu Kitô, có thể thăng hoa những ước vọng dục tính của mình vào trong tình yêu với Gót, hay sự tận tâm giúp đỡ những người nghèo, bệnh. Trong bản văn này, Freud nhấn mạnh rằng sự thăng hao là về một sự chuyển hướng từ tình dục, và trái ngược với sự lý tưởng hóa là hiện tượng có liên quan đến sự thay đổi nhận thức và giá trị của một đối tượng đặc thù cụ thể nào đó.

Về sự lý tưởng hóa (idealization), Freud phân biệt như sau: cả hai đều có liên hệ với sự hoạt động của libido, nhưng trong lý tưởng hóa, đối tượng của sự đầu tư năng lực libido thì được đem cho một giá trị vượt quá giá trị thực sự của nó. Freud gợi ý rằng đàn ông, vì bản tính của sự chọn lựa đối tượng thiên trọng người khác, nên có khuynh hướng lý tưởng hóa người nữ mà họ phải lòng yêu. Ego có thể tự căng phồng lớn lên trong cách này (đối tượng của mình lớn thì mình cũng lớn), gây kết quả trong ego lý tưởng và vai trò của nó trong sự ức chế, dồn nén. Freud giải thích ở trên – thăng hoa là một sự hủy tình dục.

[17] [Bây giờ chúng ta đã phân biệt giữa Ego và Id, chúng ta phải nhận ra Id như những hồ chứa lớn của libido (ham muốn tình dục) đã chỉ ra trong bài viết của tôi về tự-yêu-mình (narcissism) (1914c).

Ham muốn tình dục chảy vào Ego nhờ vào sự đồng hóa nhân cách mô tả ở trên mang lại sự tự-yêu-mình thứ cấp của nó. Điểm này sẽ được khai triển ở chương IV.] [18] [Freud trở lại chủ đề của câu này trong chương 4 sau - sự hỗn hợp và phân giải những bản năng.] [19] Multiple personality.

[20] [Có lẽ nó sẽ vững chắc hơn để nói “với cha mẹ”, vì trước khi một đứa trẻ đi đến đã có kiến thức chắc chắn về sự khác biệt giữa hai giới, việc thiếu một dương vật, nó không phân biệt về giá trị giữa cha và mẹ của nó. Gần đây tôi đã gặp trường hợp của một người phụ nữ trẻ đã có gia đình, câu chuyện của bà cho thấy rằng, sau khi nhận thấy việc thiếu một dương vật của chính mình, bà đã giả định nó không thiếu với tất cả những phụ nữ, nhưng chỉ trong những người mà bà coi là thấp kém, và bà vẫn giả định rằng mẹ mình phải có một dương vật. Để đơn giản hóa trình bày của tôi, tôi sẽ chỉ thảo luận về sự đồng hóa nhân cách với người cha.] [21] Anaclitic – (Psychoanalysis): tính chất có cảm xúc mạnh mẽ tùy thuộc và người này này hay người khác. Là một tính cách của một trong hai chiều hướng của nhân cách là: hướng nội / tự phê phán / tự chủ và nghiêng dựa cảm xúc trên người khác/ lệ thuộc/cổ làm vui lòng người khác

(introjective/self-critical/autonomous và anacletic/dependent/sociotropic) [xem bài viết về narcissism, (1914c)] [22] [Cf. Group Psychology (1921c), loc. cit.] [23] [bài viết mang cùng nhan đề (1924d), trong đó Freud đã thảo luận vấn đề đầy đủ hơn] [24] [Ý tưởng rằng hậu quả của mặc cảm Oedipus là “tương tự cũng hết như vậy” giữa những trẻ gái và trai đã bị Freud bỏ không lâu sau đó. Xem “Some Psychical Consequences of the Anatomical Distinction between the Sexes” (1925j)] [25] [Tin tưởng của Freud vào sự quan trọng của tính tính-dục- lưỡng-tính đã có từ lâu. Trong bản in đầu tiên của Three Essays (1905d), lấy thí dụ, ông viết: “Nếu không đem tính tính tính-dục- lưỡng-tính vào trong giải thích, tôi nghĩ sẽ rất hiếm hoi có thể đi đến một sự hiểu biết về những biểu hiện tính dục vốn có thể thực sự quan sát được trong những người nam và nữ”.] Tính dục lưỡng tính: khái niệm của Freud được đưa vào phân tâm học - tất cả mọi người đều đồng thời có cả hai khuynh hướng tình dục nam tính và nữ tính.

Freud dựa lý thuyết của ông trên các dữ liệu giải phẫu học và thai học: “một mức độ nhất định, sự lưỡng tính về cơ quan sinh dục trong cơ thể học xảy ra bình thường. Trong mỗi cá nhân nam hay nữ bình thường, tìm thấy được dấu vết của cơ quan sinh dục của phái tính đối lập” (1905d, trang 141.). Sự quan sát này dẫn ông đến khái niệm về một “sự bố trí vật lý ban đầu lưỡng tính, trong quá trình tiến hóa, đã sửa đổi thành đơn tính, để lại đằng sau chỉ một vài dấu vết của giới tính kia đã trở thành teo đi”. Nhưng ông đã không áp dụng khái niệm này vào lĩnh vực tâm thần: “không thể nào chứng minh được một kết nối chặt chẽ giữa giả thuyết tâm lý lưỡng tính và giả thuyết đã được thiết lập về cơ thể lưỡng tính”.

Dù sao đi nữa, khái niệm này liên tục được nhắc đến và sử dụng trong phân tâm học. Vai trò của tính dục lưỡng tính trong những giai đoạn phát triển tâm lý tình dục khác nhau giúp xác định các phương thức khác nhau của con người gắn bó với những đối tượng đồng hĩa khác phái.

[26] Neurotics: - hay neurosis: chứng bệnh nơ-rô: cũng còn gọi là psychoneurosis - Nói chung – những chứng bệnh liên quan đến não thức (bệnh thần kinh) có hai loại – psychosis và neurosis tạm dịch là những chứng bệnh nơ-rô và những chứng bệnh psy-cô.

Neurosis: chứng bệnh nơ-rô: rối loạn thần kinh nhẹ, đặc trưng bởi các triệu chứng như: hay hoặc dễ bị kích động, lo âu, trầm cảm, chán nản ngã lòng không còn thiết gì, hoặc có hành vi bị ám ảnh tác động (hysteria, anxiety, depression, obsessive behaviour) Psychosis chứng bệnh psy-cô: bất kỳ hình thức rối loạn tâm thần nghiêm trọng, trong

đó tiếp xúc của cá nhân với thực tại trở nên hết sức lệch lạc – Có thể có nguyên nhân tâm lý hay hữu cơ, đặc trưng bởi một sự đánh mất tiếp xúc với thực tại, và không có khả năng suy nghĩ hợp lý. Một người bệnh psy-cô không thể ứng xử và mất khả năng hoạt động xã hội bình thường.

[27] Theo lý thuyết của Freud, - Một người nhận lấy vai trò phái tính của phái tính đối ngược, thường là một người homosexual.

[28] Tôi in nghiêng – nguyên văn “in the form of conscience or perhaps of an unconscious sense of guilt” – đã “vô thức” sao còn “cảm thức” hay “ý thức” hay “cảm giác” được – câu văn tối nghĩa này chỉ có thể hiểu là sự nhấn mạnh của Freud – “ý thức về tội lỗi” đã thành hình như thế nào trong mỗi cá nhân; nhưng chủ thể của nó không nhận biết, hay không nhận biết rõ rệt, ít nhất là về nguồn gốc của nó. Ai nhận biết? tạm hiểu là người ngoài cuộc như chúng ta, như Freud, hay những nhà phân tâm, còn “đương sự” thì không biết.

[29] diphasic [30] ideal ego: ego lý tưởng: khi nào thức phát triển và ego nổi lên như là một kẻ đàm phán giữa những bản năng của id và những điều kiện của thế giới thực tại, cá nhân cũng trở nên nhận thức được về những tiêu chuẩn, giá trị, và những điều cấm của môi trường xã hội đang sống. Những tiêu chuẩn này tạo ra một hình ảnh về một tự ngã hoàn hảo, mà nào thức dựng lên như là một mục tiêu cho ego: ego lý tưởng. Superego hoạt động để duy trì hình ảnh này trong ego. Những thành tích phù hợp với ego lý tưởng - thường đạt được bằng phương tiện của đàn áp những xung động mâu thuẫn từ id – có kết quả trong sự tự hài lòng – được xem là sự tự-yêu-mình thứ cấp (secondary narcissism).

[31] “Cha chúng ta ở trên trời” – lời cửa miệng quen thuộc của những tín đồ một tôn giáo quen thuộc. Xem thêm Sigmund Freud - Tương lai của một Áo tượng – bản dịch LDB – tôi đã phổ biến trên blog này. Cả ba tôn giáo nhận Abraham làm thủy tổ - Judá , Kytô và Islam.

[32] “Cầu cho chúng con là những kẻ có tội” – lời cửa miệng quen thuộc thứ hai cũng của những tín đồ một tôn giáo quen thuộc nói trên.

[33] [Ở điểm này, tôi đặt khoa học và nghệ thuật sang cùng một bên.]

[34] Vật tổ và Hèm cấm (Totem und Tabu) - 1913 [35] Trong Freud, có hai mặc cảm của đứa con xung quanh vài trò người cha – mặc cảm Oedipus và mặc cảm-bị-thiến (castration complex) Mặc cảm Oedipus: được thường liên kết với khái niệm “lo lắng bị thiến” cho trẻ nam (đứa trẻ trai sợ người cha sẽ thiến mình nếu ông biết được những khát vọng tình dục thâm kín của mình với người mẹ) và “ghen tị vì thiếu dương vật” cho trẻ nữ (đứa bé gái cảm nhận mình như thiếu dương

vật và sự thu hút của mình đối với cha cô như là một phần bị điều kiện bởi những mong muốn của cô để sở hữu nó). Những phản ứng của trẻ em cả nam và nữ - lấy dương vật làm trọng tâm - tạo nên mặc cảm-bị-thiến.

[36] Cross-inheritance [37] [Cf. Group Psychology (1921c) và 'Some Neurotic Mechanisms in Jealousy, Paranoia and Homosexuality' (1922b)].

[38] Phylogenesis [39] [Đây là trận chiến, thường được biết dưới tên the Battle of Châlons, xảy ra năm 451, Attila bị quân Romans và Visigoths đánh bại. Wilhelm von Kaulbach (1805-1874) lấy làm chủ đề cho một trong những bức họa trang trí, đầu tiên vẽ cho nhà bảo tàng Neues của Berlin. Trong tranh này, những chiến sĩ tử trận được trình bày như đang tiếp tục cuộc chiến của họ ở trên vòm trời phía trên chiến trường, theo như một truyền thuyết có thể truy ngược về thế kỷ thứ 5, Damascius, một người theo phái Plato-Mới].

Sigmund Freud - Ego và Id (5) Cái Ta và cái Đó Sigmund Freud (1856-1939) The Ego and the Id Das Ich und das Es (1923)

Chương IV Hai Lớp Bản năng

Chúng ta đã nói rồi, nếu sự phân định chúng ta đã làm não thức thành vào một Id, một Ego, và một Ego-Lý tưởng, có trình bày bất kỳ tiến bộ nào trong kiến thức chúng ta, nó phải làm chúng ta có khả năng để hiểu thông suốt hơn những quan hệ năng động bên trong não thức, và mô tả chúng rõ ràng hơn. Chúng ta cũng đã kết luận rồi rằng Ego thì đặc biệt nằm dưới ảnh hưởng của sự nhận thức, và tuyên bố rộng rãi, rằng những nhận thức có thể nói được là có cùng tầm quan trọng đối với Ego, như những bản năng có tầm quan trọng đối với Id. Đồng thời, Ego là đối tượng chịu ảnh hưởng của những bản năng, với Id cũng vậy, vì như chúng ta biết, thuộc về nó vốn chỉ một phần được sửa đổi đặc biệt.

Gần đây, tôi mới phát triển một quan điểm về những bản năng [1], vốn tôi sẽ chủ trương ở đây, và sẽ lấy làm cơ sở cho những thảo luận thêm của tôi. Theo quan điểm này, chúng ta phải phân biệt hai lớp [2] gồm những bản năng, một trong chúng, những bản năng tình dục hoặc Eros, thì kể là rõ ràng dễ thấy hơn và dễ tiếp cận hơn để nghiên cứu. Nó không chỉ đơn thuần gồm bản năng tình dục đích thực không bị ngăn cấm, và những xung động bản năng thuộc một bản chất có mục tiêu bị cấm đoán, hoặc được thăng hoa bắt nguồn từ nó, nhưng cũng gồm cả bản năng tự bảo tồn, vốn phải được gán vào ego, và khi bắt đầu công việc phân tích của chúng ta, chúng ta đã có lý do đúng để tương phản nó với những bản năng-có đối tượng tình dục. Lớp thứ hai của những bản năng là không dễ dàng để chỉ ra như thế; cuối cùng, chúng ta đã đi đến nhận ra chứng sadism [3] như đại diện của nó. Trên cơ sở của những cân nhắc về mặt lý thuyết, được sinh học hỗ trợ, chúng ta đưa ra giả thuyết về một bản năng Chết [4], nhiệm vụ của nó là dẫn sự sống hữu cơ quay về lại trong trạng thái bất động vô tri giác; về mặt khác, chúng ta đã giả định là Eros, bằng cách đem lại nhiều hơn và rộng hơn sự kết hợp của những phần tử, trong đó chất sống được phân tán gieo rắc, nhằm đến phức tạp sự sống, và đồng thời, tất nhiên, nhằm đến bảo tồn nó. Làm theo lối này, cả hai bản năng sẽ là bảo thủ trong ý nghĩa chặt chẽ nhất của từ này, vì cả hai sẽ cố gắng để thiết lập lại một trạng thái của những sự vật vốn đã bị xáo trộn bởi sự xuất hiện của sự sống. Sự xuất hiện của sự sống như vậy, sẽ là nguyên nhân của sự tiếp tục lâu dài của sự sống, và đồng thời, cũng của sự gắng sức hướng tới cái chết; và tự chính sự sống sẽ là một xung đột và thỏa hiệp giữa hai khuynh hướng này. Vấn đề về nguồn gốc của sự sống sẽ vẫn còn là một vấn đề cổ tính cách vũ trụ; và vấn đề về mục tiêu và cứu cánh của sự sống sẽ được trả lời một cách nhị nguyên.

[5] Trên quan điểm này, một tiến trình sinh lý đặc biệt (của tiến trình tổng hợp từ tiến trình phân hóa thải năng lực [6]) sẽ được gắn buộc với mỗi lớp của hai lớp những bản năng, cả hai loại bản năng sẽ hoạt động trong tất cả những phân tử của thực thể sống, mặc dù trong những tỷ lệ không bằng nhau, như thế khiến một vài một-thực thể có thể là đại diện chính yếu của Eros.

Giả thuyết này không chiếu sáng, dấu gì đi nữa, trên cách thức trong đó hai lớp bản năng được nấu chảy, pha trộn, và kết hợp với nhau, nhưng vì điều này diễn ra thường xuyên và hết sức rộng rãi nên là một giả định không thể thiếu được cho sự hình thành nhận thức của chúng ta. Nó xuất hiện rằng, như là một kết quả của sự kết hợp của những cơ cấu sinh vật đơn bào vào những hình thức đa bào của sự sống, bản năng chết của tế bào đơn có thể thành tựu là bị trung hòa (vô hiệu hóa), và những xung động phá hoại được chuyển hướng sang thế giới bên ngoài qua tính khí cụ của một cơ quan (cơ thể) đặc biệt. Cơ quan đặc biệt này xem dường như sẽ là cơ chế bắt thịt; và như thế, bản năng chết dường như thể hiện chính nó - mặc dù có lẽ chỉ trong một phần - như một bản năng của sự phá hoại hướng ra chống với thế giới bên ngoài và những cơ cấu sinh vật khác [7].

Một khi chúng ta đã chấp nhận ý tưởng về một sự hỗn hợp của hai lớp những bản năng với nhau, khả năng xảy ra - hoàn chỉnh nhiều hay ít - có một sự "phân giải" [8] của chúng tự đẩy vào tay chúng ta [9]. Thành phần có tính bạo dâm của bản năng tình dục sẽ là một thí dụ cổ điển có thể dùng được về một sự hỗn hợp bản năng; và chứng bạo dâm vốn đã làm tự nó thành độc lập như một sự suy đồi sẽ là có tính điển hình cho một sự phân giải, mặc dù không là một sự phân giải được đưa đến những cực đoan. Từ điểm này, chúng ta được một cái nhìn của một lĩnh vực lớn gồm những sự kiện vốn trước đây chưa từng được xem xét dưới ánh sáng này. Chúng ta nhận thấy rằng cho những mục đích của sự tháo xả [10], bản năng hủy diệt thì thường quen được đưa vào trong dịch vụ của Eros; chúng ta nghi ngờ rằng chứng ngất xỉu khi động kinh (epileptic) [11] là một sản phẩm và sự chỉ định dấu hiệu của một sự phân giải bản năng; [12] và chúng ta đi đến hiểu rằng phân giải bản năng và sự xuất hiện được đánh dấu của bản năng chết, đòi hỏi sự xem xét cụ thể trong số những hậu quả của một vài chứng loạn thần kinh nghiêm trọng - lấy thí dụ, chứng nợ-rô bị ám ảnh. Làm một tổng quát hóa nhanh chóng, chúng ta có thể ước đoán rằng yếu tính của một thoái bộ [13] của libido (lấy thí dụ - từ giai đoạn bộ phận sinh dục sang giai đoạn bạo dâm hậu môn) nằm trong một phân giải của những bản năng, giống đúng như, theo chiều ngược lại, sự tiến tới từ giai đoạn trước đó đi đến dứt khoát một giai đoạn bộ phận sinh dục sẽ là chịu điều kiện bởi một sự thắng tiến của những thành phần mang tính gợi dâm [14]. Câu hỏi cũng phát sinh -

không biết sự mâu thuẫn vừa yêu vừa ghét [15] thông thường, vốn nó thì quá thường xuyên là mạnh mẽ bất thường trong sự phân bố có tính bẩm sinh [16] sang chứng loạn thần kinh, không nên được coi như là sản phẩm của một sự phân giải; tuy nhiên, sự mâu thuẫn vừa yêu vừa ghét là một hiện tượng cơ bản đến nỗi rằng nó có thể đại diện cho một sự hỗn hợp bản năng vốn đã không được hoàn tất.

Là điều tự nhiên, với chú tâm chúng ta nên quay sang thăm dò không biết liệu có thể không có những kết nối hướng dẫn có thể truy tìm được giữa những cấu trúc chúng ta đã giả định là hiện hữu - Ego, Superego và Id - về một mặt, và hai lớp những bản năng, về một mặt khác, và hơn nữa, không biết liệu nguyên tắc lạc thú chỉ phối những tiến trình não thức có thể được cho thấy có bất kỳ quan hệ không thay đổi nào với cả hai lớp của những bản năng, và với những sự khác biệt này mà chúng ta đã vẽ trong não thức.

Nhưng trước khi chúng ta thảo luận điều này, chúng ta phải xóa đi một nghi ngờ, vốn nó nổi lên trong liên quan đến những thuật ngữ trong đó vấn đề tự nó được phát biểu. Có đó, nó là sự thật, không nghi ngờ gì về nguyên tắc lạc thú, và sự phân biệt ở bên trong Ego có sự biến minh từ chữa trị tốt thực tế bệnh viện; nhưng sự phân biệt giữa hai lớp của những bản năng xem ra không được làm vững tâm đầy đủ, và có thể là những sự kiện của phân tích từ thực tế bệnh viện có thể được tìm thấy, vốn sẽ làm kỳ vọng về nó trôi mất.

Xem ra dường có một sự kiện giống như thế. Đối với sự đối lập giữa hai lớp của những bản năng, chúng ta có thể đặt hai đối cực của yêu và ghét [17]. Không có khó khăn trong việc tìm kiếm một đại diện của Eros; nhưng chúng ta phải lấy làm khoan khoái rằng chúng ta có thể tìm thấy một đại diện của bản năng cái chết khó nắm bắt trong bản năng của sự hủy diệt, vốn nó bị ghét chỉ lối đến. Bây giờ, sự quan sát thực tế bệnh viện cho thấy rằng không chỉ duy có tình yêu, không lạ lùng gì, đều dẫn đi kèm với thù ghét (tâm lý mâu thuẫn vừa yêu vừa ghét), và rằng không chỉ trong những quan hệ của con người – thù ghét thường xuyên là báo trước của thương yêu, mà cũng còn trong một số trường hợp ghét đổi thành yêu, và yêu đổi thành ghét. Nếu sự thay đổi này thì khác hơn, không chỉ đơn thuần là một tiếp nối trong thời gian – đó là nếu một trong số chúng - thực sự biến thành cái kia - sau đó, bên dưới một sự phân biệt cơ bản như vậy, rõ ràng nền tảng được cất đi, cũng như là giữa những bản năng gợi dâm và những bản năng chết, một bản năng được tiên giả định có những tiến trình sinh lý chạy trong những hướng đối nghịch.

Bây giờ, trong trường hợp một người nào đó trước tiên yêu, và sau đó ghét, cùng một người (hoặc ngược lại) vì người kia đã cho người

này lý do để làm như vậy, đã rõ ràng là không đáng gì với vấn đề của chúng ta. Trường hợp kia cũng thế, trong đó những cảm xúc của thương yêu đã còn chưa trở nên thể hiện tự bộc lộ ra để bắt đầu với, bằng sự thù địch và những khuynh hướng gây hân hung hãn; vì nó có thể là ở chỗ này, thành phần phá hoại trong sự dồn-năng-lực- vào-đối tượng đã vội vã đến trước và chỉ về sau đó thành phần gọi dâm mới gia nhập. Nhưng chúng ta biết nhiều những trường hợp trong tâm lý học về chứng neuroses [18], trong đó nó là có vẻ hợp lý để giả định rằng một sự chuyển đổi đã diễn ra. Trong chứng persecutory paranoia [19] người bệnh dựng rào ngăn đầy một sự gán bó đồng tính quá mạnh với một vài người cụ thể nào đó trong một lối đặc biệt; và như là kết quả là cá nhân này là người mà người bệnh yêu thích nhất, sẽ trở thành một kẻ bức hại, và người bệnh nhắm đến cá nhân này một sự gây hân hung hãn thường thường nguy hiểm. Ở đây chúng ta có quyền gài vào một giai đoạn trước đó vốn nó đã biến yêu thành ghét. Trong trường hợp nguồn gốc của chứng đồng tính luyến ái, và cũng của những cảm xúc xã hội hủy- tính-dục, điều tra phân tích đã chỉ gần đây đã dạy chúng ta nhận ra rằng những cảm xúc bạo động của sự đối địch cạnh tranh là có mặt vốn dẫn đến những khuynh hướng gây hân hung hãn, và rằng là chỉ sau khi những điều này đã được khắc phục mà đối tượng trước đây bị ghét mới trở thành người được yêu, hoặc làm phát sinh sự đồng hóa nhân cách [20]. Câu hỏi đặt ra không biết trong những trường hợp này, chúng ta sẽ giả định một chuyển đổi trực tiếp của ghét thành yêu hay không. Điều là rõ ràng rằng ở đây những thay đổi là hoàn toàn nội bộ và một thay đổi trong hành vi của đối tượng không đóng phần trong đó.

Tuy nhiên, có một cơ chế khả hữu khác, vốn chúng ta đã đi đến biết về nó, bởi sự điều tra phân tích về những tiến trình có liên quan đến sự thay đổi trong chứng paranoia. Một thái độ nước đôi là có mặt ngay từ đầu và sự chuyển đổi là có nguyên nhân bởi những phương tiện của một di chuyển phản ứng của sự tập trung năng lực, năng lực bị thu hồi từ xung lực gọi dâm và được cộng thêm vào với xung lực thù địch.

Không hoàn toàn cùng là một sự việc, nhưng một-gì-đó giống nó xảy ra khi sự cạnh tranh thù địch dẫn đến sự đồng tính luyến ái thì bị khắc phục. Thái độ thù địch không không có triển vọng được thỏa mãn; do đó - vì những lý do kinh tế, - đó là nó được một thái độ yêu thương thay thế, vốn trong đó có triển vọng được thỏa mãn hơn - đó là có khả năng có cơ hội của sự tháo xả. Như thế nên chúng ta thấy rằng chúng ta không bị bắt buộc trong bất kỳ những trường hợp này để phải giả định một sự chuyển đổi trực tiếp của ghét thành yêu, vốn nó sẽ là không tương hợp với sự phân biệt tính chất giữa hai lớp của những bản năng.

Tuy nhiên, sẽ được chú ý rằng bằng sự đưa vào giới thiệu cơ chế khác này của sự chuyển đổi yếu sang ghét, chúng ta đã mặc nhiên thực hiện một giả định khác vốn nó xứng đáng được phát biểu rõ ràng. Chúng ta đã thừa nhận như - mặc dù trong não thực - cho dù trong Ego hoặc trong Id - có hiện hữu một năng lực có thể chuyển vị được, tự nó trung lập, nó có thể được thêm vào một xung lực khiêu dâm có phẩm chất khác biệt hoặc một xung lực phá hoại, và tăng thêm tổng số kết tập năng lực của nó. Nếu không giả định sự hiện hữu của một năng lực có thể chuyển vị thuộc loại như thế này, chúng ta không thể mở được đường tiến. Câu hỏi duy nhất là nó từ đâu đến, nó thuộc về những gì, và nó có ý nghĩa những gì.

Vấn đề về tính chất của những xung động bản năng, và của sự kiện tri của nó trong suốt những thăng trầm khác nhau của chúng, thì vẫn còn rất mờ tối và hầu như cho đến nay vẫn chưa bị tấn công.

Trong những bản năng cấu thành tình dục [21], vốn đặc biệt là có thể tiếp cận được để quan sát, có thể khả hữu để lĩnh hội được số ít những tiến trình vốn chúng là thuộc về cùng thể loại như những gì chúng ta đang thảo luận. Chúng ta thấy, lấy thí dụ, rằng một số mức độ của truyền thông hiện hữu giữa những bản năng cấu thành, rằng một bản năng bắt nguồn từ một nguồn kích thích tình dục [22] đặc biệt có thể làm thay đổi hơn cường độ của nó để củng cố một bản năng cấu thành khác có nguồn gốc từ một nguồn khác, rằng sự thỏa mãn của một bản năng có thể chiếm chỗ sự thỏa mãn của một bản năng khác, và nhiều những sự kiện hơn nữa có cùng bản chất – khiến chúng phải khuyến khích chúng ta mạo hiểm đưa ra những giả thuyết nhất định nào đó.

Hơn nữa, trong thảo luận hiện tại, tôi chỉ đưa ra một giả thuyết, tôi không có bằng chứng đem cung cấp. Có vẻ như một cái nhìn hợp lý đáng tin cậy được rằng năng lực trung lập và có thể chuyển vị này, vốn không nghi ngờ gì là nó hoạt động cả hai trong Ego và trong Id, tiến hành từ kho dự trữ tự-yêu-mình của libido - đó là Eros hủy-tính-dục. (Những bản năng gợi dâm hiện ra hoàn toàn mềm dẻo, dễ dàng bị chuyển hướng và dễ dàng thay đổi vị trí được – dễ chuyển vị so với bản năng phá hoại.) Từ điều này, chúng ta có thể dễ dàng tiếp tục giả định rằng libido chuyển vị được này thì được dùng để phục vụ nguyên tắc lạc thú, để phòng ngừa những chướng ngại tắc nghẽn và để tháo xả được thuận lợi. Trong sự kết nối này, dễ dàng để quan sát một dừng dưng lãnh đạm nhất định về phần con đường vốn sự tháo xả xảy ra dọc theo nó, miễn là chừng nào nó diễn ra bằng cách nào đó. Chúng ta biết nét đặc biệt này, nó là đặc trưng của tiến trình kết tập năng lực trong Id. Nó được tìm thấy trong những kết tập năng lực khiêu dâm, nơi đó có một sự thờ ơ đặc biệt liên quan đến đối tượng

tự nó phơi bày, và nó là đặc biệt rõ ràng trong những chuyển đổi đối tượng của cảm xúc [23] phát sinh trong sự phân tích tâm lý, vốn nó phát triển chắc chắn, không phân biệt đến những cá nhân là những đối tượng của họ. M ới đây đây không lâu Rank [24] (1913) đã công bố một số thí dụ hay về những lỗi mà những hành vi trả thù của chứng loạn thần kinh có thể bị chuyển hướng sang những đối tượng sai lầm, đến những người vô can. Ứng xử loại giống như thế trên phần của vô thức nhắc nhở một câu chuyện hài hước về ba người thợ may trong làng, một trong ba người đã bị treo cổ, vì một người thợ rèn duy nhất trong làng đã phạm một tội tử hình [25]. Sự trừng phạt phải là đúng như thế, ngay cả nếu như không đúng người tội phạm. Đó là trong khi nghiên cứu giấc mơ-làm việc [26], chúng ta đầu tiên đã đi đến loại này của sự nói lỏng trong những chuyển vị mà những tiến trình chính yếu làm cho xảy ra. Trong trường hợp đó, do đó đã là những đối tượng đã được chuyển xuống một vị trí không hơn tâm quan trọng thứ hai, cũng đúng giống như trong trường hợp chúng ta đang thảo luận nó là những con đường tháo xả. Sẽ là tính chất đặc trưng của Ego là đặc biệt cụ thể hơn về cả hai lựa chọn – về một đối tượng và về một con đường của tháo xả.

Nếu năng lực thay đổi vị trí được này làm libido – bản năng ham muốn tình dục – (thành) phi-tình-dục, nó cũng có thể được mô tả như là năng lực được thăng hoa, vì nó sẽ vẫn giữ lại mục đích chính của Eros – đó là đoàn kết và ràng buộc – trong chừng mức nó giúp để hướng tới thiết lập sự thống nhất, hoặc khuynh hướng đi tới thống nhất, vốn là đặc trưng đặc biệt của Ego. Nếu tiến trình suy nghĩ, trong ý nghĩa rộng lớn hơn, được bao gồm trong số những chuyển vị này, vậy sau đó, hoạt động của suy nghĩ thì cũng được cung cấp từ sự thăng hoa của những sức mạnh có động lực gọi dâm.

Ở đây một lần nữa chúng ta lại đi đến tình trạng có thể đã từng được thảo luận [27], rằng sự thăng hoa có thể diễn ra thường xuyên, thông qua sự trung gian của Ego. Trường hợp kia sẽ được nhớ lại, trong đó Ego đối phó với kết tập năng lực-vào-đối tượng đầu tiên của Id (và chắc chắn cũng với những kết tập năng lực-vào-đối tượng về sau đó nữa) bằng tiếp nhận kiểm soát libido từ chúng vào trong chính nó và ràng buộc nó với sự thay đổi của Ego đã sản xuất bằng phương tiện của sự đồng hóa nhân cách. Việc chuyển đổi của erotic-libido vào thành ego-libido tất nhiên liên quan đến một sự từ bỏ những mục tiêu tình dục, một sự hủy-tính dục. Dù trong bất kỳ trường hợp nào, điều này chiếu ánh sáng trên một chức năng quan trọng của Ego trong mối quan hệ của nó với Eros. Thế nên, bằng cách nắm giữ lấy libido từ những kết tập năng lực vào đối tượng, tự thiết lập chính nó như là đối tượng tình yêu duy nhất, và sự hủy- tính-dục hoặc sự thăng hoa libido - ham muốn tình dục - của Id, Ego đang làm việc đối lập với những

mục đích của Eros và đặt chính nó vào dịch vụ phụng sự cho những sức mạnh bản năng đối nghịch.

Nó phải thu nhận vào một số của những kết tập năng lực vào đối tượng khác của Id, như thể là nói, nó có tham dự vào với chúng.

Sau này, chúng ta sẽ trở lại về một hệ quả có thể có được của hoạt động này của Ego.

Điều này sẽ xem dường như ngụ ý một sự khuếch đại quan trọng của lý thuyết về sự yêu-chỉ-mình (narcissism) [28]. Ở rất sớm ban đầu, tất cả libido được tích lũy trong Id, trong khi Ego vẫn còn trong tiến trình hình thành hoặc vẫn còn yếu ớt. Id gửi phần của libido này ra ngoài, vào những-những kết tập năng lực-trên-đối tượng gọi dâm, và rồi Ego, bây giờ phát triển mạnh mẽ hơn, cố gắng để kiểm soát đối tượng-libido này và tự buộc chính nó với Id như là một đối tượng-thương yêu. Sự yêu-chỉ-mình của Ego như vậy, là một sự yêu-chỉ-mình thứ cấp, vốn đã được thu hồi từ những đối tượng [29].

Chúng ta thấy lập đi lập lại nữa, khi chúng ta có thể để truy dấu những xung động bản năng về ngược lại, chúng tiết lộ chúng là những dẫn xuất của Eros. Nếu như đã không do những cân nhắc đã đưa ra trong Vượt ngoài Nguyên tắc Lạc thú, và cuối cùng do những thành phần bạo dâm vốn gắn kèm chúng với Eros, chúng ta sẽ có khó khăn khi giữ lấy quan điểm nhị nguyên cơ bản của chúng ta [30]. Nhưng vì chúng ta không thể thoát khỏi quan điểm đó, chúng ta được đưa tới kết luận rằng những bản năng chết câm tiếng do tự bản chất của chúng, và tiếng kêu của sự sống hầu hết những phần là thoát ra từ Eros. [31] Và từ cuộc tranh đấu chống lại Eros! Khó có thể nghi ngờ gì - rằng nguyên tắc lạc thú phục vụ Id như một địa bàn trong đấu tranh của nó chống lại libido - sức mạnh đem giới thiệu những nhiễu loạn vào trong tiến trình của sự sống. Nếu nguyên tắc không đổi của Fechner [32] trị vì sự sống là đúng, [33] thế nên, nó gồm một sự suy sụp đi xuống liên tục hướng tới cái chết, nó là những tuyên đòi của Eros, của những bản năng tình dục, vốn chúng trong hình thức của những nhu cầu bản năng, chúng chống giữ nâng lên mức độ rơi xuống, và đưa vào giới thiệu những căng thẳng tươi mới. Id được nguyên tắc lạc thú hướng dẫn - đó là, bằng sự nhận thức về (những gì) không- lạc-thú - rào cản những căng thẳng này trong nhiều cách khác nhau.

Trước hết tất cả, nó làm như thế bằng cách tuân thủ, càng nhanh đến như có thể được càng tốt, với những đòi hỏi của libido không- hỷ-tình-dục [34] - bằng cách gắng sức cho sự thỏa mãn của những khuynh hướng tình dục trực tiếp. Nhưng nó làm như thế theo một kiểu cách bao hàm hết sức toàn diện trong liên hệ với một hình thức

đặc biệt của sự thỏa mãn, trong đó tất cả những thành phần đòi hỏi cùng hội tụ - bằng buông xả những thực thể tình dục, vốn chúng là những phương tiện đã bão hòa, là nói như thế, của những căng thẳng gọi là tình dục [35]. Sự phóng bắn ra những thực thể tình dục trong hành vi tình dục, trong một ý nghĩa, tương ứng với sự phân ly thể xác-không-mâm-sống với dung dịch-quánh-đặc-mâm-sống [36].

Điều này giải thích cho sự giống nhau giữa trạng thái sau khi hoàn toàn thỏa mãn sinh lý với cái chết, và cho sự kiện rằng cái chết trùng hợp với hành động giao hợp trong một số những động vật hạ đẳng. Những sinh vật này chết ngay trong hành vi của sự tự tái tạo, vì sau khi Eros đã bị loại bỏ qua tiến trình của sự thỏa mãn, bản năng chết được tự do, được buông tay cho việc hoàn thành mục đích của nó. Cuối cùng, như chúng ta đã thấy, Ego, bằng cách thăng hoa một số của libido cho chính nó, và những mục đích của nó, nó giúp đỡ Id trong công việc của Id làm chủ những căng thẳng.

Lê Dọn Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất (Feb/2012) (Còn tiếp...)

<http://chuyendaudau.blogspot.com/>

<http://chuyendaudau.wordpress.com> [1] [Beyond the Pleasure Principle.] Freud xem bản năng là một thúc đẩy mang tính cơ thể và tiền-ngôn ngữ; nó điều khiển – hay nói nôm na – đưa đẩy lèo lái - những hành động của chúng ta. Freud có một phân biệt giữa bản năng và phản đề của nó, là ý thức/vô thức. Vì bản năng là có trước khi có ngôn ngữ (tiền-ngôn ngữ), và như thế, chỉ có thể dùng một ý tưởng nào đó để làm đại diện cho bản năng. Những gì bị dồn nén, trấn áp (trong vô thức) là không tự thân là bản năng đúng nghĩa, nhưng là những biểu hiện có liên hệ với sự biểu tỏ có tính lý tưởng (the ideational presentation) của bản năng, đó chỉ là một cách nói khác rằng những xung lực nguyên thủy sâu xa nhất của chúng ta, những bản năng – chúng đều vượt quá khả năng của chúng ta để trình bày chúng. Phân tâm học tìm ý nghĩa của phần vô thức, đến một mức độ nào đó như có thể “hiểu” được, và như vậy, chỉ nhằm chữa trị, làm những bước gỡ bỏ những tác dụng, hay nâng lên khỏi những gì là bản năng, vẫn còn mờ tối.

Freud xây dựng lý thuyết về bản năng của ông trong Three Essays on the Theory of Sexuality (1905), rồi trong "Instincts and their Vicissitudes" (1915), và về sau khai triển một khái niệm khác đi và tổng quát hơn trong Beyond the Pleasure Principle (1920) Với Freud, khái niệm về bản năng là một khái niệm nằm chênh vênh ở một ranh giới, ranh giới của những lĩnh vực tâm linh và tế bào cơ thể. Ông dằng co giữa việc định tính cho bản năng – phải chăng nó là một kích thích hữu cơ (organic stimulus), là một đòi hỏi tác động trên guồng máy tâm linh – hay nó là một đại diện cho một đòi hỏi- kích thích cơ

tính hữu cơ (organic need-stimulus) như thế.

Từ của Freud cho bản năng là *Trieb*, (gốc từ *treiben*, “xô đẩy”) – nếu dịch là “dồn đẩy có tính bản năng” (instinctual drive) hơn là chỉ “bản năng” xuôi, như trong bản dịch Anh văn phổ thông vẫn dùng này của Freud.

Cũng nói thêm, hai lớp của bản năng Freud trình bày trong chương này – 1) *Eros* hoặc *libido* - bản năng tình dục - mà sau này ông nhìn thấy như tương ứng với bản năng sống, bản năng tự bảo quản, và 2) *Thanatos* hoặc bản năng cái chết, ông gọi là “xung lực lao đến cái chết” - một mong muốn tự nhiên để, theo lời chính ông - “thiết lập lại một trạng thái của những sự vật đã bị sự xuất hiện của sự sống làm xáo trộn”.

Trước 1920 – trong những gì quanh Freud, có sự nhấn mạnh nhiều về *libido* – vẫn được đơn giản hóa là bản năng tình dục, còn bản năng chết, chỉ xuất hiện về sau trong giả thuyết mới của ông. Thế nên, ông được biết đến nhiều, cũng như tên tuổi của ông hầu như gắn liền với lớp bản năng thứ nhất – *Eros* – dưới tên phổ thông hơn là *libido* - bản năng tình dục.

[2] *Class* – “lớp” theo nghĩa toán học, cũng như “*set*” (tập hợp) [3] *Sadism* (ác dâm) và *masochism* (khổ dâm) là những chứng bệnh bạo dâm tâm lý.

[4] *Death Intincts* (*Thanatos*): hay *death drive* (Đẩy về cái Chết): là xung lực thúc đẩy sinh vật sống (hữu cơ) quay trở về trạng thái vô cơ, hay trạng thái trước khi có hình hài, trước khi sinh ra – trước khi có đời sống. Thường khó nhận thấy vì bản năng Chết không xuất hiện cô lập, không đứng riêng một mình; nhưng thường pha trộn với bản năng khác – như khi một phần của nó được kết nối với phần đề của nó là *Eros*, khi đó, tác động của nó trở nên rõ ràng, đặc biệt qua sự thúc ép, đòi lặp đi lặp lại. Như Freud nói trên – động năng của nó nhằm đem những sinh vật sống quay trở về trạng thái vô cơ, động năng này là một thành phần của tất cả những xung lực bên trong chúng ta. Trong hình thức kết hợp, động lực chính của nó là hướng tới sự giải thể, tháo gỡ, và phân ly. Ở dạng thuần khiết của nó, im lặng trong guồng máy tâm linh, nó bị *libido* chinh phục tới một mức độ nào đó và do đó lệch hướng quay ra với thế giới bên ngoài qua những sức mạnh hấp thụ của những xung lực đưa tới sự hủy diệt, hay làm chủ, hoặc ý chí nắm quyền lực: dấu hiệu của nó là những chứng bạo dâm tâm lý. Với người khác là ác dâm; phần còn lại bên trong chính mình, chính yếu là những kích thích khổ dâm, hay những hình thức của sự tự hành hạ, tự làm khổ mình.

Được mô tả đầu tiên trong *Beyond the Pleasure Principle*, theo Freud “mục tiêu của tất cả sự sống là sự chết - the goal of all life is death” (1920). Ông lưu ý rằng sau khi còn người trải qua một chấn thương tâm lý (chẳng hạn như chiến tranh), họ thường diễn lại kinh nghiệm đó. Ông kết luận rằng con người nắm giữ một mong muốn vô thức để chết, nhưng mong muốn này chủ yếu bị những bản năng sống kèm chế.

Theo quan điểm của Freud, hành vi tự hủy hoại là một biểu hiện của năng lực được tạo ra bởi bản năng chết. Khi năng lực này được hướng ra ngoài vào những người khác, nó được thể hiện như trong sự gây hấn hung hăng và những gì có trộn bạo lực, ác độc.

[5] [Cf. xem chú thích sau.] [6] Catabolism: tiến trình tạo năng lực: xảy ra khi những phân tử phức tạp bị phá vỡ thành những phân tử đơn giản hơn, năng lực được phóng thích; đó là quá trình trao đổi năng lực từ sự hủy hoại (destructive metabolism), ngược lại là Anabolism: một quá trình trao đổi năng lực khi tổng hợp những phân tử đơn giản – năng lực được kết hợp (constructive metabolism).

[7] [Freud trở lại điểm này trong “The Economic Problem of Masochism”, S.E., 19, 193.] [8] defusion: sự tháo gỡ, sự phân giải: Freud dùng những từ hỗn hợp và phân giải (fusion/defusion - Mischung/Entmischung), để chỉ sự trộn lẫn và phân giải bản năng sống và những bản năng chết – như ông đang giải thích ở đây. Sự hỗn hợp và phân giải đặc biệt với những bản năng năng (Triebmischung / Triebentmischung).

Phân giải được xem là chức năng của id, trong khi hỗn hợp là công việc của ego. Phân giải bản năng tạo nên sự dồn nén, trấn áp, và sự đồng hóa nhân cách và sự thăng hoa, chúng có khuynh hướng là nguyên nhân của sự phân giải.

[9] [Cf. cuối chương 3 – Những gì nói tiếp về phần sadism đã được báo trong *Beyond the Pleasure Principle* (1920g), S.E., 18, 54; I.P.L., 4, 48.] [10] Discharge: “tháo xả” được Freud dùng trong lý thuyết của ông về những bộ máy tâm linh đối phó như thế nào với sự kích thích.

Khái niệm tháo xả do đó đề cập đến một phóng thích hướng ra ngoài của năng lực được sản xuất trong bộ máy tâm linh khi bị kích thích, cho dù kích thích có nguồn gốc từ bên ngoài hay bên trong.

Freud đã thảo luận tháo xả khi ông mô tả nguyên tắc lạc thú/ không lạc thú: tháo xả đi với nguyên tắc lạc thú, sự lưu giữ (không tháo xả được) đi với nguyên tắc không lạc thú. Chúng ta nên nhớ lại rằng, theo Freud, gốc khởi dậy của bản năng là một trạng thái kích thích

trong cơ thể và mục đích của nó là để loại bỏ (bằng cách thỏa mãn) sự kích thích này.

[11] Epilepsy: chứng động kinh: là điều kiện vật lý của cơ thể xảy ra khi có một sự thay đổi ngắn gọn bất ngờ trong hoạt động của não. Khi những tế bào não không làm việc bình thường; ý thức, cử động, hoặc hành động của một người có thể bị đột ngột thay đổi trong một thời gian ngắn. Những thay đổi vật lý trong cơ thể được gọi là những cơn giật động kinh (epileptic seizures). Bệnh động kinh do đó xuất hiện bên ngoài như một rối loạn cơn giật. Một người có thể lên cơn cơn giật nhưng không bị động kinh.

[12] [Cf. bài nghiên cứu sau này của Freud về chứng ngất xỉu động kinh của Dostoevsky (1928b)] [13] Regression: thoái bộ - một sự rút lui hay quay trở lại một trạng thái (tâm lý - kém phát triển, kém tiến hóa hơn) trước đó.

[14] [Freud trở lại điểm này trong Inhibitions, Symptoms and Anxiety (1926d), S.E., 20, 114; I.P.L., 28, 28.] [15] Ambivalence: sự mâu thuẫn tâm lý - vừa yêu vừa ghét [16] Constitution: ở đây hiểu như tất cả những cá tính và khuynh hướng, trong cơ thể lẫn tinh thần, mà mỗi cá nhân đem vào đời sống từ khi được sinh ra. Nó là những phần trong cá nhân có tính bẩm sinh, di truyền hay do di truyền quyết định.

[17] [Về những gì tiếp sau, xem bản luận sớm hơn trước đó về sự quan hệ giữa yêu và ghét trong "Instincts and their Vicissitudes" (1915c – cũng như chương V và VI của Civilization and its Discontents (1930a)] [18] Neuroses: những chứng nhiễu loạn thần kinh, nhưng người bệnh vẫn còn biết mình là ai, nhận thức được thực tại. Xem chú thích trước về những chứng nơ-rô và psy-cô.

[19] Persecutory paranoia - Đây là loại phổ biến nhất của chứng paranoia, trong chứng này, người bệnh tự khiến mình tin rằng tất cả những người quanh mình đều là kẻ thù, đều muốn hãm hại và có khi muốn giết mình. Trong loạn tưởng, những người vốn đã có tính khí hung hãn, gầy hãn, thường quay sang thành những kẻ giết người nguy hiểm.

[20] [Xem chú thích chương trước] [21] component instincts: những bản năng cấu thành – là từ của Freud dùng để chỉ bất kỳ một trong những thành tố khác biệt nào, khi chúng hợp với nhau, và tổ chức trong những cách thức đặc biệt để đem lại hình dạng cho những bản năng ở trạng thái cuối cùng, hoàn toàn phát triển, trong tương lai. Những quan sát của Freud về thời kỳ xảy ra những sự thành hình này, đặc biệt quan trọng và xoay quanh bản năng tình dục.

[22] Erotogenic: có tính kích thích tình dục, gây cảm xúc xác thịt - Freud chủ yếu vẫn sử dụng thuật ngữ này để chỉ một số vùng cơ thể cụ thể, đặc biệt là, bộ phận sinh dục, miệng, và hậu môn. Những khu vực này, ông xem là vị trí của những bản năng đặc biệt được gọi là những “bản năng cấu thành” – như nói ở chú thích trên. (Tương ứng với những giai đoạn phát triển tâm lý cá nhân: giai đoạn miệng, hậu môn, cơ quan sinh dục.) [23] Transferences: Trong Phân tâm, tiến trình trong đó những cảm xúc và những khao khát vốn có nguồn gốc là được gắn bó với một nhân vật nào đó, như cha, mẹ, anh chị, hay em chẳng hạn, nhưng một cách vô thức đã chuyển sang một người khác, đặc biệt là người đương đóng vai phân tâm – nhà phân tâm.

[24] Rank (Rosenfeld) Otto (1884-1939), nhà tâm lý và phân tâm, thư ký đầu tiên của hội Vienna Psychoanalytic Society.

[25] [Câu chuyện được Freud kể lại trong chương cuối cùng của tập sách của ông về chuyện khôi hài] Trong A General Introduction to Psychoanalysis. 1920. Part Two: The Dream XI. The Dream-Work, Ông cũng nhắc lại: “Tôi có thể có thể cung cấp cho quý vị một ý tưởng về sự nhầm lẫn được tạo ra bằng cách nhắc quý vị về câu chuyện của người thợ rèn đã phạm một tội giết người. Tòa án quyết định hình phạt cho tội phạm phải được thanh toán, nhưng vì người này là thợ rèn độc nhất của cả làng và do đó không thể thiếu được, trong khi có những ba người thợ may, nên một người thợ may này phải bị treo cổ thế cho người thợ rèn”.

[26] Dream-work: giấc mơ làm việc – đó là những tiến trình gây nên sự chuyển hóa của những tư tưởng vô thức vào trong nội dung của những giấc mơ, như sự hoán vị, bề cong, cô đọng hay tượng trưng.

Sigmund Freud được xem là "cha đẻ" của ngành phân tâm học, và nhiều người đồng ý tập The Interpretation of Dreams (Giải thích những giấc mơ) của ông, xuất bản năm 1899, đánh dấu sự ra đời của lý thuyết phân tâm học. Mặc dù lý thuyết của Freud, kể từ khi đó đến nay, đã không ngừng bị chỉ trích từ tất cả các bên, nhưng những nhà phê bình cũng như những người ủng hộ, tất cả đều đồng ý rằng những ý tưởng của Freud đã gây một ảnh hưởng sâu xa trong tư tưởng và văn hóa của thế kỷ XX.

Trong tập The Interpretation of Dreams, Freud phân tích những giấc mơ của chính ông như những thí dụ để chứng minh lý thuyết mới của ông về tâm lý của những giấc mơ. Freud làm một sự phân biệt giữa cái biểu hiện, hoặc ở ngoài mặt của nội dung giấc mơ, và cái tiềm ẩn, hay vô thức, gọi là “những suy tưởng của giấc mơ”, chúng được thể hiện qua một thứ “ngôn ngữ đặc biệt” của những giấc mơ. Ông đặt giả thuyết rằng tất cả những giấc mơ đại diện cho sự thực hiện của

một mong muốn về phần của kẻ nằm mơ và chủ trương rằng ngay cả những giấc mơ đầy lo lắng, và thậm chí cả những giấc mộng dữ đều là những biểu hiện của những ham muốn vô thức. Freud giải thích rằng quá trình "kiểm duyệt" trong những giấc mơ gây ra một "biến dạng" của nội dung giấc mơ, do đó, những gì xuất hiện như tầm thường, vô nghĩa trong một giấc mơ, có thể, thông qua quá trình phân tích, được cho thấy chúng thể hiện một tập hợp mạch lạc những ý tưởng. "dream work" - "giấc mơ làm việc" - là quá trình trong đó não thức đã cô đọng, ngưng tụ, làm biến dạng, bóp méo và diễn dịch những "suy nghĩ của giấc mơ" vào nội dung của giấc mơ. Freud cho thấy rằng giá trị cuối cùng của sự phân tích giấc mơ có thể là trong sự tiết lộ các hoạt động tiềm ẩn của não thức vô thức.

[27] Phần đầu chương III.

[28] Narcissism: Định nghĩa rộng rãi, narcissism - sự yêu-chỉ-mình - là sự "đầu tư" những năng lực của libido vào trong ego. Freud phân định giữa sự yêu-chỉ-mình chính yếu (primary narcissism) là sự tập trung trong trẻ thơ vào thân xác và những nhu cầu của mình và loại trừ của tất cả những ai nào khác; và những hình thức của sự- yêu-chỉ-mình trong đời sống của người trưởng thành, được biểu hiện qua những đối tượng yêu thương được chọn lựa. Theo Freud, tất cả chúng ta đều bắt đầu như những kẻ yêu-chỉ-mình, khi là những trẻ thơ; từ sự yêu chỉ mình nguyên thủy, từ đó, phát triển thành sự yêu-chỉ-mình thứ cấp (secondary narcissism) – khi chúng ta thích ứng với một vài phương diện của ego lý tưởng – thí dụ: chúng ta kiêu hãnh với những thành công của chúng ta, hay nhận thức rằng có những người khác bị chúng ta thu hút, hay quyến rũ được.

[29] [xem Appendix B về một bản luận về điều này] [30] [Trước sau như một, Freud chủ trương một sự phân định nhị nguyên về những bản năng sẽ được thấy trong chú thích dài ở cuối, chương 6 của Beyond the Pleasure Principle] [31] [Trong thực tế, theo quan điểm của chúng ta là qua những cơ năng của Eros khiến những bản năng phá hoại được hướng ra thế giới bên ngoài vốn đã được chuyển hướng khỏi từ tự ngã].

[32] Gustav Theodor Fechner (1860-1912): Nhà triết học và vật lý học người Đức, sáng lập psychophysics. Thành tích lớn nhất của ông là trong việc nghiên cứu các quan hệ chính xác trong tâm lý học và thẩm mỹ học. Ông đã thiết lập một quy tắc được gọi là luật Fechner, hay luật Weber-Fechner, quy luật tâm lý có giá trị lịch sử quan trọng. Luật này định lượng nhận thức về sự thay đổi khi có một kích thích nhất định. Luật quy định rằng sự thay đổi trong một kích thích sẽ chỉ nhận biết chú ý được là một tỷ lệ không đổi của kích thích ban đầu, trong

những giới hạn, cường độ của cảm giác tăng lên như logarithm của kích thích.

[33] [Cf. Beyond the Pleasure Principle (1920g), S.E., 18, 8-10; I.P.L., 4, 2-4.] [34] “non-desexualized libido” [35] [Quan điểm của Freud về vai trò của những “thực thể tình dục” sẽ tìm thấy trong tiết 2, bài thứ ba, của tập sách Three Essays (1905d) của ông] [36] Soma và germ-plash.

WEDNESDAY, MARCH 7, 2012 Sigmund Freud - Ego và Id (6) Cái Ta và cái Đó Sigmund Freud (1856-1939) The Ego and the Id Das Ich und das Es (1923)

Chương V Những liên hệ tùy thuộc của Ego

Sự phức tạp của nội dung vấn đề của chúng ta phải là một cái có để xin lỗi cho sự kiện rằng không một đầu đề chương sách nào của quyển sách này hoàn toàn tương ứng với nội dung của chúng, và rằng khi quay sang những khía cạnh mới của chủ đề, chúng ta không ngừng lộn trở lại những nội dung đã từng được bàn luận rồi.

Như thế, chúng ta đã nhiều lần lập lại, nói rằng Ego, trong một mức độ rất lớn, được hình thành từ những đồng hóa nhân cách, vốn chúng chiếm chỗ của những kết tập năng lượng đã bị Id bỏ rơi; rằng sự đồng hóa nhân cách đầu tiên trong số này luôn luôn cư xử như là một cơ năng đặc biệt trong Ego, và đứng riêng ra khỏi Ego trong hình thức của một Superego, trong khi về sau này, khi nó lớn mạnh hơn, Ego có thể trở thành đề kháng hơn với những ảnh hưởng của những sự đồng hóa nhân cách như vậy. Superego có được vị trí đặc biệt của nó trong Ego, hoặc trong liên quan với Ego, nhờ vào một yếu tố phải được xem xét từ hai mặt: về một mặt, nó đã là sự đồng hóa nhân cách đầu tiên, và là một đồng hóa xảy ra trong khi Ego vẫn còn yếu ớt, và về mặt khác, nó là thừa kế cho mặc cảm Oedipus, và thế nên đã đem giới thiệu những đối tượng cực kỳ quan trọng vào Ego. Quan hệ của Superego với những thay đổi về sau này của Ego thì đại khái tương tự như của giai đoạn tình dục chủ yếu trong thời thơ ấu với đời sống tình dục về sau khỏi tuổi dậy thì. Mặc dù nó có thể tiếp cận được với tất cả những ảnh hưởng sau này, dù sao đi nữa trong suốt cuộc đời, nó vẫn duy trì cá tính nhân cách đã đem cho nó từ những nguồn gốc biến thái của nó từ mặc cảm-người cha - cụ thể là, khả năng đứng riêng ra khỏi và khả năng làm chủ Ego. Nó là một vật tượng niệm về sự yếu kém trước đây và sự phụ thuộc trước đây của Ego, và Ego trưởng thành vẫn bị giữ lại là đối tượng với sự thống trị của nó. Như đứa trẻ đã một lần từng bị bắt buộc vâng lời cha mẹ của nó, Ego tuân phục cũng giống thế với phạm trù mệnh lệnh của Superego của nó.

Nhưng sự bắt nguồn của Superego từ những kết tập năng lượng-vào-đối tượng đầu tiên của Id, từ mặc cảm Oedipus, thậm chí với nó có ý nghĩa quan trọng hơn nhiều. Sự bắt nguồn này, như đã được cho chúng ta thấy (chương 3), mang nó vào trong quan hệ với những thu nhận có tính phát sinh chủng loại của Id và làm nó thành một sự tái sinh của những cấu trúc-ego trước đây, vốn đã bỏ lại đằng sau những kết tủa của chúng trong Id. Thế nên, Superego luôn luôn gần gũi với

Id và có thể hoạt động như đại diện mặt-đối-mặt của nó với Ego. Nó chạm xuống đến sâu thẳm trong Id, và vì lý do đó nó cách xa với ý thức hơn so với Ego.[1].

Chúng ta sẽ hiểu rõ nhất giá trị về những quan hệ này bằng quay sang một số những sự kiện bên giường bệnh, tuy đến nay đã lâu, mất tính mới lạ của chúng, nhưng vẫn còn chờ dành cho thảo luận lý thuyết.

Có những con người nhất định nào đó là người ứng xử trong một kiểu cách khá khác thường trong khi được phân tích tâm lý. Khi người ta nói một cách hy vọng cho họ, hay bày tỏ sự hài lòng với tiến bộ của sự điều trị, những người này cho thấy những dấu hiệu của sự bất mãn, và tình trạng của họ lúc nào cũng trở nên tồi tệ hơn.

Mới đầu, người ta nhìn điều này như là sự thách thức và như một cố gắng để chứng minh sự ưu thắng của họ với người y sĩ, nhưng sau đó người ta đi đến chấp nhận một cái nhìn sâu hơn và đúng hơn.

Người ta trở nên bị thuyết phục, không chỉ rằng những người như vậy không thể chịu đựng được bất kỳ khen ngợi hoặc phê bình đề cao nào, nhưng rằng họ phản ứng ngược chiều với sự tiến bộ của việc điều trị. Kết quả có phải xảy ra như giải pháp nào dù một phần, và trong những người khác thực có kết quả, trong một sự cải tiến hoặc đình chỉ nhất thời của những triệu chứng, đã nhất thời tạo ra trong họ một sự trầm trọng thêm bệnh tật của họ, họ thành ra tệ hơn trong tiến trình điều trị thay vì thành tốt hơn. Chúng trưng bày những gì được biết đến như là một “phản ứng trị bệnh tiêu cực”.

Không nghi ngờ rằng có một gì đó trong những người này vốn làm cho chính nó chống lại sự hồi phục của họ, và cách nó giải quyết thì khiếm hải như thể đó là một sự nguy hiểm. Chúng ta đã thành quen để nói rằng sự cần thiết có bệnh tật đã nắm tay trên trong họ, so với mong muốn được hồi phục. Nếu chúng ta phân tích sự đề kháng này theo lối thông thường - sau đó, ngay cả sau khi trừ bớt đã được thực hiện cho một thái độ thách thức hướng về với y sĩ, và cho sự dán chặt vào những hình thức khác nhau của lợi lộc đến từ bệnh tật, phần lớn hơn của nó vẫn còn bị bỏ lại; và điều này cho thấy chính nó như là mạnh nhất trong số tất cả những chương ngại để đi đến hồi phục, mạnh mẽ hơn so với những quen thuộc của tính bất khả tiếp cận mang tính chỉ-yêu-mình, một thái độ tiêu cực hướng về y sĩ, và bám chặt với lợi ích có được từ bệnh tật.

Đến cuối cùng, chúng ta đi đến thấy rằng chúng ta đang đối phó với những gì có thể được gọi là một yếu tố “đạo đức”, một cảm giác về phạm tội, vốn nó đương tìm thấy thỏa mãn của nó trong bệnh tật, và

từ chối không chịu buông bỏ sự trừng phạt chịu đau khổ. Chúng ta sẽ là đúng khi xem giải thích nản lòng này là cuối cùng. Tuy nhiên, về phần có liên quan đến cơn bệnh, cảm xúc tội lỗi này thì cảm không nói, nó không bảo với người ấy là ông ta phạm tội, ông ta không cảm thấy tội lỗi, ông cảm thấy bị bệnh. Cảm xúc tội lỗi này, vốn nó là vô cùng khó khăn để vượt qua, thể hiện chính nó chỉ như một sự đề kháng với sự hồi phục. Đây cũng là đặc biệt khó khăn để thuyết phục người bệnh rằng động cơ này nằm sau sự kéo dài bị bệnh của ông ta, ông giữ chặt lấy giải thích hiển nhiên hơn rằng điều trị bằng phân tâm thì không phải là thuốc chữa đúng với trường hợp của ông [2].

Mô tả chúng ta vừa đem cho, áp dụng với hầu hết những trường hợp cực đoan nhất của tình trạng này của sự việc, nhưng trong một chừng mức kém hơn, yếu tố này phải được nhận biết trong rất nhiều trường hợp, có lẽ trong tất cả những trường hợp tương đối nghiêm trọng của chứng bệnh rối loạn thần kinh. Trong thực tế, nó có thể là chính xác đúng yếu tố này trong tình cảnh, thái độ của ego lý tưởng, nó xác định mức độ nghiêm trọng của một bệnh rối loạn thần kinh. Do đó, chúng ta sẽ không ngần ngại để thảo luận đầy đủ hơn về đường lối trong đó cảm xúc tội lỗi thể hiện chính nó dưới những điều kiện khác nhau.

Một giải thích về ý thức cảm xúc tội lỗi thông thường (lượng tâm) trình bày không có những khó khăn, nó được dựa trên sự căng thẳng giữa Ego và Ego-lý tưởng và là sự biểu hiện của một sự lên án của Ego bởi cơ năng phê phán của nó. Những cảm giác về tự ti đã biết quá rõ trong thần kinh học có lẽ không xa với nó. Trong hai chứng bệnh rất quen thuộc, cảm xúc tội lỗi là được ý thức mạnh mẽ quá mức; Ego-lý tưởng phơi bày trong chứng mức độ nghiêm trọng đặc biệt, và thường nổi cơn cuồng nộ chống lại Ego một cách tàn nhẫn. Thái độ của Ego-lý tưởng trong hai trường hợp này, chứng ám ảnh loạn thần kinh và chứng u uất, trình bày cho thấy cùng với sự tương tự này, những khác biệt mà không phải là kém ý nghĩa quan trọng.

Trong những hình thức nhất định của chứng ám ảnh loạn thần kinh, cảm xúc tội lỗi là quá mức ồn ào nhưng không thể biện minh chính nó với Ego. Hệ quả theo sau đó là Ego của người bệnh nổi loạn chống lại sự qui tội của cảm xúc tội lỗi, và tìm sự hỗ trợ của y sĩ khi (Ego) thoái thác, không nhận chịu nó. Sẽ là đại đột để chấp nhận thế trong việc này, vì nếu làm như vậy sẽ không có hiệu quả. Phân tích tâm lý cuối cùng cho thấy rằng Superego đang bị ảnh hưởng bởi những tiến trình vốn Ego vẫn không biết đến. Có thể được khám phá ra những xung lực bị trấn áp đó vốn chúng thực sự ở dưới đáy cùng của cảm xúc tội lỗi. Vì vậy, trong trường hợp này, so với Ego, Superego biết nhiều hơn về id vô thức.

Trong chứng bệnh bị u uất, ấn tượng rằng Superego đã có được một nắm giữ trên hữu thức thì lại còn mạnh mẽ hơn nữa. Nhưng ở đây Ego không liều lĩnh phản đối, nó thú nhận tội lỗi của mình và khuất phục chịu trừng phạt. Chúng ta biết sự khác biệt. Trong chứng ám ảnh loạn thần kinh, những gì đã trong câu hỏi đã là những xung lực khách quan, chúng đã vẫn nằm ngoài Ego, trong khi trong chứng u uất, những đối tượng của thịnh nộ Superego giáng xuống đã được đưa vào trong Ego qua sự đồng hóa nhân cách.

Điều chắc chắn là không rõ ràng về lý do tại sao cảm xúc tội lỗi đạt đến một sức mạnh phi thường như thế trong hai chứng rối loạn loạn thần kinh, nhưng vấn đề chính được trình bày trong tình trạng này của sự việc nằm ở một hướng khác. Chúng ta sẽ tạm hoãn thảo luận về nó cho đến khi chúng ta giải quyết xong với những trường hợp khác, trong đó cảm xúc tội lỗi vẫn còn là vô thức.

Tìm thấy được điều này chủ yếu là trong chứng hysteria [3], và trong những trạng thái của một loại chứng động kinh. Ở đây, cơ chế mà theo đó cảm xúc tội lỗi vẫn còn vô thức thì dễ để khám phá. Ego động kinh ngăn đẩy một nhận thức đau buồn vốn qua đó những chỉ trích của Superego đe dọa nó, trong cùng một lối trong đó nó là trong thói quen ngăn đẩy một sự dồn-năng-lượng-vào-đối tượng không thể chịu đựng kéo dài được – bằng một hành động đàn áp.

Do đó, nó là Ego thì chịu trách nhiệm về cảm xúc tội lỗi đương còn trong vô thức. Chúng ta biết rằng, như một quy luật, Ego thực hiện những đàn áp trong dịch vụ phụng sự cho, và theo chỉ thị của Superego của nó; nhưng đây là một trường hợp trong đó nó đã quay cùng một vũ khí sang chống lại (người) độc công khắc nghiệt của nó. Trong chứng ám ảnh loạn thần kinh, như chúng ta biết, hiện tượng hình thành-phản ứng chiếm ưu thế, nhưng ở đây, trong chứng hysteria, Ego thành công chỉ trong việc giữ được một khoảng cách xa với vật liệu vốn cảm xúc tội lỗi đề cập đến.

Người ta có thể đi xa hơn và đánh liều đưa giả thuyết rằng một phần lớn của cảm xúc tội lỗi phải bình thường vẫn còn vô thức, vì nguồn gốc của lương tâm được kết nối mật thiết với mặc cảm Oedipus, vốn thuộc về vô thức. Nếu có bất cứ một ai đã nghiêng sang phía đưa ra mệnh đề nghịch lý rằng - con người bình thường không phải là chỉ vô đạo đức nhiều hơn so với người ấy tin tưởng, mà cũng còn đạo đức nhiều hơn so với người ấy được biết, phân tích tâm lý, trên những khám phá của nó, nửa đầu của khẳng định này dựa yên trên đó, sẽ cũng không có phản đối nào với nửa thứ hai. [4] Đã là một bất ngờ thấy rằng một sự gia tăng trong cảm xúc tội lỗi vô thức này có thể xoay người ta sang thành những kẻ phạm tội ác.

Nhưng nó là một sự kiện không còn nghi ngờ. Trong nhiều những kẻ phạm tội ác, đặc biệt là những người trẻ tuổi, có thể là dò ra được một cảm xúc về tội lỗi rất mạnh mẽ vốn nó đã có trước khi xảy ra tội ác, và do đó không phải là kết quả của nó, nhưng là động cơ của nó. Nó như thể nếu như nó đã là một khuây khỏa để có được khả năng buộc chặt cảm xúc tội lỗi vô thức này vào một-gì-đó có thực và trực tiếp trước mắt [5].

Trong tất cả những tình huống này, Superego trưng bày sự độc lập của nó với Ego ý thức, và những quan hệ mật thiết của nó với Id vô thức. Giờ đây, sau khi quan tâm đến sự quan trọng chúng ta đã gán cho những dự lượng thuộc lời nói tiền ý thức trong Ego, câu hỏi nêu lên không biết liệu nó có thể là trường hợp xảy ra rằng Superego, cho đến mức như nó là vô thức, gồm trong những trưng bày-bằng- từ-ngữ giống như thế hay không, và nếu nó không thế, nó gồm những gì khác trong nó. Trả lời chúng ta sẽ nghiêng sang sẽ là – điều không thể được cho Superego cũng như cho Ego để từ chối nguồn gốc của nó từ những điều đã nghe; vì nó là một phần của Ego và vẫn còn có thể đi đến được với ý thức bằng lời của những trưng bày- bằng-từ-ngữ này (những khái niệm, những trừu tượng). Tuy nhiên, năng lượng tập trung vào đối tượng không với đến được những nội dung này của Superego từ nhận thức thính giác (nghe hướng dẫn, hoặc đọc), nhưng từ những nguồn trong Id.

Câu hỏi vốn chúng ta đã hoãn chưa trả lời, như sau: Như thế nào Superego tự nó biểu hiện yếu tính như một cảm xúc tội lỗi (hay đúng hơn, như sự phê bình - vì cảm xúc tội lỗi là sự nhận thức trong Ego trả lời cho sự phê bình này) và thêm nữa, phát triển sự khe khắt khác thường như thế, và tính nghiêm khắc như thế hướng về Ego? Nếu trước tiên, chúng ta quay về chứng u uất, chúng ta tìm thấy rằng Superego hết sức mạnh mẽ, vốn nó đã nắm chặt được những cuồng nộ có ý thức chống lại Ego với bạo lực tàn nhẫn, như thể nó đã chiếm hữu toàn bộ sự bạo dâm (sadism) có sẵn trong người liên hệ. Đi theo quan điểm của chúng ta về chứng sadism, chúng ta nên nói rằng thành tố hủy hoại đã tự nó đào hào cố thủ trong Superego và đã quay sang chống lại Ego. Những gì bây giờ nắm giữ thống trị trong Superego, như nó đã, là một cây trồng thuần khiết của bản năng chết, và trong thực tế nó thường xuyên thành công đủ để lèo lái ego vào trong cái chết, nếu ego không ngăn chống bạo chúa của nó kịp thời bằng cách xoay vòng, chạy vào chứng mania. [6] Những khiển trách của lượng tâm trong một số hình thức nhất định của chứng ám ảnh loạn thần kinh như lo lắng cùng cực và dằn vặt đầy dọa, nhưng ở đây tình thế thì kém rõ ràng để hiểu hơn. Cũng cần đáng lưu ý, rằng trái ngược với chứng u uất, chứng ám ảnh loạn thần kinh trong thực tế không bao giờ đi đến bước của sự tự hủy diệt; nó như thể người

bệnh đã được miễn nhiễm chống lại nguy cơ tự tử, và so với như trong chứng động kinh, ông ta thì được bảo vệ tốt hơn rất nhiều với sự tự tử. Chúng ta có thể thấy rằng điều gì bảo đảm cho sự an toàn của Ego là sự kiện rằng đối tượng đã được giữ lại. Trong chứng ám ảnh loạn thần kinh, nó đã trở thành có thể có được, thông qua một sự thoái bộ [7] về tổ chức (của những bản năng-cấu thành) tiền-cơ-quan-sinh-dục [8], vì những xung lực-yêu thương tự chúng chuyển đổi chính chúng thành những xung lực gây hấn hung hãn chống lại đối tượng. Ở đây, một lần nữa, bản năng hủy diệt đã được buông tay, để cho tự do và nó tìm để tiêu diệt đối tượng, hoặc ít nhất là xuất hiện như có ý định đó. Những mục đích này đã không được Ego chấp nhận, và ego tranh đấu chống lại chúng với những sự hình thành-phản ứng, và những biện pháp đề phòng, chúng vẫn còn trong Id. Superego, tuy nhiên, cư xử như thể Ego đã phải chịu trách nhiệm về chúng, và đồng thời cho thấy qua sự nghiêm trọng mà với nó, nó đánh đuổi những ý định hủy hoại này vốn chúng không phải chỉ đơn thuần là có cái vẻ giống như được gọi lên bởi sự thoái bộ, nhưng là một thay thế thực sự của thù ghét cho yêu thương. Bất lực trong cả hai hướng, Ego tự bảo vệ nó một cách hão huyền tự phụ, cũng giống như chống lại những sự thủ mưu xúi bẩy của Id giết người, và chống lại những khiển trách của một lương tâm trừng phạt. Ít nhất nó thành công trong sự kềm giữ những hành động tàn bạo nhất của cả hai bên; thành quả đầu tiên là sự tự hành hạ dai dẳng không bao giờ kết thúc, và cuối cùng tiếp sau đến một sự tra tấn hệ thống hành hạ đối tượng, trong mức như nó thì trong tầm tay.

Những bản năng chết nguy hiểm được giải quyết trong cá nhân bằng nhiều cách khác loại: một phần chúng được xoay sở thành vô hại bằng cách được trộn lẫn với những thành phần gọi dâm, một phần chúng được xoay hướng về phía thế giới bên ngoài trong hình thức của sự gây hấn hung hãn, trong khi trong một mức độ lớn, chắc chắn chúng tiếp tục công việc nội bộ của chúng không bị cản trở.

Sau đó, như thế nào trong chứng thần kinh u uất, Superego có thể trở thành một thứ của chôn-tụ tập cho những bản năng chết? Từ quan điểm của kiểm soát bản năng, của đạo đức, có thể nói được về Id rằng nó thì hoàn toàn không đạo đức, về Ego rằng nó gắng sức để là đạo đức, và về Superego rằng nó có thể là siêu đạo đức và sau đó trở thành cũng độc ác như chỉ Id có thể độc ác được. Điều đáng chú ý rằng một người càng kìm hãm sự hung hăng của mình đối với bên ngoài bao nhiêu thì càng nghiêm trọng hơn - đó là gây hấn hung hãn - ông ta trở thành trong Ego-lý tưởng của mình. Quan điểm thông thường nhìn thấy tình thế theo lối ngược lại: tiêu chuẩn được thiết lập bởi ego lý tưởng xem dường như là động lực cho sự trấn áp sự gây hấn hung hãn. Tuy nhiên, Sự kiện còn lại như chúng ta đã phát biểu

về nó: một người càng điều khiển tính gây hấn hung hãn của mình bao nhiêu, khuynh hướng lý tưởng của người ấy sẽ trở thành càng sâu đậm hơn bấy nhiêu chống lại Ego của chính mình [9]. Nó giống như một chuyển đổi vị trí, một vòng quay trên chính Ego của mình. Nhưng ngay cả đạo đức bình thường thông thường có một kèm giữ thô bạo, một phẩm chất cấm đoán tàn nhẫn. Chính từ điều này, thực đúng vậy, khiến khái niệm nổi lên về một hữu thể trên cao hơn, là kẻ ban phát sự trừng phạt một cách không lay chuyển được [10].

Tôi không thể đi xa hơn trong xem xét của tôi về những câu hỏi này mà không cần giới thiệu một giả thuyết còn mới. Superego phát sinh, như chúng ta biết, từ một sự đồng hóa nhân cách với người cha được nhận như một mô hình. Tất cả mỗi đồng hóa nhân cách như thế là nằm trong bản chất của sự hủy tính dục, hoặc thậm chí của một sự thăng hoa. Giờ đây, xem dường có vẻ khi một chuyển đổi thuộc loại này diễn ra, một sự phân giải bản năng xảy ra trong cùng một lúc. Sau khi thăng hoa thành phần gọi dâm thôi không còn có sức mạnh để ràng buộc toàn bộ của tính hủy hoại vốn đã được kết hợp với nó, và tính này được phóng thích trong hình thức của một khuynh hướng gây hấn hung hãn và hủy hoại. Sự phân giải này sẽ là nguồn gốc của những đặc tính tổng quát của sự khắc nghiệt và tàn bạo được trưng bày bởi lý tưởng – “Nhà người sẽ phải” [11] độc tài của nó.

Dành một chốc lát, chúng ta hãy cùng xem xét chứng ám ảnh loạn thần kinh một lần nữa. Ở đây, tình trạng của sự việc thì khác biệt.

Sự phân giải của yêu thương vào trong sự gây hấn đã không là do tác dụng bởi những công việc của Ego, nhưng là kết quả của một sự thoái bộ vốn nó đã xảy ra trong Id. Nhưng tiến trình này đã mở rộng vượt ra ngoài Id vào trong Superego, mà bây giờ nó tăng cường tính nghiêm khắc của nó đối với Ego vô tội. Tuy nhiên, có vẻ như trong trường hợp này, không ít hơn như trong chứng thần kinh u uất, Ego, sau khi đã dành kiểm soát được libido - ham muốn tình dục - bằng phương tiện của sự đồng hóa nhân cách, Superego, qua những cơ chế hữu hiệu của sự gây hấn hung hãn vốn đã trộn lẫn với libido, đã trừng phạt Ego vì làm như vậy.

Những ý tưởng của chúng ta về Ego đang bắt đầu thành rõ ràng, và những quan hệ khác loại của nó đang chiếm được sự phân biệt đậm nét. Bây giờ, chúng ta thấy Ego trong mạnh mẽ của nó và yếu đuối của nó. Nó được giao phó cho những chức năng quan trọng. Nhờ vào sự liên hệ của nó với hệ thống nhận thức, nó mang lại cho tiến trình não thức một mệnh lệnh kịp thời và giao trình chúng cho “thử nghiệm-thực tại” [12]. Bằng cách chen-vào-giữa những tiến trình suy nghĩ, nó bảo đảm một sự tạm hoãn của động cơ những sự tháo xả và kiểm

soát sự tiếp cận với tính chuyển động [13]. Quyền lực thứ hai này, để chắc chắn, là một câu hỏi nhiều về phân hình thức hơn thực tế; trong vấn đề hành động vị trí của của Ego như một quốc vương trong nhà nước lập hiến, với không phê chuẩn của ông không luật nào được ban hành, nhưng là người sẽ chần chừ lâu trước khi áp đặt quyền phủ quyết của mình trên bất kỳ biện pháp nào được Nghị viện đưa ra. Tất cả những kinh nghiệm của đời sống có nguồn gốc mà không làm giàu cho Ego; tuy nhiên, Id, là thế giới bên ngoài thứ hai của nó, vốn nó gắng sức để đưa vào trong chinh phục cho chính nó. Nó kéo ham muốn tình dục libido ra từ Id và chuyển đổi những kết tập năng lượng vào đối tượng của Id vào trong những cấu trúc-Ego. Với sự giúp đỡ của Superego, trong một cách thức vốn vẫn còn mờ tối chưa rõ rệt với chúng ta, nó rút tỉa trên những kinh nghiệm của những thời quá khứ được trữ trong Id.

Có hai lối đi mà qua đó những nội dung của Id có thể thâm nhập vào trong Ego. Một lối là trực tiếp, một lối kia được Ego-lý tưởng dẫn đường; lối nào trong hai lối chúng có thể đi, đối với một số hoạt động tâm thần, là có tầm quan trọng quyết định: Ego phát triển từ những bản năng nhận thức để kiểm soát chúng, từ tuân theo bản năng để ức chế chúng. Trong thành tựu này một phần công trạng lớn được thực hiện bởi Ego lý tưởng, mà thực sự là thuộc phần một hình thành-phản ứng chống lại những tiến trình bản năng của Id.

Phân tích tâm lý là một khí cụ cho phép Ego đạt được một chinh phục tiến bộ với Id.

Tuy nhiên, từ một cái nhìn khác, chúng ta thấy cũng một ego này như là một sinh vật đáng thương, phải phục dịch ba ông chủ, và hệ quả là bị ba mối nguy hiểm đe dọa: từ thế giới bên ngoài, từ ham muốn tình dục libido của Id, và từ tính nghiêm khắc của Superego.

Ba thứ lo lắng tương ứng với ba nguy hiểm này, vì lo lắng là biểu hiện của một sự rút lui từ nguy hiểm. Là một sinh vật-biên cương, Ego cố gắng làm trung gian giữa thế giới và Id, để làm cho Id mềm dẻo với thế giới, và bằng phương tiện của hoạt động bắt thit của nó, để làm thế giới chiều theo mong muốn của Id. Trên thực tế nó ứng xử như người y sĩ trong tiến trình điều trị bằng phân tích tâm lý: nó đem chính nó ra cho, với chú ý nó trả về thế giới thực tại, như là một đối tượng tình dục với Id, và nhằm mục đích gắn libido của Id vào chính nó. Nó không chỉ là một trợ giúp cho Id, nó còn là một nô lệ phục tùng, cũng là người tán tỉnh lấy tình yêu của ông chủ mình. Bất cứ khi nào có thể được, nó cố gắng để vẫn giữ quan hệ tốt với Id, nó mặc quần áo cho vô thức của Id, nó ra lệnh với những sự duy lý hóa của tiên-y thức của nó, nó giả vờ rằng Id thì cho thấy sự vắng phục

với cảnh cáo của thực tại, ngay cả khi trên thực tế Id vẫn ngoan cố và không nhượng bộ, nó cải trang những xung đột của Id với thực tại, và nếu có thể, cả những xung đột của nó với Superego nữa. Trong vị trí nằm giữa đường của nó giữa Id và thực tại, nó thường chỉ là quá phải chịu nhượng bộ cho cảm dỗ để trở thành vai nịnh bợ, vai lợi dụng cơ hội, và vai nói dối, giống như một chính trị gia người thấy sự thật nhưng vẫn muốn giữ vị trí của mình trong ưa chuộng phổ thông của dân chúng.

Hướng về hai lớp của những bản năng, thái độ của Ego không phải là vô tư. Qua công việc đồng hóa nhân cách và thăng hoa của nó, nó đem cho những bản năng chết trong Id sự trợ giúp của nó trong việc chiếm giữ kiểm soát libido của Id, nhưng khi làm như vậy nó có nguy cơ trở thành đối tượng của bản năng chết, và của chính nó bị lụi chết. Nhằm mục đích có khả năng giúp đỡ trong cách này nó đã tự làm đầy nó với libido, thế nên chính nó trở thành đại diện của Eros, và từ đó về sau, nó khao khát sống và nhận yêu thương.

Nhưng vì công việc thăng hoa của Ego có kết quả trong một sự phân giải của những bản năng và một sự giải phóng cho những bản năng gây hấn hung hãn trong Superego, cuộc tranh đấu của nó chống lại libido phơi nó ra với nguy hiểm của sự bị ngược đãi và của cái chết. Trong khi điều đứng đầu khổ dưới những tấn công của Superego, hoặc thậm chí có thể ngã gục trước chúng, Ego thì gặp một số phận giống như của những sinh vật sống đơn bào [14] bị phá hủy bởi những sản phẩm phân hủy vốn chính chúng đã tạo ra.

[15] Từ quan điểm kinh tế, đạo đức như chức năng hành xử trong Superego có vẻ là một sản phẩm tương tự của sự phân hủy.

Trong số những quan hệ phụ thuộc, Ego đứng trong đó, quan hệ với Superego có lẽ là đáng chú ý nhất.

Ego là vị trí thực sự của sự lo lắng [16]. Bị đe dọa bởi những nguy hiểm từ ba hướng, nó phát triển những phản xạ- trốn chạy bằng cách rút tĩa những kết tập năng lượng riêng của nó từ sự nhận thức về đe dọa, hoặc từ tiến trình được xem là tương tự trong Id, và phát nó ra như là sự lo lắng. Phản ứng nguyên sơ này thì sau đó được thay thế bởi sự đem ra thực hiện những kết tập năng lượng bảo vệ (cơ chế của chứng thần kinh bị ám ảnh). Những gì làm Ego sợ hãi từ bên ngoài và từ nguy hiểm với libido không thể xác định được cụ thể; chúng ta biết rằng sợ hãi là thuộc về tình trạng bị choáng ngợp hoặc bị tiêu diệt, nhưng nó không thể nắm được để phân tích [17].

Ego chỉ đơn thuần tuân theo cảnh cáo của nguyên tắc lạc thú. Mặt khác, chúng ta có thể biết những gì ẩn đằng sau nỗi sợ hãi của Ego

về Superego, sự sợ hãi của lương tâm. [18] Hữu thể siêu việt, vốn nó chuyển vào trong Ego lý tưởng, đã một lần đe dọa thiên, và sợ hãi sự bị thiên này có lẽ là cái nhân quán quang nó tiếp theo sợ hãi của lương tâm đã tự thập, nó là nỗi khiếp sợ này dai dẳng tồn tại như là sợ hãi của lương tâm.

Câu nói vẫn quá đề cao, “mọi sự sợ hãi cuối cùng là sự sợ hãi cái chết”, hầu như không có bất kỳ ý nghĩa nào, và dấu trong mức nào đi nữa cũng không thể biện minh được [19]. Đường như với tôi, về mặt trái lại, hoàn toàn chính xác để phân biệt sự sợ hãi cái chết với sự sợ hãi về một đối tượng (lo lắng thực tế) và với lo lắng liên hệ với libido của nhiều loạn thần kinh. Nó trình bày một vấn đề khó khăn với phân tích tâm lý, vì cái chết là một khái niệm trừu tượng với một nội dung tiêu cực mà với nó không có vô thức tương ứng nào có thể tìm thấy được. Có vẻ như rằng cơ chế của sự sợ hãi về cái chết có thể chỉ là Ego buông tay từ bỏ những kết tập năng lượng ham muốn tình dục tự-yêu-mình của nó trong một chừng mức rất lớn - có nghĩa là, nó buông bỏ tự thân nó, cũng đúng giống như nó buông bỏ một vài đối tượng bên ngoài trong những trường hợp khác, trong đó nó cảm thấy lo lắng. Tôi tin rằng sự sợ hãi về cái chết là một gì đó xảy ra giữa Ego và Superego.

Chúng ta biết rằng sự sợ hãi cái chết làm nó xuất hiện dưới hai điều kiện (vốn thêm nữa, hoàn toàn tương tự với những tình trạng trong đó phát triển những loại lo lắng khác), cụ thể là, như một phản ứng với một nguy hiểm bên ngoài và như là một tiến trình bên trong, như thí dụ trường hợp của chứng thần kinh u uất. Một lần nữa một biểu hiện của chứng rối loạn thần kinh có thể giúp chúng ta hiểu một trường hợp bình thường.

Nỗi sợ hãi cái chết trong chứng thần kinh u uất chỉ thừa nhận một giải thích: đó là Ego tự buông bỏ mình vì nó cảm thấy bản thân nó bị Superego ghét và bức hại, thay vì yêu thương. Do đó, đối với Ego sống đồng nghĩa với là được thương yêu - được Superego thương yêu, vốn ở đây một lần nữa xuất hiện như là đại diện của Id.

Superego làm tròn cùng một chức năng bảo vệ và cứu vớt đã được hoàn thành trong những tháng ngày trước đó của người cha, và về sau đó của Gót phù trợ [20] hoặc của Số mệnh. Tuy nhiên, khi Ego thấy chính nó trong một nguy hiểm thật sự quá mức mà nó tin rằng mình không thể vượt qua được bằng sức mạnh riêng của mình, nó bị ràng buộc để rút ra cùng một kết luận. Nó thấy chính nó bị bỏ rơi bởi tất cả những lực lượng bảo vệ và để cho chính nó chết. Ở đây, thêm nữa, là một lần nữa cùng một tình trạng như nằm lót bên dưới trạng thái lo lắng lớn lao đầu tiên của sự ra đời và sự lo lắng âu thơ - sự lo

lắng đến từ sự phân tách khỏi người mẹ bảo bọc [21].

Những cân nhắc này làm cho khả hữu để xem sự sợ hãi của cái chết, giống như sự sợ hãi của lương tâm, như một sự phát triển của sự sợ hãi của sự bị thiếu mất cơ quan sinh dục. Ý nghĩa lớn lao vốn cảm xúc tội lỗi có trong những chứng loạn thần kinh làm cho nó thể mường tượng được rằng lo lắng chứng loạn thần kinh thông thường thì được tăng cường trong những trường hợp nghiêm trọng bằng cách tạo ra những lo lắng giữa Ego và Superego (sợ bị thiếu, của lương tâm, của cái chết).

Cuối cùng chúng ta quay trở lại Id, nó không có phương tiện để cho Ego thấy hoặc là yêu hay ghét. Nó không thể nói những gì nó muốn, nó đạt không được ý chí thống nhất. Eros và bản năng chết đấu tranh nội bên trong nó, chúng ta đã từng thấy với những vũ khí nào một nhóm này của những bản năng tự bảo vệ chống lại nhóm khác. Sẽ là khả hữu để hình dung ra Id như dưới sự thống trị của những bản năng chết tuy căm nhưng mạnh mẽ, vốn khát khao được xuôi tay an bình (được những nguyên tắc lạc thú nhắc nhở) và để đặt Eros, kẻ quấy phá hư hỏng tình quái, nằm xuống nghỉ yên, nhưng có lẽ như thế có thể là đánh giá thấp, coi thường phần đóng vai của Eros.

Lê Don Bàn tạm dịch - bản nháp thứ nhất (M ar/2012) (Còn tiếp...)
<http://chuyendaudau.blogspot.com/>
<http://chuyendaudau.wordpress.com> [1] [Có thể nói rằng Ego theo phân tâm hoặc theo lý thuyết tâm lý cũng đứng ngược trên đầu của nó không kém hơn so với Ego theo cơ thể giải phẫu học - cortical homunculus ở chương 2].

[2] [Trận chiến với trở ngại của một cảm giác vô thức về tội lỗi thì không làm thành dễ dàng cho công việc của những nhà phân tâm.

Không gì có thể làm được để chống lại nó trực tiếp, và không gì gián tiếp có thể làm được, nhưng chỉ thủ tục chậm chạp của sự gỡ bỏ mặt nạ những gốc rễ vô thức bị trấn áp của nó, và như thế dần dần chuyển đổi nó vào thành một cảm xúc về tội lỗi có ý thức. Người ta có một cơ hội đặc biệt để ảnh hưởng nó khi cảm giác vô thức về tội lỗi này là một cảm giác “vay mượn” - khi nó là sản phẩm của một sự đồng hóa nhân cách với một số người khác đã từng là đối tượng của một kết tập năng lượng gọi dâm. Một cảm xúc tội lỗi đã được tiếp nhận theo cách này thường là dấu vết còn lại duy nhất của quan-hệ-thương-yêu đã bị bỏ rơi, và không phải là dễ dàng gì cả để nhận ra giống như vậy. (Sự giống nhau giữa tiến trình này và những gì xảy ra trong chứng u uất là không thể nhầm lẫn). Nếu người ta có thể gỡ bỏ mặt nạ của sự kết tập năng lượng vào đối tượng trước đây này đằng sau vô thức, cảm xúc tội lỗi, sự thành công của điều trị thường là rực rỡ,

nhưng nếu không thế, kết quả của những nỗ lực của một người thì không có cách nào là chắc chắn. Nó phụ thuộc chủ yếu vào cường độ của cảm xúc tội lỗi; thường thường không có lực phản lại theo cùng một mức độ sức mạnh tương tự vốn sự điều trị có thể chống đối lại nó. Có lẽ nó cũng thế, có thể phụ thuộc, trên không biết liệu cá tính của nhà phân tích cho phép người bệnh đặt ông ta hay không vào vị trí của Ego-lý tưởng của người bệnh, và điều này liên quan đến một sự cảm dỗ với nhà phân tích để đóng vai của nhà tiên tri, vị cứu tinh và đáng cứu chuộc đối với người bệnh. Vì những quy luật của sự phân tâm tuyệt đối phản đối với sự y sĩ đem dùng nhân cách của mình trong bất kỳ cách thức nào như vậy, phải thành thật thú nhận rằng ở đây chúng ta có một giới hạn khác nữa với sự hiệu quả của phân tích tâm lý, và sau cùng, phân tích tâm lý không đặt ra để những phản ứng bệnh lý là không thể có được, nhưng để đem cho Ego của người bệnh sự tự do để quyết định một cách này hay cách khác.

Freud trở lại chủ đề này trong bài nghiên cứu của ông trong “The Economic problem of Masochism” (1924c), S. E., 19, 166, trong đó ông thảo luận về sự phân biệt giữa cảm xúc tội lỗi vô thức và sự bạo dâm đạo đức. Cũng xem thêm hướng 7 và 8 của Văn minh và những bất mãn từ nó (Civilization and Its Discontents-(1930d) [3] Hysteria: chứng động kinh - Chứng rối loạn thần kinh đặc trưng bởi sự cảm xúc dễ bị kích thích và đôi khi mất trí nhớ hoặc cơ năng cơ thể bị hư hỏng, chẳng hạn như tê liệt, mất cảm giác, mà không có nguyên nhân hữu cơ.

[4] [mệnh đề này là chỉ là một nghịch lý ngoài mặt, nó chỉ đơn thuần nói rằng bản chất con người có một mức độ mở rộng lớn hơn nhiều, cả tốt đẹp và xấu xa, hơn là nó nghĩ rằng nó có. Có nghĩa là nhiều hơn so với Ego của nó nhận thức được thông qua nhận thức có ý thức.] Freud nói một điều hiển nhiên, và đến nay đã thành dễ hiểu – chúng ta không biết “rõ” về chúng ta – nói chung và về phương diện đạo đức – là chúng ta tốt đến đâu và xấu đến đâu. Không như Descartes “ngây thơ” – những gì chúng ta biết về chúng ta không phải là tất cả chúng ta, ít nhất, nếu không muốn nói không phải và còn là sai lạc với những gì là chúng ta thực – mà “chúng ta thực” có lẽ cũng không bao giờ biết – hay với nhiều trường hợp – chúng ta không muốn biết, những gì trong bóng tối, trong vô thức, tốt nhất hãy nằm yên trong vô thức. Phần Id bao la mênh mông đầy những quái vật, những xác quá khứ đã rửa nát nay chỉ còn xương, thành những bóng ma ám ảnh, đôi lúc hiện hình trong ác mộng, và thường chúng ta không hiểu vì sao.

[5] [Một bản luận đầy đủ về điều này (cùng với một vài tham khảo khác) sẽ được tìm thấy trong Phần III của bài nghiên cứu của Freud

về “Some Character Types” 91916d),. S.E., 14, 332-3.] [6] M ania: chứng cuồng loạn thần kinh [7] Regression: hiện tượng Freud gọi là thoái bộ (tâm lý): một trong những cơ chế phòng ngự tâm lý được Freud xác định. Theo Freud có những khi người ta phải đối mặt với những tình huống trong đó có sự lo lắng quá mức rằng họ không thể đối phó với nó được, và họ tự bảo vệ mình bằng cách thoái bộ: tự rút lui về một giai đoạn phát triển tâm lý trước đó. Ví dụ, đứa bé gái ngày đầu tiên phải rời mẹ, rời nhà đến trường đi học. (Ngày đầu tiên đi học có thể rất đáng sợ) nên em bắt đầu trưng bày những hành vi rất trẻ con giống như ném đồ vật lung tung, dẩy dụa, dậm chân, khóc lóc, ôm chặt chân mẹ, và thậm chí còn làm ướt quần. Nghĩa là một đứa bé 4,5 tuổi cư xử như một đứa bé 2,3 tuổi.

[8] Preenatal organization: Chúng ta đã biết giai đoạn cơ quan sinh dục – một giai đoạn trong sự phát triển tâm lý - giai đoạn tiền-cơ quan sinh dục – là những giai đoạn trước đó, Preenatal organization là tổ chức của giai đoạn tiền-cơ quan sinh dục.

Ý tưởng của một tổ chức tiền-cơ-quan-sinh dục của ham muốn tình dục (libido) được Freud đưa vào giới thiệu trong nội dung về sự gợi dâm qua hậu môn. Thuật ngữ “preenatal,” trong Freud nói chung, xác định tổ chức tâm lý tình dục của đứa trẻ, với nhận định rằng vai trò những bản năng đồng vẫn còn chưa đặt nặng ưu tiên của sự gợi dâm trong các khu vực có bộ phận sinh dục. Những bản năng như vậy được gọi là bản năng cấu thành – hay thành phần - vì chúng vẫn chặt chẽ phụ thuộc vào nguồn cơ thể, chúng có một phần mục tiêu, và chúng hoạt động độc lập với nhau. Một phần các hoạt động tình dục bằng miệng và hậu môn được hỗ trợ bởi các chức năng sinh lý tương ứng: ăn và ỉa.

[9] [Freud đã quay trở lại nghịch lý này trong Section B của “Some Additional notes on Dream-Interpretation as a Whole” (1925i), S.

E., 19, 134, và cũng trong “The Economic problem of M asochism” (1924c), ibid., 170 và bàn luận về nó đầy đủ hơn nữa trong chương VII Văn minh và những bất mãn từ nó (Civilization and Its Discontents-(1930d)] [10] Giải thích của Freud về khái niệm Gót.

[11] Freud chỉ những điều rằng một chiều độc tài (được cho là của Gót, tương truyền là Moses đã nhận về cho dân Dothái), nay vẫn còn thấy trong hai tôn giáo Kitô và Dothái, chúng đều bắt đầu bằng - “Thou shalt...” – “Nhà người sẽ phải...” [12] [Cf. “The Unconscious” (1915e), S.E., 14, 188.] [13] [Cf. “Formualtion on the Two principles of M ental Functioning” (1911b). S.E., 12, 221.] [14] Protista - sinh vật sống đơn bào - khác biệt với thực vật và động vật đa bào, như protozoa, slime molds, và eukaryotic algae.

[15] [Freud đã bàn luận về những animalculae trong 1920g; Những sinh vật này ngày nay có lẽ được mô tả là những protozoa - những động vật nguyên sinh – hơn là Protista] [16] [Những gì tiếp sau chủ đề lo âu, phải được đọc trong liên hệ với quan điểm Freud duyệt lại như đã phát biểu trong Inhibitions, Symptoms and Anxiety (1926d), trong đó hầu hết những điểm nêu ở đây được bàn luận thêm xa hơn.] [17] [Khái niệm về ego trong tư cách “choáng ngợp” (của một “Überwältigung”) xuất hiện rất sớm trong những văn bản của Freud. Ở đây có sự liên kết hiển nhiên với “trạng thái chấn thương tâm lý” của “Inhibitions, Symptoms and Anxiety” (1926d)] [18] [“Gewissensangst”] [19] [Cf. Stekel 1908, 5)] [20] Providence [21] [Một vài thảo luận về sự xuất hiện của khái niệm này ở đây sẽ được tìm thấy trong Lời Giới Thiệu của người biên tập cho “Inhibitions, Symptoms and Anxiety” (1926d)] Sigmund Freud - Ego và Id (7) Cái Ta và cái Đó Sigmund Freud (1856-1939) The Ego and the Id Das Ich und das Es (1923) (tiếp theo) Lời bạt của người dịch bản tiếng Việt “Psychoanalysis is a procedure for the medical treatment of neurotic patients.” (Introductory Lectures on Psychoanalysis).

Phân Tâm hay Phân tích Tâm lý là một khoa trị bệnh dựa trên tâm lý học hơn là trên y học – đó là chữa trị những chứng bệnh liên hệ với não thức như lo lắng không dứt, sợ hãi những gì không thực và những chứng tương tự; nhưng cũng, và có lẽ quan trọng hơn, đối với nhiều người là một cách tìm được hiểu biết về chính mình, và sau đó được tự do, thoát khỏi những giới hạn áp đặt trên chính mình từ những bận tâm vô thức hay những chấn thương tâm lý thường gây ra từ tuổi thơ ((hay chiến tranh, đặc biệt với thế hệ có những biến cố loại như Mỹ-Lai).

Nhưng trong khi ngành trị bệnh bằng tâm lý học (psychotherapy) là một ngành tổng quát chỉ chung những trị liệu với những phương tiện không sinh học này (thí dụ gần đây, mở rộng sang những khoa trị bệnh bằng thiền, bằng yoga); nhưng Phân Tâm (PsychoAnalysis) là từ ngữ đặc biệt và chỉ riêng dành để chỉ về một dạng của khoa trị bệnh bằng tâm lý, hoàn toàn đặt cơ sở trên những lý thuyết của Sigmund Freud (1856-1939), và những người đi theo lối mở của ông, và tập Cái-Ta và Cái-Đó này là giới thiệu gần gũi nhất và trực tiếp nhất; The Ego and the Id cho chúng ta vắn tắt và rõ ràng nhất những khái niệm nội dung chủ yếu của lý thuyết – nay quen gọi là lý thuyết Phân tâm học. Và cũng thế, khi chúng ta dùng từ ngữ Phân tâm – lý thuyết (Phân tâm học) hay thực hành (dùng Phân tích tâm lý), chúng ta đều biết là chỉ nói về những gì hiểu theo Freud.

Sigmund Freud, người nước Áo, là một y sĩ, chuyên khoa về thần kinh (neurologist), và là một nhà trị liệu thần kinh (psychiatrist).

Ông đã bắt đầu phát triển những quan điểm của ông, những năm 1880 khi thăm dò những lợi ích của phép thôi miên (hypnosis) như một cách chữa trị cho chứng hysteria của phụ nữ, những người này không cho thấy có một nguyên nhân trực tiếp về sinh lý vật lý nào trên cơ thể. Ông đã đi đến quan điểm rằng hysteria có nguyên nhân từ những ký ức không thoải mái đẹp đẽ, vốn đã bị dồn nén trong vô thức của họ. Đầu tiên ông nghĩ là họ đã là những nạn nhân của nạn lạm dụng tình dục trong thời thơ ấu. Ông gọi đây là lý thuyết về cảm dỗ (seduction theory). Sau đó, ông thay đổi và chủ trương rằng những ký ức bị dồn nén, xua đuổi đó là những mong ước loạn luân với cha mẹ khác phái, và điều này đã được lấy làm nền tảng cho quan điểm của ông rằng tất cả những chứng nơ-rô thấy nơi người lớn đều bắt rễ từ những phát triển tâm sinh lý, hoặc đã bất toàn, hoặc bị rối loạn, trong thời thơ ấu.

Trong lý thuyết trưởng thành của ông (vẫn đang phát triển trong hai mươi năm cuối đời ông). Freud chủ trương là có ba cơ cấu trung tâm của não thức – hay ba khuôn mặt của mỗi nhân cách – ông gọi là cái-Đó, cái-Ta, và cái-Ta-lý tưởng, và có lẽ cả thế giới ngày nay đều biết chúng dưới tên gọi “quốc tế” của chúng là: Id, Ego, và Superego, nên chúng ta hãy dùng những thuật ngữ phổ thông này để chỉ những khái niệm đặc biệt này của ông.

Sáng tạo của ông về Phân tâm học, vốn vừa là một lý thuyết về tâm lý con người, vừa là một phương pháp trị liệu những chứng bệnh thần kinh, và vừa là một kính chiếu được dùng trong phân giải những hiện tượng nhận văn trong lịch sử xã hội và văn hóa loài người. Lý thuyết của ông về trieb (văn dịch theo bản tiếng Anh – instinct - bản năng, nhưng nguyên nghĩa tiếng Đức là xung lực, thúc đẩy) trong nhiều phương diện là một xây dựng có tính chất triết học siêu hình, có thể so sánh được với élan vital của Bergson, hay với ý chí của Schopenhauer. Những lý thuyết của ông đã có ảnh hưởng sâu rộng vượt rất xa tâm lý học, và cũng chính như ông, ông đã mở những thăm dò, nghiên cứu vừa táo bạo, vừa sáng tạo ra ngoài lĩnh vực hạn hẹp của phòng điều trị một y sĩ. Trên chiếc ghế sofa dành cho người bệnh phân tâm nổi tiếng ở thành Vienna, cuối cùng Freud đã đi đến đặt cả nhân loại nằm trên đó, hay đúng hơn một con người tiêu biểu cho tất cả chúng ta, nhìn xuất lịch sử tiến hóa sinh vật.

1.

Não thức trên vật chất Từ một lập trường khởi-nguyên-từ-tâm lý (psychogenic) trong tâm lý học, nghĩa là những triệu chứng bất thường tâm lý có nguyên nhân trong não thức; nhưng Freud cũng đã là một lý thuyết gia xây dựng lý thuyết của mình chặt chẽ nhất trên cơ

bản sinh học; là một nhà khoa học nghiên cứu ngành thần kinh, lý thuyết của ông cũng là một lý thuyết dựa trên thuyết Sinh động-nơ-rô (neurodynamic), có tham vọng giải thích những hành vi ứng của con người bằng những tiến trình nơ-rô, biết được hay chỉ đoán được, trong não bộ. Từ đó ông đi đến lý thuyết tất định sinh lý (biological determinism), tổng quát, chủ trương rằng, tất cả những hành vi ứng của con người có thể truy ngược về những động lực sinh lý, trong đó có thể ngầm, chúng ta không biết, và từ đó dẫn đến lý thuyết của ông về những bản năng vô thức (unconscious instincts). Như ông cho biết, trên những khám phá “đã mở ra trong Beyond the Pleasure Principle”, trong tập “The Ego and the Id” này, xuất bản ba năm sau tập trên, ông đi đến lập thuyết, ông gọi là làm “một tổng hợp hơn là một suy đoán, và xem dường đã có một mục đích tham vọng. Tuy nhiên, tôi ý thức rằng nó không đi xa hơn những phác thảo thô sơ nhất, và tôi hoàn toàn hài lòng trong vòng giới hạn đó”.

Lý thuyết đó nay đã phổ thông và nổi tiếng – thường gọi là Lý thuyết của Freud về não thức – có thể tóm thu trong hai mô hình đơn giản, chúng ta đã thấy trong tập sách này. Mô hình thứ nhất là một “núi băng trên biển” với ba vùng tương ứng với: ý thức, tiền-ý thức và vô thức. Mô hình thứ hai, là – “Não thức ba ngôi” – hay ba cơ cấu não thức: Id (đọc là Ít), ego và superego, tôi đề nghị dịch là cái-Đó (tôi muốn cái đó và ngay bây giờ), cái-Ta (gượng gượng đã nào, để xem không biết có được không), và Cái-Ta-Lý-tưởng (tởm thật, sao thèm thườngh xấu xa đến thế! Quên hết cả liêm sỉ!).

Đặc biệt, Id là kho chứa của những bản năng, Freud phân thành hai nhóm, ông gọi là hai “class” – hiểu như hai tập hợp lớn của những bản năng: Những bản năng Sống: chính yếu là những xung lực đòi thỏa mãn đói, khát, tự bảo vệ, tình dục. Ông lấy tên thần ái tình Eros đặt cho chung cho chúng, chính yếu là bản năng khao khát tình dục – vì những bản năng này muốn sống, muốn sinh con đẻ cái, và cũng có nghĩa là muốn được thương yêu. Xung lực của bản năng này cũng được gọi bằng một tên gọi đặc biệt, biết đến nhiều nhất Libido. Những bản năng Chết: những bản năng này khó thấy, vì thường kết hợp, trộn lẫn với những bản năng Sống khác, nhưng khi nó quay ra ngoài-sẽ thấy qua tính gây hấn hung hãn, chiến tranh, dai dẳng lập đi lập lại những ép buộc thúc bách phi lý. Ông cũng đem tên thần chết đặt cho nó là Thanatos, xung lực hủy hoại tàn phá của nó là Destrudo, đối lập với Libido. Sau đây nhắc lại một vài điểm quan trọng với những khái niệm vừa kể, dù có thể là thừa thãi.

Vô thức Freud không phải là người khám phá ra vô thức, nhưng ông là một nhà lý thuyết về vô thức, giải thích vô thức tác động ra sao, ảnh hưởng của nó như thế nào. Qua đó, Freud là người đã sáng tạo ra

một hình ảnh mới về não thức, không phải như là trung tâm được lý trí chiếu sáng, nhưng của đèn tối đầy những khó hiểu, vô lý. Não thức như một thứ biển lớn. Những gì chúng ta thấy trên mặt mặt và xuống sâu thêm một vài bước cách phần nước bên trên, là phần có ý thức, hay hữu thức. Nhưng từ đó xuống dưới đáy, phần bao la và đầy đen tối, là những chiều sâu vô thức chưa khám phá, chứa đầy những quái vật kỳ lạ. Viễn cảnh này là kết quả dẫn đến từ sự phát triển của khoa “tâm lý học chiều sâu”, chủ yếu là một quá trình thăm dò vô thức, bằng những phương pháp phân tích tâm lý, và còn là tri liệu từ sự nhận diện được một số những quái vật này. Hy vọng của Freud là tìm thấy và xây dựng một khoa học nhân văn, thực nghiệm, khoa học đó sẽ cung cấp cho chúng ta một sự nắm vững hữu thức về phần vô thức. Nhưng đã có một số người phản đối, họ phê phán là ông đã cung cấp một huyền thoại mới cho con người hiện đại, chứ không phải một khoa học mới.

Ngờ rằng con người có những hoạt động tinh thần vượt ngoài tầm hiểu biết tỉnh thức của chúng ta. Đặc biệt là có lẽ là sau những giấc mơ. Thế nên, từ buổi bình minh của văn minh loài người, chúng ta vẫn ý thức là có những gì không ý thức được trong chúng ta – nhưng vẫn nghiêng sang xem chúng là “mộng”, nghĩa là không thực.

Vô thức vẫn nằm trong đêm tối, vẫn bị ngờ vực, thực hay hư đây.

Dĩ nhiên ở đây, tôi đương nói về tư tưởng phương Tây mà thôi, vì ở phương Đông, cụ thể trong tầm hiểu biết là Ấn Độ, lấy thí dụ - đặc biệt trong Phật giáo, đã sớm có những công trình nghiên cứu rất thâm sâu về lĩnh vực của những gì chúng ta gọi chung là vô thức (Duy Thức học là một học phái lớn của Phật học). Quay về phương Tây, cái nội văn hóa của Freud, chúng ta thấy cho đến thế kỷ 17, trong tư tưởng triết học phương Tây, tựu trung có thể thu về hai chủ nghĩa lớn, và mỗi triết gia nếu không nghiêng về chủ nghĩa này thì đứng về phía chủ nghĩa kia. Chủ nghĩa duy vật - Materialism – về phương diện tâm lý, xem cơ thể và những hoạt động cơ thể - nghĩa là như tên gọi – những gì là hữu hình vật chất - là những thực tại duy nhất để nghiên cứu tâm lý. Chủ nghĩa duy ý - Idealism - (vẫn gọi tên sai là chủ nghĩa duy tâm), thêm vào những gì gọi chỉ có trong ý tưởng, hay tinh thần, xem chúng cũng là những thực thể - ở đây là thực thể tâm lý. Trong số những nhà theo chủ nghĩa Duy ý – Nhóm rất có ưu thế ở lục địa châu Âu, được gọi dưới tên là Cartesian dualism – những người theo thuyết thuyết nhị nguyên của Descartes – những người này chủ trì có hai lĩnh vực độc lập trong con người: những gì vô hình, trừu tượng, tinh thần là res cogitans và những gì không như thế, vật chất, là res extensa.

Như thế, chúng ta thấy những gì không ở trong hai lĩnh vực này, đặc biệt là những gì chúng ta không có ý thức – những gì vẫn ngờ là vô thức - thì không được xem là có trong con người. Giải thích và chủ trương như thế vì họ muốn duy trì sự thuận hợp tư tưởng của họ với những khái niệm thần học Kitô. Thế kỷ 17, đặc biệt ở nước Pháp, nhà thờ giữ thế lực rất quan trọng, gần như vẫn còn độc tôn và khuynh đảo tư tưởng.

Sang đến thế kỷ 18 và về sau, ý tưởng về những tiến trình não thức vô thức dần dần được xác định. Chúng ta thấy Kant (1724-1804) đã gợi ý rằng những hoạt động sáng tạo của những thiên tài chẳng hạn, là được những cứu cánh vô thức hướng dẫn. Trong số những triết gia Đức, đặc biệt F. Nietzsche (1844-1890), ông không bao giờ nghi ngờ sự hiện hữu của vô thức, chính ông mới là người tạo ra từ “Id”, để chỉ những yếu tố tinh thần vô ngã nhưng tuân theo những luật tự nhiên của thế giới vật chất, và cuối cùng đến Freud, như chúng ta biết là người đã hệ thống hóa, khai triển và dựng một lý thuyết hết sức quan trọng và có tầm ảnh hưởng lâu dài và sâu xa – lý thuyết về vô thức.

Nhắc lại, Freud không phải là người khám phá ra vô thức, nhưng sau ông – Vô thức là thực thể tâm lý, và muốn hiểu vô thức “thực” như thế nào, chúng ta có thể bắt đầu từ tập sách The Ego and the Id này.

Ego Đối với Freud, não thức gồm một cái-ta, ông gọi là ego, Nó là tất cả những suy nghĩ bình thường của một người, và nó xem dường có trách nhiệm chỉ đạo hành vi ứng xử hàng ngày của người ấy; nhưng đó chỉ là phần đóng vai ngoài mặt, dưới sâu là cái-đó, ông gọi là id.

Chính Id trước hết chứa tất cả những bản năng tự nhiên bẩm sinh và sau đó những cảm xúc hay tư tưởng bị xua đuổi dồn nén của chúng ta, Những xung lực khởi từ chúng, từ id mới thực sự là những động lực cho ứng xử của chúng ta. Trên cái-ta còn có cái-ta- lý-tưởng, ông gọi là superego, nó duy trì những lý tưởng, những qui luật, những nguyên tắc, tất cả đã tích lũy, chúng đến từ cha mẹ, giáo dục, xã hội, và superego này đóng vai canh chừng, cấm đoán, kiểm soát ego qua một thứ cảm xúc về lầm lỗi; từ căng thẳng giữa ego và superego là những gì xa gần chúng ta thường gọi là lương tâm, hay ý thức đạo đức. Trong các tôn giáo, cảm thức về sai trái này thường được gán cho một nguồn gốc thần linh (tiếng nói của Gót), nhưng với Freud, đó là tiếng nói của superego. Chấn thương tâm lý trong thời thơ ấu có thể phá vỡ sự cân bằng giữa ba cái tôi kể trên, và ego khi ấy trở thành đấu trường nội tâm của cuộc vật lộn giữa một id xâm lấn và một superego đe dọa. Kết quả có thể là những chứng rối loạn thần kinh, những bệnh trầm cảm, những bất an lo lắng trong đời người.

Não thức ba ngôi Giống Plato, Freud dùng hình ảnh của người đánh

xe ngựa: “Vì vậy, trong mối quan hệ của nó với id, ego giống như một người đàn ông cỡi trên lưng ngựa, người đó phải cố nắm (dây cương) giữ sức mạnh vượt trội của con ngựa, nhưng có sự khác biệt này, là người cỡi ngựa cố gắng để làm như vậy với sức mạnh của mình, trong khi ego sử dụng những sức mạnh vay mượn. Sự tương tự có thể được kéo xa thêm một chút nữa. Thường thì một người cỡi ngựa, nếu ông không phải rời bỏ con ngựa của mình, ông có trách nhiệm hướng dẫn con ngựa đi đến nơi ông muốn đi, do đó, trong cùng một cách ego là trong thói quen chuyển đổi ý muốn của id vào hành động như thể là của riêng của nó” (“The Ego và Id”).

2.

Sức mạnh của vô thức Freud là người đầu tiên trong lịch sử tư tưởng phương Tây cho thấy sức mạnh to lớn của vô thức – đây là điều chính yếu khiến ông thành nổi tiếng. Trước Freud, “vô thức” chỉ có nghĩa là bản năng, hoặc những phản ứng máy móc có tính cách cơ khí đôi khi thấy nơi con người. Freud là người đã tạo ra một hình ảnh mới của não thức – với vô thức và hữu thức - như nói ở trên – não thức chúng ta là một đại dương mênh mông, mà chúng ta chỉ biết phần trên mặt – có ý thức, còn dưới sâu tối đen rộng lớn, đầy những quái vật kỳ lạ. Cái nhìn này biến đổi tâm lý học, tạo ra một ngành khoa học mới, được gọi là “tâm lý học chiều sâu”.

Lý thuyết về libido Freud đã chấn động xã hội truyền thống vẫn giữ quan điểm bảo thủ bằng cách giải thích hành vi xã hội và những tổ chức xã hội như dựa trên nhu cầu phải áp chế những xung lực ham muốn trong những bản năng cơ bản của con người – trước tiên là bản năng tình dục – libido-và gây hấn xâm lược. Freud được biết đến nhiều nhất về lý thuyết liên hệ nhiều những hành vi của con người với bản năng tình dục. Libido là khám phá của Freud, chỉ sau thế chiến thứ I, bản năng gây hấn xâm lược mới được ông đưa thêm vào. Nền tảng và trọng tâm suy nghĩ của ông đã luôn luôn là những gì ông gọi là “lý thuyết tình dục”, với ham muốn tình dục – libido-như xung lực chính yếu và là chìa khóa giải thích hành vi con người. Freud đặt tầm quan trọng lớn trên sự tưởng tượng về tình dục trong thời thơ ấu. Lý tưởng của con người vẫn có trước đây về sự vô tội trong trắng của tuổi thơ đã bị Freud giết chết, và “lý thuyết tình dục” đã ra đời.

Tô tem và Ta bu Freud không chỉ gắn buộc phát triển tâm lý cá nhân mà cũng còn những hệ thống xã hội vào với nhu cầu phải đàn áp những bản năng cơ bản của con người, như tình dục và gây hấn hung hãn. Ông truy tìm nguồn gốc của xã hội loài người ngược về thời của một bầy đàn nguyên thủy, trong đó những đứa con trai đã có lúc kết hợp chống lại và giết người cha để giành quyền giao hợp với

những người nữ trong đàn. Ông thậm chí còn phỏng đoán rằng “trong thời kỳ nguyên thủy của gia đình nhân loại, người cha ghen tuông và độc ác đã thực sự đem thiến những đứa con trai mình khi chúng còn là những đứa trẻ đang phát triển”, và từ đó đã giải thích tục cắt bao quy đầu của tín đồ một số tôn giáo, như là một di tích của sự kiện này. Sự phát triển của xã hội loài người như chúng ta biết, đòi hỏi sự đàn áp liên tục những bản năng cơ bản của con người là tình dục và hung hăng. (“Totem và Taboo” 169).

3.

Định nghĩa lại Con người Freud là một y sĩ, và nhìn mình như một nhà khoa học, nghiên cứu với những phương pháp khoa học. Nhưng công trình của ông có ý nghĩa triết học hết sức lớn rộng. Freud đã thêm vào một chiều mới cho khái niệm về não thức, và làm như vậy, ông đã định nghĩa lại con người. Não thức thôi không còn là trung tâm của lý trí nữa.

Con người nếu không là một nạn nhân, thì cũng là kẻ phần lớn bị động của những tư tưởng và những bản năng trong vô thức, vốn vượt ra ngoài sự kiểm soát của lý trí nằm trong hũ thức của não thức. So sánh mình với Copernicus và Darwin, Freud đã từng nhận xét rằng ông là người cuối cùng của ba cuộc cách mạng hạ thấp con người. Đầu tiên, con người bị mất vị trí của nó như là trung tâm của toàn vũ trụ, sau đó nó lại bị mất đặc tính phân biệt mình và đặt mình trên tất cả những dạng sống khác. Đến Freud, cuối cùng đã cho thấy con người thậm chí còn không làm chủ được những hành động bên ngoài và những tiến trình trong não thức của chính mình.

Dồn nén Freud tin rằng xung lực chính yếu làm động cơ thúc đẩy hành vi con người từ tuổi sớm nhất là ham muốn tình dục – ông gọi là libido, là sự săn tìm khoái cảm tình dục. Ông vẽ ra tiến trình phát triển tâm lý con người qua một loạt những giai đoạn, bắt đầu với giai đoạn miệng khi trẻ sơ sinh giành được niềm vui từ bú vú mẹ, qua giai đoạn hậu môn đến giai đoạn dương vật. Ở đỉnh cao của giai đoạn dương vật (khoảng 3-6 tuổi), xung lực libido của đứa trẻ tập trung vào cha mẹ khác phái tính, ông đặt tên là mặc cảm Oedipus (hay mặc cảm Electra ở những bé gái). Những điều cấm kỵ xã hội đối với sự loạn luân lên án những khoái lạc tình dục trong của mối quan hệ cha mẹ-trẻ em ở giai đoạn dương vật, do đó cảm giác hoan lạc được đẩy ra khỏi ý thức vào vô thức - tiến trình đàn áp này gọi là xua đuổi dồn nén.

Mặc cảm Oedipus Tin tưởng của Freud vào mặc cảm Oedipus và sự quan trọng của nó có tính cách cá nhân và đam mê. Trong một bức thư cho người bạn của mình là Fliess, ông thú nhận: “Tôi cũng đã tìm

thấy tình yêu mẹ và ghen tị với cha trong trường hợp của riêng tôi nữa, và bây giờ tôi tin rằng nó là một hiện tượng phổ thông của thời thơ ấu ...” (“The Interpretation of Dreams”, 1900). Ở chỗ khác, ông tuyên bố: “Số phận của vua Oedipus làm cảm động chúng ta chỉ bởi vì nó có thể đã là của chúng ta - bởi vì lời tiên tri đã cùng một lời nguyên trên chúng ta trước khi chúng ta ra đời của cũng như với Oedipus.

Đó là định mệnh của tất cả chúng ta, có lẽ, hướng xung động tình dục đầu tiên của chúng ta về với mẹ của chúng ta và hận thù đầu tiên của chúng ta và mong muốn giết người đầu tiên của chúng ta chống lại cha của chúng ta”. (Thư gửi Fliess, ngày 15 tháng 10).

Huyền thoại Oedipus được Sophocles trình bày mạnh mẽ và sống động trong một bi kịch Hy Lạp thế kỷ 5, nhưng nó đã tiếp tục chiếm giữ trí tưởng tượng con người phương Tây qua suốt những thế kỷ sau đó. Lévi-Strauss cũng sử dụng nó trong hỗ trợ lý thuyết của ông về phân tích cấu trúc của những thần thoại. Câu chuyện đó rất phổ thông trong cổ điển Hy Lạp, được khắc vẽ trên những bình lọ cổ. Một trong những bức vẽ này cho thấy con quái vật Sphinx, hoành hành khủng bố dân chúng ở thành Thebes, vào thời điểm đó, một lần đã thách mọi người, trong đó có Oedipus một câu đố. Chỉ bằng cách trả lời câu đố này, Oedipus mới có thể vào thành Thebes và tiếp tục hành trình tìm kiếm sự thật về đời ông. Câu đố chỉ là một phần nhỏ của câu chuyện Oedipus là một người cố định mệnh xếp đặt không thể tránh khỏi là mang số phận phải giết cha và kết hôn với mẹ của mình. Tuy nhiên, với Freud, câu đố có liên quan với con người – là một con vật với những giai đoạn phát triển nó phải trải qua trong đời, và cũng như Oedipus, chúng ta thường mù lòa trước những hành động của chính mình.

Mặc cảm Oedipus được xem là dấu hiệu văn hoá đặc biệt của Freud, trong tập The Ego and the Id này, được ông dẫn lại khi trình bày nguồn gốc của ego và superego.

4 Chúng ta biết được những gì về chúng ta? a. Con người là một sinh vật vô lý hơn là hữu lý.

Cho dù là chủ nghĩa duy lý hay duy vật, tất cả những khái niệm về việc học tập của con người trước đây nhìn thấy nó như là một quá trình qua lại giữa ý thức với môi trường bên ngoài. Về phương diện hành vi ứng xử. Ít nhất Freud đã xoay tiến trình học tập và phát triển từ bên trong ra bên ngoài. Sự phát triển của hành vi con người được những xung lực nội tại xem dường vô lý thúc đẩy từ bên trong, và cũng bị kiểm soát bởi sự đàn áp của những xung lực tự nhiên bản năng này. Lý thuyết của Freud về đàn áp bản năng và dồn nén có thể giải thích rất nhiều về hành vi của con người bình thường, không chỉ

những chứng rối loạn thần kinh. Con người duy lý tìm kiếm sự hiểu biết cao hơn về những chân lý phổ quát như đã các triết gia từ Plato đến Descartes vẽ ra, nay đã nhường chỗ cho một sự hiểu biết mới về con người vô lý, không hợp lý, con người bị thúc đẩy bởi những sức mạnh mà chính cái -Ta, ego của hắn, cũng chỉ có một kiểm soát giới hạn.

b. Thăm dò và Phân tích Nội tâm Thay vì tìm kiếm sự hiểu biết con người thông qua việc theo đuổi những lý tưởng phổ quát, như các triết gia duy lý; hoặc qua một hữu thể tối cao, như gót trong các tôn giáo Abraham. Những cái ta cá nhân - những ego - có thể trở nên tự nhận thức về chính mình thông qua một quá trình xem xét và phân tích tâm lý. Mục đích chính của phân tâm học là để thăm dò những độ sâu của vô thức.

Thường thường với trợ giúp của một ý sĩ đóng vai hướng dẫn. Một quá trình tháo gỡ những liên kết (free association) để khuyến khích những cá nhân nói bất cứ gì mà đột nhiên đến với não thức, được xem là cho phép những suy nghĩ và những cảm xúc trước đây bị áp chế, bị dồn nén, bị xuấ đuổi nay có thể trỗi lên xuất hiện trên mặt nổi của ý thức. Freud tin rằng phương pháp này sẽ không chỉ dẫn đến sự hiểu biết về não thức cá nhân, mà còn cho phép những khám phá lớn lao hơn, trong kiến thức khoa học về những hoạt động của não thức con người. Thực tế là những dữ liệu phân tích tâm lý là hoàn toàn chủ quan, và do đó không thể kiểm chứng trong một chiều hướng khoa học. Như một người đi câu cá, cuối cùng sẽ chỉ thấy cá, nhà phân tâm cuối cùng nếu thấy sẽ chỉ tìm thấy những gì ông muốn tìm. Vì vậy, tâm lý chiều sâu không bao giờ có thể là một khoa học khách quan. Nhưng là khoa học hay không, nó đã chiếu những ánh sáng mới và làm sáng tỏ hơn về não thức con người.

c. Những tác động của Vô thức Chúng ta nghe những lời nói hớ, hay lỡ lời – gọi là Freudian slips - khi những rào cản bình thường bị suy yếu và xung lực từ id vượt qua hàng rào áp đảo và đi vào ego. Những giấc mơ cũng tương tự như thế, xảy ra khi những yếu tố vô thức xâm nhập vào ý thức.

Giấc mơ có thể hoạt động như sự thực hiện những mong muốn bị dồn nén, trấn áp, một sự hòa giải những nhu cầu mâu thuẫn nhau trong mỗi chúng ta. Ở một mức độ xã hội, tôn giáo thực hiện một chức năng tương tự, hoạt động như đèn đáp, thay thế cho những ước-muốn-được-thành cho những con người não thức yếu đuối như trẻ em, tôn giáo như thế là một một loại “loạn thần kinh tập thể”. Nghệ thuật cũng là một ảo giác thần kinh, một sự đào thoát khỏi thực tại cho nghệ sĩ và xã hội, thông qua tưởng tượng. Những hiện tượng

tượng tự, Freud gọi là thăng hoa, giữ những xung lực nhưng chuyển đổi tượng thấp hèn, bị xã hội lên án của nó, sang những đối tượng được xã hội chấp nhận, tán thưởng.

5 Ảnh hưởng của Freud Vị thầy chiếu ánh sáng vào vô thức, đánh thức những giấc mơ của nhân loại.

Freud thích được xem mình như là người tạo ảnh hưởng, không phải là người chịu ảnh hưởng. Ông tự xưng, dùng những lời của chính ông - Tôi là một người “khám phá não thức”, một người “chinh phục đất mới”, (nguyên văn là “Columbus của não thức”, một “Conquistador”), là một người “quấy động giấc ngủ của loài người”. Ông cũng nói “tôi đã phải vung rìu chém mở từng bước một, trên con đường đi riêng của mình, qua một khu rừng rậm rạp chỉ một mình tôi”. Ông tự hào, tương phản nỗ lực của ông với của những người nổi tiếng đương thời như Einstein. Trong suốt cuộc đời của mình, Freud đã thu hút một nhóm những người hâm mộ mà ông đòi hỏi phải hết lòng tuyệt đối. Hai trong số những người ông đỡ đầu hướng dẫn, A. Adler và C. Jung, sau đã thành lập những trường phái tâm lý mới, tách khỏi phân tâm học của Freud. Những thành công của họ cho thấy ảnh hưởng của Freud trong lĩnh vực tâm lý học, chỉ kể một thí dụ nổi bật là trường hợp Carl Gustav Jung (1875 –1961).

Jung và Vô thức tập thể Jung vốn một thời đi cùng đường với Freud, nhưng Jung là người đặt câu hỏi về uy quyền của “lý thuyết về tình dục” và đã tách ra khỏi Freud. Ông đưa ra lý thuyết vô thức tập thể (collective unconscious), mẫu người hướng nội, hay hướng ngoại là thuật ngữ của ông (introvert, extrovert). Cuối cùng, Jung dựng một trường phái tâm lý mới của riêng mình, với một cái nhìn rộng hơn về libido - ham muốn tình dục và ảnh hưởng của nó trên hành vi của con người. Jung thấy libido như là một năng lực sống đầy sức sáng tạo, có khả năng được đầu tư theo những chiều hướng khác nhau, vào tôn giáo, hay nghệ thuật chẳng hạn. Đối với Freud, vô thức là vùng sâu thẳm đen tối của não thức, đầy những chất liệu ấu trĩ bị xua đuổi, áp chế. Đối với Jung, nó đầy những sức mạnh huyền bí đem cho sự sống. Nó là kết nối của chúng ta với những suối nguồn của cuộc sống.

Jung thấy vô thức có hai phần - một lớp cá nhân và một lớp vô thức tập thể, lớp này được thừa kế chung cho tất cả nhân loại và gồm những mẫu thức (archetypes). Vô thức tập thể là nguồn gốc của khả năng của chúng ta để tượng trưng hóa cho những tình huống phổ quát của con người. Những mẫu thức là những nội dung của vô thức tập thể, đã cung cấp cơ chế để tạo ra những huyền thoại, nghệ thuật, những hệ thống tôn giáo, chúng giải quyết những băn khoăn muôn

thuở của con người, trong đó có cái chết.

Ảnh Hưởng sâu rộng, đặc biệt trong văn hóa, nghệ thuật
“(Psychoanalysis) can be applied to the history of civilization, to the science of religion and to mythology, no less than to the theory of the neuroses, ... What it aims at and achieves is nothing other than the uncovering of what is unconscious in mental life.” (Introductory Lectures on Psychoanalysis).

Trong khi phần lớn của tư tưởng của Freud đã bị từ chối hoặc sửa đổi, ảnh hưởng của ông về tư tưởng hiện đại hết sức lớn rộng và sâu xa. Chúng ta đều mặc nhiên là những người theo Freud, khi nói về vô thức, ego, dồn nén trong tâm lý thông thường hàng ngày. Đặc biệt chú ý về văn hóa nghệ thuật, nên tôi phải nhắc qua ảnh hưởng của Freud ở đây.

Ba nguyên lý của Freud có ảnh hưởng sâu xa vào văn học nghệ thuật: - Thuyết tất định tâm lý (psychic determinism): chủ trương rằng tất cả những sự kiện não thức, bao gồm mơ, những tưởng tượng, lầm lỗi và những xáo động, nhiễu loạn thần kinh đều có một ý nghĩa.

- Lý thuyết về vô thức, nhấn mạnh trên những tiến trình não thức nhưng chúng ta không có ý thức, không hay biết gì về chúng, dù chúng vai trò chủ động trong đời sống tinh thần và những ứng xử trong đời sống hàng ngày chúng ta với thế giới bên ngoài.

- Một quan điểm về sự phát triển tâm lý của đời sống con người, trong đó nhấn mạnh vào những kinh nghiệm thơ ấu, và giải thích nhân cách dựa trên khuôn khổ của khơi chảy, chuyển hướng và làm nguội lạnh những năng lượng của libido.

Ảnh hưởng của Freud, đặc biệt trong văn học nghệ thuật châu Âu, trong hai thế kỷ qua, sau khi ông qua đời, vẫn tiếp tục đến nay.

Chúng ta có thể kể những tên tuổi lớn, trong tiểu thuyết như Thomas Mann, M. Proust, J. Joyce, Franz Kafka, William Faulkner, Virginia Woolf, D. H. Lawrence; trong thơ như T.S. Eliot and W.B. Yeats, trong kịch như S. Beckett, trong phê bình văn học như I.A. Richards, William Empson, Edmund Wilson. Trong mỹ thuật như chúng ta thấy trong các tranh vẽ của Dali, Picasso, Beckmann.

Trong tác phẩm của họ, chúng ta tìm thấy những chủ đề của Freud, ngay cả trong khi chính họ từ chối lời giải thích của ông về sự thúc đẩy sáng tạo. “Dòng chảy của ý thức” – chúng ta thường gọi là “độc thoại nội tâm” như là một kỹ thuật văn học có nguồn gốc của nó từ Freud. Ngoài ảnh hưởng về văn học nghệ thuật đã được thừa nhận,

chúng ta rất khó có thể tưởng tượng sự phát triển của chủ nghĩa hiện sinh (existentialism) hay chủ nghĩa cơ cấu (structuralism) mà không có Freud.

Mới đây, Jaques Lacan đã kết hợp tư tưởng của Freud với ngôn ngữ học cấu trúc và đã dẫn đến một sự hồi sinh chủ nghĩa Freud- Mới bắt đầu ở Pháp. Và cũng phải nhắc – một trường phái phê bình văn học – chúng ta vẫn gọi là trường phái phân tâm (Psychoanalytic criticism) có thể nói là bắt đầu với những bài viết của chính Freud – đến nay đã đưa đến những khám phá và khai triển sáng tạo trong những lý thuyết của Jacobson, Lévi-Strauss, Barthes, và Lacan.

6.

Tạm kết Một người đọc với nhận thức thông thường như chúng ta, đều bảo chúng ta rằng Freud là một nhà bút chiến lỗi lạc và là một khuôn mặt tư tưởng lớn của nhân loại. Những vấn đề ông đưa ra là những vấn đề gây tranh cãi muôn thuở của con người, và có lẽ sẽ không bao giờ đi đến kết thúc. Trong lý thuyết của ông, nếu có bất kỳ bằng chứng nào cho những khẳng định của ông, thì chắc chắn rằng bằng chứng cũng có thể đến từ những lĩnh vực bên ngoài khoa phân tích tâm lý của ông, và khi xem xét những bằng chứng này, chúng ta cũng tìm thấy chúng có nhiều mâu thuẫn với những giả thuyết của Freud.

Ví dụ, những nhà bệnh lý học khẳng định rằng không có kết nối có thể được rút ra từ những sự kiện hay biến cố xảy ra trong thời thơ ấu và chứng loạn thần kinh hay những chứng bệnh tâm lý khác ở người lớn, hoặc thậm chí là khuynh hướng tình dục của người lớn.

Kết quả là, nhiều những luận văn của Freud mất đi ý nghĩa giải thích trong thời đại của nó. Những nhà thần kinh học, chẳng hạn như Edelman, thông báo cho chúng ta rằng ký ức con người nên được hiểu trong những điều kiện của tính dẻo dai và do đó những gì Freud coi như não thức bị áp chế thì có thể đúng hơn xem như quan sát một não thức được tổ chức, dàn xếp lại những chức năng và những kỷ ức của nó. Tuy nhiên, khi nhìn Freud trong triết học, chúng ta chuyển sang một lãnh thổ khác.

Ở đây, con người cố gắng hiểu chính mình và lẫn nhau, thế nên sự hiểu biết, phân tích và kết quả không bao giờ có thể là khách quan.

Hãy cứ làm thử, một người – dù là ai - luôn luôn sẽ ít nhiều rút lui vào chủ quan của mình, hiển nhiên vì đây là chỗ dựa vững chắc duy nhất một người có thể có được. Bằng cách này, chúng ta chỉ có thể hiểu Freud là đúng sự thật đến đâu trong những mức độ mà trong đó mọi

người tự tìm thấy những gì ông nói có ý nghĩa với cuộc sống nội tâm, trong não thức của riêng họ.

Tôi nghĩ rằng Freud nên được hiểu như là một nhà tư tưởng cách mạng triệt để, cách mạng từ gốc rễ, ông đã nâng cao nghi ngờ về những hoạt động của não thức chúng ta, trên nhiều những vấn đề đã được Nietzsche và Schopenhauer đặt ra, và chỗ đứng của ông trong tư tưởng nhân loại không chỉ là một y sĩ, một nhà tâm lý, hoặc nhà khoa học, nhưng là một nhà tư tưởng vĩ đại. Freud đã thành lập một triết lý văn hóa, triết lý về bản chất con người, giúp chúng ta tự khám phá chính mình. Ông đã để lại một triết lý về đời sống (Lebensphilosophie), ông đi vào văn hóa bình dân, phổ thông (popular culture) – đem cho chúng ta từ ngữ mới và giá trị phán đoán mới đi kèm với chúng. Ông đứng cùng hàng với những triết gia duy lý Đức, từ Kant, qua Fichte, Schelling, đến Hegel. Chỉ khác với họ là ông đưa ra một tri thức luận, một lý thuyết không về lý trí (như Hegel) nhưng về những gì phi-lý trí của tâm lý con người.

Thế nên, danh tiếng của ông trong lĩnh vực khoa học, đã dần bị vượt ngoài và đến nay đã bị bỏ qua; nhưng thay vào đó, Freud có thể được nhìn trước hết và quan trọng nhất - như một con người đã phá vỡ ý tưởng của Descartes, ý tưởng trong cơ bản là lý thuyết nhị nguyên về con người. Ý tưởng của Descartes trong cogito ergo sum về một sự thấu hiểu cái-Tôi, khi hỏi tôi là ai? Đã trả lời là sum res cogitans, là cái tự ngã tự túc, cái-ta của Descartes, nó tự biết nó cảm thấy như thế nào và tại sao nó cảm thấy như vậy; nhưng tất cả chỉ là ảo tưởng, Dưới mắt nhìn của Freud, nếu Descartes (và những người theo ông) không sai lầm, cũng ít nhất thiếu sót. Trong “tôi suy tưởng nên tôi hiện hữu”, với Descartes, chỗ chúng ta chắc chắn cuối cùng là ý thức và khiến Descartes tin rằng đã chứng minh được chính ông hiện hữu vì như một chủ thể suy tưởng, có ý thức hữu thức. Suy tưởng là ý thức và khi chúng ta suy tưởng chúng ta hoàn toàn hữu thức. Hữu thức của Descartes không có chỗ hở cho nghi ngờ nữa, và đây là chỗ Freud đánh đổ Descartes khi nói rằng hữu thức thì không phải là tất cả, cũng không độc lập, không chắc chắn như chúng ta tưởng. Con người – tạm cho là có một não thức tinh thần tách biệt với thân xác - không thể biết được tất cả não thức tinh thần chính mình chỉ với ý thức hữu thức của mình. Freud cho chúng ta thấy Ego có phần nằm trong vô thức, và trong chúng ta có những tiến trình suy tưởng – hay đúng hơn những vận động tâm lý - hoàn toàn vô thức, và chúng tác động mạnh mẽ vào hữu thức.

Freud đã chiếu ánh sáng vào não thức vẫn tưởng sáng sủa minh bạch của Descartes, cho thấy nó vẫn có những phần u tối, không rõ, không ý thức được.

Ảnh hưởng rất lớn lao nữa của Freud là trong tư tưởng, văn học của thế kỷ XX, như tóm tắt ở trên, trong mỹ thuật và phim ảnh, và trong tất cả chúng ta, trong cách mọi người quanh chúng ta suy nghĩ và nói về bản thân mình. Giờ đây có thể nói, chúng ta đều là những “tín đồ” của Freud, với các lý thuyết, hay cũng có thể gọi là tín điều, hay xa hơn là những huyền thoại về những khái niệm được ông dựng lên là vô thức, hữu thức, libido, ego, superego; về những bản năng Sống và bản năng Chết - Eros và Thanatos; Và cuối cùng, và có lẽ cũng quan trọng nhất, là cách thức, trong đó ông đã nêu lên từ đây sự nghi ngờ trên tất cả những đặc điểm vẫn thường vẽ vời như đẹp đẽ của con người, ông đã chỉ ra một mặt khác của con người vốn đã cố tình bị lãng quên, hoặc bị bỏ qua trong nhiều thế kỷ, mặt của bản năng thô sơ, mặt của vô thức đen tối. Chúng ta không thể làm ngơ được vì những thể hiện của chúng trong lịch sử loài người. Như bản năng chết, xung lực gây hấn hung hãn; khi con người ném mình vào xã hội của chính nó tạo lập – nó chẳng những không bị mất, nhưng không thể tránh được, và đã bùng nổ từ những mâu thuẫn, dồn nén - giữa cá nhân và tập thể - ông trình bày trong Văn minh và những Bất mãn từ nó (Civilization and Its Discontents). Hay một thể hiện quen thuộc khác – qua niềm tin tôn giáo dai dẳng mà ông gọi là chứng ám ảnh loạn thần kinh phổ quát của nhân loại (“the universal obsessional neurosis of humanity”), khi mong tìm cứu rỗi, đã đặt cứu cánh cuộc sống, giá trị và đạo đức, cho là nguồn gốc đến từ ngoài trần gian này, vào một ảo tưởng mê muội, trong Tương lai của một Ảo tưởng (The Future of an Illusion) – Theo cách đặc biệt của riêng mình, Freud là một nhà tiên phong đứng ngang hàng với những Copernicus hoặc Darwin, và cũng như Marx và Nietzsche, Freud là một bậc thầy nghi ngờ, đặt lại những câu hỏi sau cùng về bản chất con người.

Trở về với con người bình thường, nhỏ mọn của chúng ta, chừng nào trong đời sống, vẫn có những lúc chúng ta tự thấy bế tắc hay sững sờ, hỏi mình, hay hỏi về người, vì những gì biết từ lý trí sáng suốt, theo lẽ đời thường vẫn không thể nào giải thích được - tại sao những ứng xử đó? tại sao những lời như vậy? Nếu còn những câu hỏi tại sao loại như thế đó, có lẽ Freud vẫn còn quanh đây, chúng ta chưa thể bỏ được ông, vì từ chính những khái niệm của ông trình bày trong tập The Ego and the Id này, vẫn có thể tạm cho ngay chúng ta câu trả lời, và nhiều khi đó là câu trả lời duy nhất, về một phương diện nào đó, chúng ta có thể nhận được, lúc này.

Đó cũng là một lý do tôi tạm dịch The Ego and the Id, chúng ta nên có một bản tiếng Việt của tập luận thuyết quan trọng này, xuất bản bằng tiếng Đức năm 1923, The Ego and the Id là công trình Freud tự tay tóm tắt một cách rõ ràng nhất những khái niệm chủ yếu trong triết lý tâm lý của ông. Bản văn đã thành cổ điển, những khái niệm trong nó

đã thành phổ thông của văn hóa và tâm lý học.

Bản tiếng Anh, của nhà xuất bản W. W. Norton & Co. in tại NewYork, tôi dùng để dịch; chỉ có đúng 62 trang của khổ sách loại bỏ túi. Tôi cố gắng giữ bản dịch này cũng xấp xỉ, không dài hơn thế, vì tôi nghĩ (đâu đó từ tiền-ý thức – không có gì rõ rệt chứng minh) rằng nếu bản dịch dài hơn nguyên bản - chắc chắn là có nhiều sai lầm. Nên lời bạt này là cố gắng thêm thắt của tôi, muốn làm sáng tỏ những định nghĩa của Freud về những khái niệm của chính ông, vốn cho đến nay, chúng vẫn bị hiểu lầm, hoặc bị phê phán hết sức bất công, hoặc được đem ứng dụng liều lĩnh, vội vàng, đều trước khi hiểu được đúng những gì ông đã nói.